

TRUYỆN KỂ DO THÁI




nhà nam



NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

Truyện kể Do Thái

Alphabooks

Chia sẻ Ebook: <http://www.downloadsach.com>

Follow us on Facebook: <https://www.facebook.com/caphebuoitoi>

Giới thiệu sách

Qua tất cả những câu Truyện Kể Do Thái các bạn sẽ khám phá ra những nhân vật đặc sắc của cộng đồng Do Thái kỳ lạ sống tản mát khắp châu Âu. Những người hùng mà hầu hết đều là những người trẻ tuổi phải bắt đầu những bài học đầu tiên trong trường đời. Bạn sẽ khám phá ra một thế giới kỳ diệu, đầy những tập tục và đức tin lạ kỳ, nơi mà người Do Thái sẽ hiện ra đầy đủ với sự kiên trì cùng lòng dũng cảm.

Dù nghiêng về sự thông thái hay về tín ngưỡng, những truyện kể Do Thái sẽ làm ta vui sướng thật sự với những cuộc phiêu lưu, những hài hước tinh quái. Cùng với những minh họa tuyệt đẹp, những câu chuyện của người Do Thái càng trở nên sinh động hơn bao giờ hết.

Mục lục

Bí mật của những bàn tay sạch

Hai anh em

Người thứ mười

Nhà thờ Do Thái với một điều kiện

Hai mươi hai ngôi trường mới

Những cái nút trên các sợi dây

Bí mật của Golem

Dấu vết trong đá

Cuộc chạy trốn của cô dâu trẻ

Bức vẽ bị gió mang đi

Mặc cả với thần chết

Những người bạn học bí ẩn

Lửa và các nữ thủy thần

Người lạ mặt bí ẩn

Bí mật của những bàn tay sạch

BÊN NGOÀI BỨC TƯỜNG CỦA KHU DO THÁI, bệnh dịch hạch đang hoành hành trong toàn thành phố. Nhà vua cùng triều đình và quân lính đã bỏ chạy từ lâu. Khu Do Thái như một hòn đảo trong lòng thành phố đang hấp hối. Khu phố có tường rất cao bao quanh, trở bốn cổng, chìa khoá cổng được giao cho các phó thị trưởng và các ủy viên hội đồng thành phố. Họ cùng nhau trông nom sao cho cổng được khoá cẩn thận trong những ngày hội tôn giáo: Do Thái hay Thiên Chúa giáo và cả ban đêm. Nhưng hiện giờ những chiếc cổng đó thường xuyên đóng im ỉm. Không một người Do Thái nào dám rời ghetto (khu Do Thái). Thử nghĩ xem, đằng sau bức tường kia, dịch hạch đang hoành hành, cướp đi mạng sống của hết thảy giàu, nghèo, già, trẻ! Bên trong ghetto, sát cạnh cổng, ngày đêm người ta đun nước trong các thùng ton-nô lớn. Những cuộn hơi nước dày đặc bốc lên không trung. Đám phụ nữ phải chăm lo sao cho luôn có thật nhiều nước nóng. Những người Do Thái hiếm hoi buộc lòng phải vượt qua cổng ghetto thì được lệnh phải tắm rửa kỹ càng khi trở về. Đứng sau cổng lớn, họ phải bỏ hết quần áo, giày dép, lau rửa bằng nước nóng từ đầu đến chân và đọc bốn kinh. Đến lúc này, dịch hạch vẫn chưa qua được bức tường cao của ghetto. Người dân thành phố tin rằng đó là bằng cứ không thể chối cãi được, dân Do Thái chính là nguồn gốc của căn bệnh quái ác này. Trong thành phố, sự hằn học và giận dữ đối với người Do Thái dâng cao. Một cuộc nổi dậy để tàn sát và cướp bóc chống lại cộng đồng Do Thái đang được nhen nhóm: Sự hoảng sợ như có thể sờ thấy được trong ghetto. Trừ trẻ con, dân chúng ai nấy đều biết thế nào là cuộc tấn công của đám quần chúng tuyệt vọng và điên giận. Nhiều người đã trải qua cảnh ấy, những người khác thì nghe cha mẹ kể lại. Nhưng tất cả đều biết rằng lúc này mối đe dọa đang lớn dần lên.

Đàn ông cầu nguyện. Các triết gia và các giáo trưởng lục tìm trong đồng giấy tờ tổ tiên để lại sự mô tả những cảnh tương tự. Đàn bà giặt giũ, chà xát bằng nước nóng từng nếp áo quần nhỏ nhất, từng góc bát đĩa bé nhất, từng món thức ăn nhỏ nhất.

Hội đồng các nhà hiền triết họp đã nhiều ngày. Những người thông minh nhất, được kính trọng nhất cùng nhau tìm cách cứu lấy sinh mạng và tài sản của đồng bào họ.

Buổi chiều, trong phòng họp là sự im lặng hoàn toàn. Đó là dấu hiệu của một mối. Cuối cùng vị phó thị trưởng lên tiếng:

- Chúng ta chỉ còn có cách đi cầu xin sự giúp đỡ của Đức vua.

- Nhà vua không có thiện cảm với dân Do Thái. Giáo trưởng Baroukh ben Yéhuda nhắc ông.

- Nhưng ngài ấy cũng phải nhớ rằng nếu dân chúng tàn phá khu Do Thái, giết chóc dân lành thì nhà vua sẽ mất đi những khoản thuế lớn. Vị phó thị trưởng phản bác lại.

- Nhưng làm sao ta đến được chỗ nhà vua? Một trong các vị hiền triết hỏi. Ai có thể bình an vô sự vượt qua đoạn đường nguy hiểm ngăn cách ghetto với thành phố?

- Chính tôi sẽ đi, Baroukh ben Yéhuda nói. Nhiều năm trước đây, ông thân sinh quá cố của tôi là Yéhuda ben Mordechaê đã chữa lành bệnh cho nhà vua, khi ấy còn là đứa trẻ. Có thể ngài vẫn còn nhớ.

- Không, có thể ông sẽ lại gặp chuyện gì đó chẳng lành trước khi gặp được nhà vua. Không nên liều mạng. Hãy chỉ định một trong những học trò của ông đi. Phó thị trưởng phản đối.

- Ông muốn để một người trai trẻ liều mạng ư?

- Liều mạng ai cũng là bất công. Nhưng mạng sống của toàn thể cộng đồng đang bị đe dọa. Tốt hơn cả là chúng ta hãy cử đi một người có đôi chân nhanh nhẹn. Nếu mất anh ta, chúng ta sẽ mất một người có học vấn. Nếu mất ông, chính ông, chúng ta sẽ mất nhiều người có học vấn và chẳng còn ai để dạy dỗ cho con cái chúng ta.

Mọi người đều tán thành. Vị giáo trưởng phải lựa chọn một trong những môn sinh của mình. Làm thế nào để hoàn thành được sứ mạng nguy hiểm

này? Jacob điển trai, con một nhà hào phú giàu nhất ghetto, người đã học được từ cha cách làm sao mua chuộc được tất cả đám quan lại của nhà vua? Hay là anh chàng Moshe nghiêm nghị, chăm chỉ và đầy tham vọng? Có lẽ phải giao sứ mạng này cho anh chàng Samuel vui tính và năng nổ, con trai một bà góa rất nghèo, và là người học trò duy nhất được học không mất tiền.

- Vậy thì ta sẽ cử ai đến gặp nhà vua đây? Phó thị trưởng hỏi, cắt đứt dòng suy nghĩ của giáo trưởng.

- Hãy để hội đồng các nhà hiền triết chọn ra người nào thích hợp nhất, giáo trưởng nói. Ta hãy gọi tới đây ba cậu môn sinh của tôi: Jacob, Moshe và Samuel.

- Đến đi, Samuel, Jacob nói, chạm nhẹ vào vai chàng trai.

Samuel giật nảy mình, giấu vội *Những cuộc phiêu lưu của Thủy thủ Sindbad* dưới cuốn sách học. Anh e ngại liếc nhìn Jacob. Cả hai cùng tuổi nhau.

- Các cậu, cậu và Moshe có đi không? Samuel hỏi. Anh tự hỏi không biết Jacob có thấy mình chẳng hề nghiên cứu cuốn *Nghị luận của Torah*, mà lại đang đọc những chuyện phiêu lưu rất hấp dẫn của anh chàng thủy thủ Ả rập, dịch từ tiếng La-tinh không.

- Cậu đang làm gì vậy, Samuel, lúc người hầu đến báo rằng người ta gọi chúng ta đến hội đồng các nhà hiền triết? Jacob hỏi.

Moshe nghiêm nghị nhướn cặp lông mày đen. Anh nhún vai như muốn nói chính anh cũng đang muốn hỏi Samuel câu đó.

- Làm sao mà cậu lại không nghe thấy? Jacob nói thêm.

Moshe lại gật đầu. Anh là người học trò chuyên cần nhất của giáo trưởng. Anh và Samuel không ưa nhau lắm vì tính nết họ rất khác nhau. Samuel thường trầm ngâm, mơ màng, mắt nhìn xa xăm, Moshe thì chỉ ngừng đọc sách để cầu nguyện hay ăn uống. Anh học thuộc lòng tất cả và bao giờ cũng trả lời được tất cả các câu hỏi. Ngược lại, Samuel lại biết đặt ra với giáo trưởng những câu hỏi rất hay. Sự khôn ngoan của người Do Thái dạy rằng

dấu hiệu của học vấn không phải nằm trong một câu trả lời học thuộc lòng mà ở trong một câu hỏi đặt khéo.

Samuel chẳng nói một lời, đội mũ, rửa tay ba lần và đi theo các bạn. Moshe cáu tiết vì sự bình thản của Samuel. “Hắn đang nghiên cứu *Nghị luận của Torah* đến chương nào rồi? Anh bối rối tự hỏi. Hắn có biết rằng được mời đến hội đồng hiền giả là một vinh dự đối với người trẻ tuổi như chúng ta không?”

Lát sau, ba chàng môn sinh đến tòa thị chính. Các uỷ viên hội đồng, các nhà hiền triết ngắm họ kỹ càng. Vị phó thị trưởng trình bày nhiệm vụ khó khăn sẽ được uỷ thác cho một người trong số họ. Ông hỏi:

- Người nào trong số ba anh tự thấy mình có đủ khả năng để làm tròn sứ mạng này?

Cả ba gãi tay. Các vị hiền triết lại không muốn chịu trách nhiệm về việc đó: Họ vẫn còn như những đứa trẻ.

Phó thị trưởng khuyên:

- Hãy về gặp cha các anh và bàn với các ông về chuyện này.

Rồi nhớ ra Samuel không còn cha, ông bảo anh:

- Hãy về nhà và suy nghĩ cho kỹ.

Jacob là người quay lại trước tiên.

- Cha tôi đã ban phước cho tôi, cho tôi cỗ xe ngựa của ông, những con ngựa đóng xe chạy nhanh nhất, tiền để mua chuộc đám lính gác và những người hầu khỏe nhất để bảo vệ tôi trước những kẻ mưu toan chống lại sứ mệnh của tôi.

Jacob đã quên không nói nốt: Cha anh còn cho anh hay rằng sứ mạng này cũng đem lại cho ông một lợi ích riêng. Khi gặp nhà vua xin che chở cho ghetto, anh con sẽ nhân cơ hội đề nghị với vua một khoản vay với lãi suất có lời. Biết đâu, ông có thể trở thành một chủ ngân hàng quan trọng của nhà vua.

Moshe đến ngay sau đó, nói:

- Cha tôi đã ban phước lành cho tôi và dặn rằng phải khôn ngoan và thận trọng hơn bình thường.

Nhưng anh không kể cha mình đã cho hay anh có thể có được mối lợi riêng nào từ một cuộc gặp mặt như thế với nhà vua. Anh sẽ có dịp tỏ rõ sự học vấn và sự khôn ngoan của mình. Ai mà biết được, một ngày kia, có thể nhà vua sẽ phong cho anh chức thị trưởng lớn.

Samuel đến sau cùng.

- Tôi biết làm thế nào để vượt qua các trở ngại và gạt được đám lính gác.

Nhưng anh cũng không cụ thể nhắc tới ý tưởng của bà mẹ tinh khôn của mình. Thoạt nghe tin, bà sụp mắt xuống, lo lắng. Sau khi suy nghĩ, bà mách nước cho Samuel cách làm thế nào để rời thành phố một cách bí mật.

Tất cả các vị hiền triết đồng tình giao sứ mạng cho Jacob. Anh này chuẩn bị rất kỹ để thi hành nhiệm vụ. Sáng hôm sau, khi cánh cổng của ghetto mở toang, chiếc xe ngựa trong đó có Jacob đang thu mình cùng hai người có vũ trang lao về phía cổng thành phố. Các vị hiền triết dự tính rằng Jacob sẽ trở về vào buổi lễ chiều. Nhưng ngày hôm sau đó, cả ngày sau nữa, anh ta không về. “Nhà vua thích Jacob quá, đến nỗi đã giữ Jacob lại bên mình.” Những người Do Thái trong ghetto kể lể ghen tị. “Nhưng tại sao nhà vua không phái quân đội đến bảo vệ chúng ta?” Họ ngạc nhiên, sợ hãi nhìn cánh cổng của ghetto. Đằng sau cổng là những tiếng kêu la giận dữ, những lời đe dọa. Ngày thứ tư, các vị hiền triết cho gọi Moshe đến.

- Sứ mạng của anh bây giờ lại càng khó khăn hơn. Không những anh phải đến gặp nhà vua xin giúp đỡ, mà còn phải tìm ra Jacob.

Moshe liền học thuộc lòng những đoạn quan trọng nhất của kinh Talmud[1] và những trích dẫn khôn ngoan nhất của tổ tiên.

[1] Là kinh của người Do Thái.

Kế hoạch của anh là không ngừng nhắm lại những lời răn dạy ấy, để không

còn nghe thấy những người xung quanh nói gì. Anh nghĩ tất cả những người gặp trên đường sẽ tưởng anh vừa câm vừa điếc. Còn có thể hỏi gì từ một người câm điếc?

Mọi người lại chờ đợi mấy ngày. Nhưng cả quân đội nhà vua lẫn Moshe đều không thấy xuất hiện. Sau cánh cổng của ghetto, quần chúng giận dữ ngày càng đông lên.

Nhiều người đã lên tường thành ném vào đường phố của khu Do Thái xác những con vật chết vì nhiễm bệnh. Jacob và Moshe đi đã năm ngày mà vẫn không trở về. Tất cả các vị hiền triết, giáo trưởng, cha của Jacob và Moshe đều đến nhà của Samuel.

- Anh là hy vọng cuối cùng của chúng ta, họ nói và giao cho anh bản tấu trình lên nhà vua mà giáo trưởng đã thảo đến lần thứ ba.

- Tôi sẽ đưa bạc và vàng cho anh, cha Jacob nói với Samuel. Anh hãy giao tất cả cho con tôi để hấn cung tiến vua. Nếu anh gặp vua trước con tôi, chính anh sẽ dâng lên ngài nhưng đừng quên nói rằng đây là quà của cha Jacob.

- Không, tôi sẽ không mang theo vàng bạc. Tôi chỉ cần một tấm khăn liệm lớn màu trắng.

“Chàng trai này có đủ khôn ngoan để đối mặt với cái chết”. Giáo trưởng suy nghĩ, với một nỗi buồn sâu sắc. Rồi ông hỏi:

- Sáng mai con sẽ đi theo cổng nào?

Ông muốn đến đó để chúc phúc cho Samuel trước khi anh đi.

- Con sẽ không đi sáng mai, mà ngay tối nay. Nhưng không cần mở cổng. Xin cho con một chiếc ghế dài dài và nhẹ. Tối nay xin hãy đặt ghế ở chân tường giữa cổng Đông và cổng Nam.

- Anh muốn trèo tường và đi qua thành phố trong đêm à? Các vị hiền triết kêu lên.

Giáo trưởng cảm động nói:

- Samuel, con biết rằng mình chắc chắn đi tới chỗ chết nên mới yêu cầu một tấm vải liệm trắng phải không? Nhưng ta không muốn mất đi người học trò tài năng nhất của ta.

- Thầy đã dạy chúng con rằng: Đấng Toàn năng che chở cho người mà ngài yêu mến, bằng cách phú cho người đó những phẩm chất hơn người, Samuel trả lời. Nếu con thực sự là người tài năng nhất thì thầy không cần phải lo lắng cho con.

Đêm xuống, Samuel xoa lên mặt một lớp bột trắng và trùm tấm vải liệm trắng lên trên chiếc áo dài. Anh giấu dưới áo một cái bánh và một bình đầy nước đã đun sôi, mang một cái đèn và trùm từ đầu đến chân một chiếc áo trùm đen.

- Con đã sẵn sàng, anh nói với mẹ.

Trăng biến mất sau đám mây dày. Samuel và mẹ đi đến bên chân tường ghetto, Samuel cầm chiếc ghế đẩu, trèo lên. Sau đó anh ném chiếc áo choàng đen cho mẹ, nhấc ghế đẩu đặt sang bên kia tường, thận trọng trèo xuống, rồi giấu ghế vào trong bụi rậm.

Bất thành linh, anh nghe tiếng kêu:

- Một cái xác! Một người chết sống dậy!

Trong đêm tối, Samuel trông thấy những bóng người trốn chạy. Anh mỉm cười. Anh đã chờ phản ứng này: Trong bóng đêm, người ta chỉ trông thấy một cái bóng trắng kinh dị, và ở phía đầu là một vệt trắng lạ lùng. Đầu chiếc khăn liệm bay phấp phật trong gió như những khúc xương cử động kỳ dị. Ánh lửa xanh của chiếc đèn nhấp nháy trong đêm đen. Sự hiện hình này khiến mọi người kinh hoàng và ù té chạy trốn. Samuel đi qua thành phố không gặp trở ngại gì. Bất thần, anh vấp phải cái gì đó. Nhìn xuống đất, anh không thể cầm được tiếng kêu đau đớn: Đó là thi thể đang nằm dài của Jacob. Xung quanh là xác của đám gia nhân.

Đầm đìa nước mắt, Samuel tiếp tục lao đảo tiến lên. Anh không thể ngoảnh mặt trước những cảnh tượng khủng khiếp trong thành phố. Chẳng bao lâu, anh tới cổng thành. Anh phát hiện ra xác của Moshe, người đã bị lính gác

thành phố giết khi yêu cầu mở cổng thành. Samuel hiểu rõ đã đến thời điểm quyết định không chỉ sự sống chết của anh mà của toàn ghetto.

- Ê, tên kia, lại đây! Một tên lính gác réo. Samuel bước vài bước. Anh không hiểu tại sao bọn lính không thấy ngại anh, hơn nữa chúng còn gọi anh đến gần.

- Cuối cùng địa ngục đã phái đến một thằng người chết nữa để giúp chúng ta rũ bỏ đám xác kia. Không thể nào mà đóng được cổng nữa, một giọng kêu lên.

Samuel lưỡng lự. Anh có thể len qua cánh cổng đang hé mở. Nhưng anh quyết định không theo con đường bất trắc ấy. Bọn say rượu có thể tấn công một cách man rợ hay lại sợ hãi bỏ chạy. Nhẹ nhàng, anh lảng xa dọc bờ thành, tìm một trong những lỗ hổng trên tường do đạn đại bác, mà anh đã đọc thấy mô tả trong một quyển sách sử. Nhưng bóng đêm dày đặc. Ánh sáng chập chờn của ngọn đèn chỉ có thể soi được một diện tích nhỏ hẹp.

- Chúa tôi, xin người hãy giúp con cứu dân tộc mình, Samuel cầu nguyện.

Đúng lúc đó, đám mây tản ra, và ánh trăng soi tỏ tường bao. Samuel nhìn rõ vài vết nứt trên bức tường.

Lát sau, anh đã ở ngoài thành phố. Anh tiến vào một khu rừng nhỏ gần đấy. Anh lấy bình nước ra rửa mặt, rửa tay, cầu kinh và ăn chiếc bánh. Anh xin Chúa ban cho anh vài giờ ngủ cho lại sức. Trưa hôm sau, có một chàng trai, ăn mặc theo kiểu Do Thái, xuất hiện trước đám lính canh lầu hoàng gia.

Thoạt đầu bọn lính định đuổi anh đi, nhưng không được. Chúng phải dẫn anh tới trước viên chỉ huy. Samuel nói:

- Tên tôi là Samuel. Tôi đến từ ghetto. Tôi có điều xin được tâu trình với Đức vua.

- Mi muốn gì, tên Do Thái? Viên chỉ huy hỏi, ngờ vực.

- Cộng đồng của tôi yêu cầu tôi trình lên nhà vua một điều, Samuel bình tĩnh đáp.

- Mi hãy đưa bạc và vàng đây cho ta, viên chỉ huy làm ra bộ nghiêm nghị để che giấu niềm vui.

“Ta sẽ giữ bạc và vàng của người Do Thái. Cố nhiên chỉ một phần thôi, vì ta là người thật thà, ta biết thế nào là danh dự.”

- Ta sẽ chuyển số quà này cho người giúp việc cho phụ tá của quan coi ngân khố của nhà vua: Ông này sẽ chuyển cho quan...

- Tôi không mang theo bạc vàng.

- Tên Do Thái, sao mi dám đến gặp nhà vua mà không có quà biếu?

Viên chỉ huy vệ binh của nhà vua nổi giận, vì giấc mơ bạc vàng của gã chợt tan biến. Gã vung kiếm: Tên Do Thái này đã vi phạm lệnh cấm rời thành phố, nơi bệnh dịch hạch đang hoành hành. Hắn có thể làm lây nhiễm cho cả triều đình, cho cả Đức vua nữa.

- Hãy thông thả đã, Samuel nhẹ nhàng nói. Tôi không nói rằng tôi không mang chút quà gì, tôi chỉ nói tôi không mang theo bạc và vàng. Tôi có một thứ quà dâng vua quý hơn tất cả, nhưng lại không thể cất nó vào trong một cái hòm.

- Cái gì thế? Viên chỉ huy hỏi, trí tò mò bị kích động.

- Sức khỏe.

- Phương thuốc để chống lại dịch hạch à? Viên chỉ huy cố đoán.

- Phải, ông hãy tưởng tượng điều gì sẽ xảy ra cho ông, cho tất cả triều đình, cho cả nhà vua, nếu ông không báo cho ngài hay, hoặc là ông giết tôi.

Viên chỉ huy suy nghĩ. Như tất cả mọi người, gã biết rằng người Do Thái có một thứ thuốc bí mật gì đó bảo vệ họ chống lại bệnh dịch hạch. Và nếu quả thực tên Do Thái trẻ tuổi này đến để truyền cho triều đình cái bí mật ấy? Gã chỉ còn cách đưa hắn đến chỗ viên thư lại của nhà vua. Khi viên thư lại biết người Do Thái trẻ mang đến thông điệp gì, ông ta vội chạy đến báo cho nhà vua. Vua cho vời Samuel không chút chậm trễ.

- Ta nghe đây! Nhà vua sốt ruột kêu lên. Người giấu thuốc ở đâu?

Samuel cúi mình trước nhà vua, rồi trình lên bức thư của giáo trưởng. Anh lặng lẽ đợi cho vua đọc xong.

- Không phải là đơn thuốc, mà chỉ là lời cầu xin được che chở, vua quát.

- Tâu Hoàng thượng, ngài cũng đang có nguy cơ chuốc lấy cái chết như chúng thần, Samuel nói. Nếu ngài phái quân đội đến bảo vệ dân Do Thái, chống lại cơn giận dữ của đám đông, giáo trưởng của chúng thần sẽ nói rõ vì sao bệnh dịch hạch đã tránh cộng đồng Do Thái.

- Chính người phải nói ra! Sau đó ta sẽ xem xem có thể thỏa mãn lời thỉnh cầu của giáo trưởng và hội đồng hiền triết hay không.

- Thần không thể.

- Sao? Người không biết cái bí mật đó à? Nếu người không có được cái bí mật đó thì tại sao ta phải tin người?

- Thần biết. Nó rất đơn giản, mỗi người Do Thái đều biết. Nhưng nếu Đức vua không tin thần, thì tại sao thần phải tin ngài?

Nhà vua nổi giận.

- Người dám nói năng như thế với Đức vua của người sao?

- Điều đó quá đơn giản, vì mạng sống của thần, của tất cả dân Do Thái nay đang nằm trong tay Bệ hạ. Tính mạng của con trai Bệ hạ, của tất cả quần thần cũng vậy. Chẳng bao lâu họ sẽ bị lây nhiễm. Ngay cả Bệ hạ cũng không thể thoát. Hoặc Bệ hạ phái quân đội đến cứu dân Do Thái khỏi cuộc tàn sát và gọi giáo trưởng đến để nói ra điều bí mật, hoặc là...

Nhà vua hiểu ra.

- Ta sẽ cử quân đội đến. Người sẽ theo họ đến ghetto. Sau đó người sẽ trở lại đây với giáo trưởng.

- Đội ơn Bệ hạ. Nhưng đó chưa phải là tất cả.

- Còn gì nữa.

- Thần cần những vệ sĩ dũng cảm để bảo vệ cho thần và giáo trưởng trên đường trở lại.

Lính nhà vua đã giải tán đám đông tụ tập trước cổng ghetto và đứng gác luôn ở đó. Samuel được mọi người trong ghetto vui mừng chào đón. Nhưng niềm hân hoan của họ xẹp ngay xuống khi biết tin về Jacob và Moshe.

- Chúa đã không đến giúp họ, vì tư tưởng của họ không trong sáng. Họ quan tâm đến những tham vọng của mình hơn là đến lợi ích sống còn của ghetto, vị giáo trưởng đã giải thích với Samuel như thế trên đường trở lại chỗ đóng trại của nhà vua.

Khi họ đến trước lều ngự, người ta để cho họ vào không chậm trễ. Nhà vua đang nóng lòng chờ họ. Bệnh tình của con ngài ngày một trầm trọng thêm.

- Nếu người tiết lộ cái bí mật đã làm cho các người tránh được cái chết tối tăm và nếu người chữa lành bệnh cho con ta, ta sẽ cho ban bố những sắc luật bảo vệ dân Do Thái, nhà vua tuyên bố.

Và ngài nói thêm, nôn nóng:

- Nhưng phải nói cho nhanh những điều chủ yếu. Không được dài dòng và đầy những lời bóng gió thông thái như dân Do Thái các người vẫn thường nói.

- Điều chủ yếu của bí mật, đó là bàn tay sạch, giáo trưởng trả lời.

- Tất cả chỉ có thể thôi sao?

Rõ là nhà vua không tin vào tai mình nữa.

- Nếu Bệ hạ muốn biết cơ sở của điều đó, Baroukh ben Yéhuda nói. Nếu Bệ hạ muốn biết điều bí mật, thì phải có lòng kiên nhẫn để lắng nghe, có ý chí để nhắc nhở mình và nghiêm chỉnh làm theo. Chỉ có như thế thì con trai Bệ hạ và các quần thần mới có thể khỏi bệnh và dịch hạch từ nay mới vĩnh viễn tránh xa thần dân của người và chính người nữa.

- Vậy thì hãy nói đi! Nhà vua hạ lệnh.

Bắt gặp cái nhìn đặc biệt bình thần của vị giáo trưởng, nhà vua dịu giọng:

- Ta nghe đây. Ta sẽ có đủ kiên nhẫn và sự tuân thủ.

- Mỗi người Do Thái đều chăm lo sao cho hai bàn tay được sạch trước khi đụng đến thức ăn. Từ tấm bé, họ đã phải học những qui tắc của sự sạch sẽ, thể hiện trong luật của Chúa trời. Trước mỗi bữa ăn, họ rửa bàn tay phải bằng nước trong một cái bình do bàn tay trái cầm. Sau đó họ chuyển cái bình sang tay kia và rửa bàn tay trái, rồi lại chuyển, lại rửa lần nữa bàn tay phải. Như thế thì bàn tay phải, bàn tay động đến thức ăn, sẽ được rửa hai lần. Sau đó họ đọc một đoạn kinh cầu nguyện ngắn. Và trước khi bánh mì được ban phước, họ không nói năng gì nữa, không làm gì nữa, chỉ nghĩ đến duy nhất một điều là không được làm bẩn tay. Khi dịch hạch hay những bệnh tật khác hoành hành, họ nấu nước để rửa ráy hay uống...

Nhà vua kiên nhẫn lắng nghe việc người Do Thái tắm ít nhất mỗi tuần một lần, trước ngày lễ shabbat, tại những nơi đặc biệt mà người ta phải kiểm tra xem nước có sạch không một cách ngặt nghèo.

- Nhưng điều chủ yếu là giữ cho bàn tay được sạch, giáo trưởng nhắc lại. Một người Do Thái thực thụ thà nhịn đói còn hơn là động vào đĩa thức ăn với bàn tay bẩn.

Nhà vua cấm Samuel và giáo trưởng không được rời khỏi triều đình, trong thời gian đủ để kiểm chứng điều mà họ nói. Ông hạ lệnh cho con mình và tất cả những người bệnh phải tuân theo những qui tắc vệ sinh của người Do Thái. Bản thân ông cũng làm gương.

Các vị thái y của triều đình lắc đầu ngạc nhiên. Chẳng bao lâu con trai của vua đã đỡ và tất cả các bệnh nhân cũng dần khỏi bệnh. Hơn thế, không một ai mắc bệnh nữa. Nhà vua liền ra lệnh tất cả phải rửa tay trước mỗi bữa ăn. Cứ như thế, cuối cùng bệnh dịch hạch biến mất.

- Ta muốn phong người làm đại giáo trưởng, nhà vua nói, ngài đang muốn thưởng công cho Baroukh ben Yéhuda.

Baroukh cảm ơn nhưng khước từ.

- Tâu Hoàng thượng, thần rất tiếc nhưng thần có nhiều học trò quá và còn nhiều đứa nữa đến nhà thần xin học.

- Ta sẽ phong người làm quan chủ sự ngân khố của ta, vua quay về phía Samuel, nói.

Anh này tạ ơn nhưng cũng xin khước từ. Tài chính hay thương mại không cảm dỗ được anh.

- Vậy ta sẽ phong người làm đệ nhất cố vấn của ta, nhà vua cố thử một lần nữa.

Một lần nữa Samuel từ chối.

- Nói xem người mong muốn gì? Phần thưởng nào sẽ làm người vừa lòng?

- Đạo luật mà Bệ hạ hứa ban hành. Nó sẽ che chở cho nhân dân của thần và tài sản của họ. Nó sẽ khiến cho họ được sống bình yên với tín ngưỡng của mình. Đó sẽ là phần thưởng tốt đẹp nhất mà Bệ hạ ban cho thần và nhân dân của thần.

Dân chúng trong vương quốc sửng sốt thấy nhà vua đột nhiên che chở cho người Do Thái. Họ càng kinh ngạc hơn khi vua cho ban bố những đạo luật cấm không được đánh đập người Do Thái, càng không được giết họ, nếu không sẽ bị trị tội. Tiếc thay, những luật ấy không tồn tại được lâu.

Nhà vua băng hà, người kế vị của ông chẳng ai khác là con trai ông, đã xóa bỏ chúng. Chẳng có ai ở bên đức vua mới để nhắc nhở ông rằng ít năm trước đây, ông đã được giáo trưởng Baroukh ben Yéhuda cứu mạng.

Hai anh em

CHÓ SÓI! NGƯỜI THIẾU PHỤ TRẺ NGỒI TRÊN CHIẾC XE kêu lên, ôm chặt đứa con nhỏ. Đứa con thứ hai ngủ trên đầu gối chị.

- Đừng sợ. Không phải tiếng hú của sói đâu, gió thổi qua cành lá đấy, người đàn ông đi bên cạnh chiếc xe nói để chị yên tâm.

- Không, đúng là chó sói, người đàn ông thứ hai phản bác.

Anh đang giúp con ngựa mỗi lúc một lún sâu vào trong tuyết.

- Đừng làm vợ tôi sợ, chú Yéhuda, người đàn ông đầu tiên cầu khẩn.

- Em không làm chị sợ, em chỉ nói sự thật, chúng ta phải chuẩn bị đương đầu với chúng. Không nên để chúng ta, những người Do Thái, thoát khỏi bọn lính điên cuồng để rồi bị chó sói xé xác! Anh này kêu lên rồi tuốt kiếm.

- Chúng ta sẽ không sao đâu, Moshe nhắc lại. Hãy nhớ lại những gì bà thầy bói đã tiên đoán: Hai trong số những hậu duệ của chúng ta sẽ là những người rất quan trọng. Một sẽ nổi tiếng về sự khôn ngoan, một về quyền lực và sự giàu có.

- Nhờ thầy bói tiên đoán tương lai là một trọng tội, Yéhuda nhắc.

Anh cao giọng nói, và giọng anh làm vợ đi đôi chút nổi lo sợ chết người của họ.

- Rồi mẹ thầy bói đó chẳng mấy cũng sẽ bị chết thiêu. Nếu mẹ biết đoán trước tương lai, mẹ sẽ bị trừng trị như một mẹ phù thủy, nếu không thì như một kẻ bịp bợm và dối trá.

Giữa đám cây cối, những đốm xanh nhấp nháy và những cái bóng xám thẫm cử động. Con ngựa dừng lại, hí lên sợ hãi. Một cái bóng rời thân cây, chồm

lên cổ ngựa rồi ngã vật xuống đất. Nó đã bị thanh kiếm của Yéhuda đốn ngã. Moshe leo lên xe quật chết những con sói bằng cây chùy. Nguy hiểm tạm thời lắng dịu, sự sợ hãi khiến con ngựa sung sức trở lại. Nhưng tất cả đã mệt mỏi đến nỗi không còn nhận thấy vẻ đẹp của mùa xuân. Họ leo lên một quả đồi, trên đỉnh đồi có một tu viện.

- Hy vọng các thầy tu sẽ cho chúng ta sưởi ấm một chút, người thiếu phụ trẻ lắm bầm.

Họ đến trước tu viện, gõ cổng. Trong chòi canh, một bộ mặt xanh xao với cặp mắt trũng sâu hiện ra. Người thầy tu nhìn họ nghi ngại.

- Do Thái à? Ông ta nhìn quần áo họ, hỏi. Các người từ đâu đến?

- Từ nước Pháp, Moshe trả lời.

- Đi đâu?

- Đến Worms.

Moshe xin ông ta cho họ vào nghỉ, chỉ một đêm thôi.

- Nhưng các người là Do Thái, vị thầy tu lưỡng lự.

- Chúng tôi cũng là những con người, Yéhuda không thể nén được nữa.

Thầy tu vẫn ngần ngại. Ông ta có nên động lòng và cho những người Do Thái vào? Cha tu viện trưởng sẽ nói sao? Đuổi họ đi có đơn giản hơn không? Dù sao tu viện trưởng cũng chưa biết có người đến xin trú nhờ.

- Chúa của các người sẽ giúp các người, vị thầy tu tuyên bố và đóng cửa lại.

- Này thầy, có người nào cần được thầy giúp đỡ sao? Một tiếng nói cất lên ở phía sau.

Vị thầy tu thấy sợ. Hay tu viện trưởng đã nghe thấy mình đuổi những người Do Thái kia đi?

- Vâng, nhưng đó là những người Do Thái. Họ nói năng lạ lùng khiến tôi chẳng hiểu ra sao cả, vị thầy tu đáp ngắn gọn.

- Mở ra, ta muốn nói chuyện với họ.

- Đây! Quay lại đi! Vị thầy tu mở cổng, gọi.

Moshe và Yéhuda quay lại cùng với chiếc xe. Moshe nhắc lại lời thỉnh cầu với tu viện trưởng. Ông này quan sát hai người đàn ông, vợ của Moshe đang mệt mỏi, và hai đứa trẻ. Một cơn bão tuyết đang đến gần.

- Chúng ta sẽ cho các người trú chân, nhưng với một điều kiện...

Moshe và Yéhuda nhìn nhau. Hai anh em biết tu viện trưởng sẽ đặt ra điều kiện gì. Ông muốn rửa tội cho họ.

- Điều kiện gì ạ?

- Các người không được ở chung với nhau; các người sẽ vào riêng rẽ.

Tu viện trưởng nhìn Yéhuda cùng thanh kiếm vấy máu, rồi quả chùy của Moshe. Ông chỉ đơn giản tỏ ra thận trọng. Hai người lạ mặt có vũ khí, có thể nguy hiểm.

- Chúng tôi chấp nhận, hai anh em thử phào nhẹ nhõm.

Tu viện trưởng hỏi:

- Trong hai anh, ai nhiều tuổi hơn?

Moshe ngạc nhiên, giơ tay. Anh hiểu rằng tu viện trưởng muốn thương lượng với anh. Có lẽ ông ta muốn đòi tiền trợ.

- Đi với ta. Ta muốn nói chuyện với anh.

- Nhưng vợ con tôi... và con ngựa...

- Người ta sẽ săn sóc họ.

Hai viên thầy dòng tiến đến gần. Một người nắm cương ngựa và dắt cái xe. Người kia làm hiệu cho Yéhuda đi theo. Moshe chợt nghi ngại. "Hy vọng

rằng tu viện trưởng không đòi tiền trợ cao quá. Đường còn dài và ta chỉ có ít tiền.”

- Xin cảm tạ lòng tốt của ông đối với gia đình tôi và cả tôi nữa. Tôi muốn chứng tỏ lòng biết ơn của mình...

Anh nhìn tu viện trưởng ra ý hỏi. Bây giờ đến lượt tu viện trưởng phải nói tiền trợ hết bao nhiêu. Tu viện trưởng lắc đầu.

- Anh chỉ có thể tỏ lòng biết ơn bằng cách để ta rửa tội cho, anh Do Thái ạ!

- Không thể được, anh cúi đầu, nói khẽ.

- Cái gì cũng có thể, khi người ta muốn, tu viện trưởng trả lời.

- Vâng, vậy thì tôi xin nói rằng: Tôi không muốn. Tôi không muốn từ bỏ đức tin của tổ tiên. Chúng tôi đã trốn khỏi nước Pháp để không bị cưỡng ép. Vậy thì tại sao bây giờ lại để bị ép buộc?

- Tại sao ư? Bởi vì nếu không, các người sẽ bị bắt buộc phải tiếp tục đi đường của các người. Ta sẵn sàng cho anh một thửa đất màu mỡ để anh và gia đình có thể sinh sống. Cùng với thửa đất ấy còn có một vạt rừng và anh sẽ không phải đi biệt xứ nữa.

- Xin cảm ơn, nhưng không thể được. Tôi sẽ không từ bỏ đức tin của tôi.

- Tai hại cho anh. Anh phải hiểu rằng sau khi từ chối, ta không thể lưu anh lại tu viện được nữa.

- Không cần. Tôi không thể chấp nhận điều kiện đó.

Anh định hỏi vợ con anh đang ở đâu, nhưng tu viện trưởng đã chủ động đề nghị anh theo ông. Đến trước cỗ xe, chị vợ nhìn họ dò hỏi. Moshe chỉ nhún vai.

- Em tôi đâu? Anh hỏi tu viện trưởng.

- Chắc hẳn anh ta đang đợi ở trong phòng giấy của ta.

- Ông chỉ hoài công nếu muốn thuyết phục chú ấy cải đạo. Chúng tôi là anh

em. Dù xa cách, chúng tôi cũng biết người kia làm gì. Ông hãy cho gọi chú ấy đến. Chúng tôi sắp lên đường.

- Hãy đợi anh ta trước cổng, tu viện trưởng nói, cương quyết.

Moshe huýt sáo. Con ngựa bước đi và họ lại ở bên ngoài tu viện.

Vào trong phòng giấy, tu viện trưởng nói:

- Yéhuda, thoát nhìn ta đã biết ngay anh là một người can đảm. Bao lâu nay chúng ta vẫn tìm một người bảo vệ tu viện.

- Vậy thì chúng tôi có thể ở lại?

- Anh có thể ở lại bao lâu tùy anh. Chúng ta sẽ giao cho anh bảo vệ đồng ruộng và rừng của chúng ta. Với một điều kiện.

- Điều kiện gì?

- Anh phải cải đạo.

- Phủ nhận đức tin của tổ tiên tôi?

- Nghe đây, ta thấy anh đã mệt mỏi vì phải không ngừng tìm kiếm một nơi để sinh sống. Ta tin chắc rằng anh đang mơ đến việc không còn phải sợ bất cứ một tên lính nào xuất hiện.

- Vâng, đúng thế. Tôi đã mơ tới điều đó từ khi còn bé tí.

- Anh thấy đấy. Nếu anh từ bỏ tín ngưỡng của anh và nhận tôn giáo của chúng ta, anh sẽ không bị o ép nữa.

- Thế còn anh Moshe? Cha đã nói chuyện với anh ấy về vấn đề này chưa?

- Rồi. Anh ta không lưỡng lự...

- Moshe không do dự. Yéhuda sững sốt.

Tu viện trưởng hài lòng nghĩ: Không phải nói dối mà ông cũng làm cho lời nói của mình mang được ý nghĩa mong muốn.

- Anh Moshe đâu ạ? Người em hỏi.

- Anh ta đang nóng ruột đợi anh.

- Cha đã hứa những gì để thuyết phục anh ấy?

Trả lời câu hỏi này, tu viện trưởng cũng không phải nói dối.

- Ta hứa cho anh ta một thửa ruộng và một vạt rừng để có thể sống với vợ con.

- Anh ấy không do dự thật chứ? Yéhuda vẫn hoài nghi.

- Không một giây. Nếu anh quyết định ngay thì trước tối nay ta sẽ cho làm phép rửa tội cho anh.

- Đồng ý, chàng trai Do Thái thờ dài.

Đêm bắt đầu xuống. Yéhuda vẫn không thấy đâu...

- Yéhuda sẽ không ra đâu, chị vợ của Moshe lặp đi lặp lại.

Moshe biết vợ nói có lý nhưng không muốn thừa nhận. Anh đến trước cổng tu viện, lấy hết sức đập cổng vài cái.

- Anh còn muốn gì nữa? Vị thầy dòng cầu nhàu qua ô cửa nhỏ.

- Tôi chờ em thôi, nhưng...

- Anh ta sẽ không bao giờ nói chuyện với anh nữa đâu. Anh không còn em nữa. Người đến đây với anh đã thành anh em của chúng ta. Anh ta sẽ ở lại đây.

- Không đúng! Moshe hét lên.

- Đừng có gào lên với ta! Anh tin hay không tin ta cũng chả cần. Hãy biến khỏi đây! Thầy dòng nổi cáu, đóng sập ô cửa.

Cái gia đình tội nghiệp lại lên đường. Moshe không ngừng ngoái đầu nhìn lại. Gió nổi và tuyết rơi. Họ nghỉ đêm trong rừng.

- Có lẽ lão thầy dòng đó nói dối. Moshe nói. Chúng ta sẽ ngủ ở đây. Chắc hẳn Yéhuda sẽ tìm thấy chúng ta.

Cả đêm người vợ lấy thân mình sưởi ấm cho con. Moshe thức canh gác. Anh sợ chó sói tấn công và anh hy vọng em mình trở lại. Nhưng Yéhuda đã không trở lại.

... Giáo trưởng Meir bỏ khăn lễ. Ông quay ra cửa, nơi đó vang lên nhiều tiếng nói giận dữ. Người giữ chìa khoá bước vào. Nhiệm vụ của người này là kiểm tra xem các cổng của khu Do Thái Mayence đã được đóng kỹ chưa.

- Giáo trưởng, một kẻ lạ mặt vô tín ngưỡng muốn nói chuyện với ngài.

- Làm sao gã có thể vào được sau khi trời tối?

- Gã đã kín đáo lẻn vào, vào phút cuối cùng.

- Phải chăng đó là kẻ đã bị bắt buộc phải nhận phép rửa tội?

Giáo trưởng sợ đó có thể là một người bị cưỡng bức phải cải đạo và bây giờ khi tình hình đã khá hơn, anh ta muốn trở lại với đức tin của tổ tiên.

- Không, thưa giáo chủ. Tôi đã hỏi, nhưng gã quả quyết gã từ tu viện đến. Gã không phải là Do Thái. Gã mang đến một công hàm mật quan trọng, gửi cho đại giáo chủ toàn Đức.

- Cho hẳn vào, giáo chủ Meir nói khẽ.

Một người vạm vỡ tiến vào. Giáo chủ đón tiếp anh ta theo những qui tắc dành cho những người không phải Do Thái.

- Anh là ai? Vì lẽ gì anh đến một thành phố Do Thái?

- Tôi là một người chép kinh ở tu viện. Tôi muốn bán cho ngài một thứ...

- Bán à? Anh đã bảo anh mang đến cho ta một công hàm quan trọng.

- Đúng vậy và vì thế tôi đề nghị bán cho ngài.
- Nhưng ta không phải là lái buôn, giáo chủ cau mày trả lời.
- Đây không phải một thứ hàng hóa. Khi ngài biết nó, ngài có thể chống lại những bất công của người Habsbourg. Tôi biết chút ít về họ, và tôi còn có chứng cứ bằng văn bản.
- Anh đang nói bằng ẩn ngữ, giáo chủ khô khan nhắc.
- Tôi sẽ cho ngài hay tất cả khi chúng ta đạt được thoả thuận về phần thưởng sau đó cho tôi.
- Chúng ta không thể nói chuyện về bất cứ phần thưởng nào khi ta chưa biết đó là cái gì.
- Thông điệp của tôi có giá trị bằng nhiều xe vàng, chỉ cần người Do Thái các ngài báo với hoàng đế rằng các ngài biết điều mà chỉ riêng tôi biết, hoàng đế sẽ xóa bỏ tất cả những cấm đoán đang đè nặng lên các ngài. Các ngài sẽ không bị bắt buộc phải nộp thuế nữa.
- Tại sao anh không đem bí mật ấy bán thẳng cho hoàng đế?
- Người ta nói rằng kết của hoàng đế gần như rỗng, trong lúc người Do Thái, khi cần có thể tổ chức lạc quyền và những người nghèo nhất cũng cụng vào đồng tiền cuối cùng của mình.
- Không, giáo trưởng đứng dậy. Chúng ta không lạc quyền để mua của anh những lời nói xấu nhà vua. Nói xấu là một trong những tội lỗi nghiêm trọng nhất. Nhất là nói xấu các học giả, các thầy giáo, hay các vua chúa.
- Không phải là những lời nói xấu. Đơn giản là tôi sẽ nói ngài nghe những điều tôi đọc được trong sách mà các bậc tiền bối của tôi đã viết.

Người đàn ông kể cho giáo chủ Meir nghe câu chuyện về hai anh em Do Thái đã xin ngủ trọ tại một tu viện và một trong hai người đã để cho người ta rửa tội như thế nào.

- Ta biết rằng Yéhuda đã từ bỏ đức tin của tổ tiên chúng ta, giáo chủ bình tĩnh khẳng định.

Thầy tu thất vọng.

- Tôi tưởng không ai biết chuyện ấy. Và ngài có biết rằng tay Yéhuda ấy đã lấy vợ, trở thành cha của Gontrand giàu có, người sáng lập ra triều đại Habsbourg?

Giáo trưởng Meir không trả lời.

- Ngoài ngài ra, còn ai khác biết chuyện nữa? Người đàn ông bắn khoăn hỏi.

- Ta nghĩ không có ai.

- Ngài nghĩ hay biết chắc? Với tôi, thì điều này rất quan trọng. Liệu còn ai khác biết rằng các con, cháu của Gontrand đang bảo vệ tu viện Mouri. Nơi đó người ta đã cải đạo cho Yéhuda, còn người anh trai đã từ chối lời đề nghị của tu viện trưởng. Chắc ngài cũng biết, không xa tu viện kia là bao, bên bờ sông Aare là pháo đài bất khả thâm nhập của dòng họ Habichtsburg. Dưới cái tên này mà một trong những đứa cháu của Gontrand và cháu của Yéhuda mang danh là Habsbourg.

Giáo trưởng Meir cười lớn. Thầy tu hiểu đó là sự nghi hoặc.

- Tất cả những cái đó đều đã được viết ở đây, gã thầy tu kêu lên, vỗ vào cái bụng phệ. Dưới áo choàng của gã hiện ra đường viền của một quyển sách lớn. Ngày lại ngày, các bậc tiền bối của tôi đã viết ra. Suốt một trăm năm mươi năm. Đó là những bằng chứng chỉ ra rằng chính hoàng đế Rodolphe có tổ tiên Do Thái.

- Vậy thì sao?

- Sao là thế nào? Tôi đã khám phá ra rằng hoàng đế của chúng ta là hậu duệ của một người Do Thái không tên tuổi. Ngài sẽ trả cho tôi bao nhiêu tiền vì thông tin này?

Tu viện trưởng Meir nói dụi dụi:

- Anh đi đi. Người của ta sẽ chỉ đường cho anh ra khỏi ghetto, trở lại thành phố mà không gặp phải chuyện gì.

- Ngài không mua bí mật của tôi à?

- Không, vì ta đã biết tất.

Thầy tu phá lên cười.

- Người ta bảo dân Do Thái rất quỷ quyệt và thông minh. Tôi thấy là sai. Nhưng vì tôi là một người có thiện chí, tôi sẽ nhắc ngài một điều: Nếu ngài là Do Thái, ngài sẽ mãi mãi chỉ là Do Thái. Ngài thuộc về hoàng đế như tất cả đồng bào ngài. Nếu chẳng may ngài nói với ai đó rằng tổ tiên của hoàng đế là Do Thái, thì may mắn nhất là ngài sẽ bị treo cổ như một thằng điên. Trường hợp tệ hại nhất người ta sẽ chặt đầu ngài và dân tộc ngài sẽ bị đuổi ra khỏi xứ. Cố nhiên tình hình sẽ khác hẳn nếu ngài có những bằng chứng mà tôi đang có đây. Gã thầy tu chỉ vào bụng.

- Ngài sẽ cho tôi bao nhiêu? Nếu chúng ta thỏa thuận được giá cả, tôi sẽ nói cho ngài tất cả và còn quên đi sự tồn tại của những quyển sách này. Tôi đã cột chúng vào thân mình.

- Luận điệu của tên ăn trộm, và tên lẻo mép đại ngôn. Chúng chỉ làm cho tu viện của anh phải xấu hổ và làm cho quyết định của ta thêm vững chắc. Đừng có đẩy lòng kiên nhẫn của ta đến cùng. Hãy xéo khỏi khu Do Thái đi.

Giáo chủ Meir gọi một người hầu.

- Ngài sẽ phải hối tiếc đó, gã thầy tu nghiêng răng đáp trả.

Sáng hôm sau, giáo trưởng Meir tập hợp gia đình và báo tin rằng họ phải rời Mayence và nước Đức càng nhanh càng tốt.

- Chúng ta sẽ đi đâu? Bà vợ ngài Meir dịu dàng hỏi. Liệu có nơi nào người ta không truy đuổi chúng ta?

- Tôi không biết nơi nào như thế ở Âu châu. Vì thế tôi định đi Palestine.

Hoàng đế Rodolphe Đệ Nhất thấy trong mình không được khỏe. Sau những

yến tiệc hôm trước ngài thấy đau dạ dày. Viên ngự y riêng đã bào chế cho ngài một loại thuốc đặc biệt từ các loại bột trộn lẫn mật ong. Nhưng thuốc này chỉ làm hoàng đế thêm nhức đầu. Ngài tự hỏi không biết có nên gọi một thầy lang Do Thái không. Nhưng người ta thường trách ngài đã quá khoan dung với người Do Thái.

Quan nội giám vào bẩm báo có một kẻ kỳ quặc đã xin được yết kiến từ ba ngày nay.

- Một nhà chiêm tinh ư? Hoàng đế hỏi. Bảo hắn là trong triều đình của ta đã có những nhà chiêm tinh giỏi nhất, ta không cần người khác nữa.

Vừa nói xong, dạ dày của ngài bị một cơn đau dữ dội. Ngài nhăn mặt đau đớn.

- Không, tâu Hoàng thượng, người đó tự xưng là người sao chép kinh.

- Một người chép kinh thì có ích gì cho ta? Ở đây ta có cả một đạo quân chép kinh!

- Ông ta nài xin được tâu với Hoàng thượng. Ông ta chỉ cần vài phút thôi. Ông nói ông có một thông điệp muốn trình lên Hoàng thượng. Hình như liên quan tới gia đình người.

Hoàng đế giật thót mình. Ngài nghĩ người kia sẽ cho ngài biết có một đứa con hoang nào đó đang được các thầy tu nuôi dạy.

- Cho hắn vào, ngài hạ lệnh.

Một gã nhỏ người, nhưng phục phịch đến không ngờ, tiến vào trong phòng. Hoàng đế chưa bao giờ trông thấy người nào mập mạp đến thế. Ngài mỉm cười, nghĩ rằng gã này có thể trở thành một tên hộ pháp trong triều. Nhưng đôi mắt gã trông rất ác và hám lợi như mắt những tên lính đánh thuê. Và những lời mào đầu của gã mới buồn tẻ khiến hoàng đế phải ngắt lời.

- Người mang đến cho ta thông điệp gì?

- Rất riêng tư ạ.

Hoàng đế lại bị một cơn đau dạ dày. Ngài yêu cầu lính gác lui ra.

- Tâu Hoàng thượng, thần không to béo như vẻ ngoài vẫn thấy. Xung quanh người thần có buộc những sách viết tay mà các bậc tiền bối của tu viện đã ghi chép ngày nọ qua ngày kia về buổi đầu của triều đại cao quý của người.

- Có thể hay đấy, Rodolphe hạ cố nói, nhưng những gì ta cần biết về gia đình ta thì ta đã biết rồi. Bởi thế ta không hiểu sao người lại ăn cắp những quyển sách này của tu viện...

Gã thầy tu vờ như không nghe thấy câu hỏi.

- Có một bí mật mà kẻ thù của Hoàng thượng có thể dùng để chống lại người.

- Và người đến để bày tỏ với ta ư?

- Với các chứng cứ. Tất cả đều ở đây. Gã thầy tu vỗ vào bụng. Thần mang những bản thảo này đến để chứng tỏ với Hoàng thượng lòng tôn kính và tận trung của thần, hy vọng sẽ được trọng thưởng hào hiệp về những tình cảm cao quý đó.

- Người yêu cầu ân huệ gì cho những bằng cứ quý giá đó? Hoàng đế hỏi, bốn cột.

- Thần chỉ cầu xin ân huệ của Hoàng thượng. Một ít tiền để thần có thể mua được tự do ở tu viện, một mảnh đất nhỏ với một mái nhà khiêm tốn không xa làng, một tước hiệu quý tộc - thần chỉ xin một tước hiệu thấp thôi - và một món trợ cấp trọn đời.

- Sự khiêm tốn của người khiến ta cảm động đấy, hoàng đế nói. Người không nghĩ rằng ta có thể chặt đầu người sao? Ta chỉ việc trả lại những quyển sách người đã ăn cắp của tu viện, cùng với bí mật của người. Dù sao đi nữa thì chắc chắn ta đã biết điều bí mật đó rồi...

- Hoàng thượng nhầm rồi, gã thầy tu ngắt lời ngài. Gã cuối cùng cũng cảm thấy nguy hiểm. Hoàng thượng không biết điều bí mật ấy, không biết rằng

người sáng lập ra triều đại cao quý của người xưa là một người Do Thái khốn khổ!

- Mi hoàn toàn mê sảng rồi! Hoàng đế nổi giận. Ngài quay lại để gọi lính gác.

- Xin Hoàng thượng chờ cho một lát! Đừng gọi lính gác. Những chứng cứ nằm trong những quyển sách này. Nếu xảy ra chuyện gì với thần... thần đã cho một người khác biết.

- Ai?

- Thần sẽ nói khi đã nhận được lời bảo đảm là sẽ không có gì xảy ra với thần và các điều kiện của thần sẽ được chấp thuận, gã thầy tu ngẩng đầu lên.

- Đồng ý. Nhưng ta phải gọi viên trưởng ấn.

- Xin Hoàng thượng hãy ký trước đã.

Tức thì gã thầy tu rút trong túi ra một tờ giấy viết sẵn lời tuyên cáo.

- Người không giống như người ta tưởng, Rodolphe Đệ Nhất thừa nhận và ký vào văn bản.

Ngay lúc đó, bằng hành động đó, ngài nhận ra từ lâu mình đã chờ đợi một điều tương tự. Những lời ám chỉ của kẻ thù của ngài, những quần thần trong triều.

Gã thầy tu cẩn thận giấu kín văn bản đã ký.

- Trước mắt, thế này là đủ, dù không có ấn tín của Hoàng thượng, gã nói vẻ thỏa mãn.

Rồi gã bắt đầu giải thích.

- Tâu Hoàng thượng, chuyện này đã xảy ra vào năm... Gã kể lại câu chuyện về hai anh em Do Thái.

Khi gã kể xong, hoàng đế trầm ngâm. Sau một hồi lâu, gã thầy tu phá tan sự im lặng:

- Trong này, Hoàng thượng có thể kiểm chứng lại tất cả.

Gã cởi một nút buộc dưới áo thụng. Vô số sách rơi xuống nền. Gã thầy tu phục phịch lại trở nên mảnh dẻ.

- Nhưng người vừa nói còn một người nữa biết chuyện.

- Vâng, đó là đại giáo trưởng Meir, ở Rotenbourg. Nếu có gì xảy ra cho thần thì mọi người sẽ biết bí mật đó.

Gã thầy tu đặc biệt hài lòng. Gã tự nhủ gã đã thắng tất cả những người khác: Hoàng đế và giáo trưởng ở Mayence.

Giáo trưởng Meir và gia đình không đi xa hơn Lombardie. Ông bị bắt, trói giải về hoàng cung. Người Do Thái trên toàn nước Đức hoài công hỏi: Giáo trưởng của họ mắc tội gì? Ai có thể tìm ra mối liên quan giữa việc cầm tù ông và vụ sát hại người chếp kinh, xảy ra cùng một ngày?

Người Do Thái ở Đức đề nghị nộp một món tiền lớn để giáo trưởng Meir được thả ra, nhưng Rodolphe Đệ Nhất không lay chuyển. Ông cầm tù giáo trưởng trong pháo đài Ensisheim, tại Alsace. Giáo trưởng chết năm 1293, cùng năm với Rodolphe Đệ Nhất. Sau đó, người Do Thái còn phải chờ mười bốn năm ròng mới có thể chuộc được di cốt giáo trưởng Meir, đem về chôn theo lễ luật Do Thái tại nghĩa trang Worms...

Rất có thể chẳng ai biết được gì nếu khoảng hai trăm chín mươi chín năm sau, năm 1502, hoàng đế Rodolphe II không mời đến lâu đài vị đại giáo trưởng Lôw ở Prague. Trong cuộc nói chuyện tâm tình đó, giáo trưởng kể cho hoàng đế nghe chuyện về hai anh em Moshe và Yéhuda. Hậu duệ của họ sau này trở thành những nhân vật tối quan trọng. Một người là đại giáo trưởng Meir, nổi tiếng vì sự khôn ngoan, người kia là hoàng đế Rodolphe Đệ Nhất, nổi danh vì quyền lực và sự giàu có.

Người thứ mười

NGÀY THỨ BẢY ẤY, THÀNH PHỐ NHỎ CỦA ĐỨC bên bờ sông Rhin tỉnh giấc trong một buổi sáng mùa xuân tươi đẹp. Dân chúng của khu Do Thái đang chuẩn bị cho buổi lễ sáng tại một nhà thờ Do Thái cổ.

Trước đây ít lâu, làng Do Thái rất giàu, dân cư đông đúc. Hiện giờ chỉ còn sót lại một số gia đình với hơn chục người lớn.

Trong số mười người ấy có Samuel, anh thợ giày trẻ tuổi. Anh đã sẵn sàng để đi, nhưng lại cảm thấy trĩu nặng sau mình cái nhìn lo âu của mẹ. Anh quay về phía bà, mỉm cười âu yếm.

- Mẹ à, mẹ biết rồi đấy, không nên buồn trong ngày lễ shabbat.

- Mẹ buồn ư? Bà mẹ phản đối. Ngay cả khi mẹ có buồn... Phải chăng không thể tưởng tượng được mặt trời không chiếu sáng trong ngày shabbat hay có một cơn giông ập đến? Phải chăng Chúa trời sẽ phạt ý nếu một bà mẹ già không thấy vui trong ngày shabbat?

Rồi bà nói thêm:

- Hãy thận trọng, con trai. Đừng quên rằng nếu một người gặp nguy hiểm chết người, thì anh ta có quyền tự vệ và chiến đấu, ngay cả trong ngày hội shabbat.

Bà âu yếm nhìn con. Đó là một chàng trai mảnh dẻ, không đẹp lắm nhưng có đôi bàn tay khéo léo, cái đầu đầy tưởng tượng và những kiến thức đủ loại. Trên thực tế, Samuel không phải là một thợ giày bình thường. Anh là thợ giày giỏi nhất trong vùng. Người ta từ xa đến tìm anh vì giày anh đóng đi rất thoải mái và bền chắc. Nhưng họ còn đến gặp anh để xin lời khuyên vì Samuel đọc nhiều. Anh nghiên cứu và hay suy nghĩ về con người và thế giới.

Lúc này, Samuel chăm chú nhìn mẹ. Anh hiểu trái tim người mẹ linh cảm

con mình đang gặp nguy hiểm. Không chỉ riêng anh mà cả mười thanh niên Do Thái đến tuổi trưởng thành trong khu Do Thái cũng vậy. Anh biết chuyện này sớm trước một tuần lễ, vào một chiều thứ sáu. Lúc đó, anh vừa dọn dẹp lại xưởng vừa vui vẻ chờ đợi phút mở đầu của ngày shabbat. Chợt trong khung cửa hiện ra một thiếu niên tóc hung tên Christian, con người thợ thuộc da.

- Cậu làm gì đấy? Samuel mắng. Tôi đã bảo cậu là đừng đến ghetto gặp tôi nữa. Tôi cũng đã đề nghị với bố cậu đừng có cử cậu đến đây. Ông ấy biết nếu có chuyện gì xảy ra với cậu thì chính chúng tôi, những người Do Thái sẽ bị lên án trước tiên.

Samuel vờ làm mặt giận, nhưng thực ra anh rất quý Christian. Đó là một chú bé khéo léo và hiếu kỳ cứ không ngừng hỏi anh về đủ mọi chủ đề. Samuel đã cho chú mượn nhiều sách.

Một lần khi Samuel đến mua da thuộc về đóng giày, cha của Christian đã đề nghị anh dạy cho con trai mình nghề đóng giày. Ông hiểu rằng nếu Samuel không phải người Do Thái thì từ lâu anh đã trở thành trùm phường thợ giày và thợ thuộc da, và là một trong những người được đánh giá cao, được trọng vọng nhất trong cả nước. Nhưng là người Do Thái, anh chỉ được quyền bán giày của anh qua một người trung gian không phải Do Thái. Chính cha của Christian, chủ xưởng thuộc da, là người đảm nhiệm việc đó. Vậy nên vì lòng biết ơn, chẳng lẽ Samuel lại không dạy cho Christian nghề đóng giày hay sao?

Samuel suy nghĩ rất lung. Sau đó anh đến xin lời khuyên của giáo trưởng Do Thái. Vị này chăm chú nghe anh nói, sau một hồi suy nghĩ, ông trả lời:

- Thật không bình thường khi một ông thầy Do Thái nhận một thiếu niên không Do Thái làm thợ học việc. Luật pháp của Đức không cấm nhưng rất khó đi ngược lại những thiên kiến đã ăn sâu bén rễ lâu đời. Cả hai người như vậy đều đặt mình vào tình thế nguy hiểm.

Samuel nhắc lại lời nói của giáo trưởng cho Christian và cha cậu nghe. Ông thợ thuộc da là người am hiểu, ông thừa nhận lời của giáo trưởng là đúng đắn và bảo Christian đừng đến xưởng thăm Samuel nữa.

- Cha em cử em đến để cảnh báo cho người Do Thái, Christian nói nhanh, lấm lét nhìn quanh.

- Cảnh báo cái gì? Về chuyện gì? Samuel hỏi, lo âu.

Người ta kể từ ít lâu nay, có một âm mưu đang nhen nhóm chống lại người Do Thái. Số ít gia đình không chịu rời bỏ khu phố quê hương, mồ mả tổ tiên và nhà thờ Do Thái cổ xưa đều bị cư dân thành phố nhìn với con mắt ác cảm.

Khác với xứ Hà Lan láng giềng, ở Đức, dân Do Thái không có một chút quyền hành và không được luật pháp nào che chở. Vì thế phần lớn dân của các ghetto ở Đức đều chuyển sang Hà Lan định cư, nơi mà, sau cuộc hưu chiến với Tây Ban Nha năm 1609, họ được hành nghề của họ một cách tự do, buôn bán, ngay cả tậu nhà, tậu đất.

- Cha em đã nghe nói ở ngoài quán ăn rằng họ muốn đuổi mọi người đi, muốn chiếm nhà của dân Do Thái, Christian hạ thấp giọng. Người ta đang chuẩn bị cho một cuộc tàn sát người Do Thái nhưng các hội viên hội đồng thành phố thì phản đối. Họ không muốn máu chảy trong thành phố của họ. Họ muốn thu xếp theo cách khác.

- Cách nào? Samuel hỏi.

- Họ muốn gây rối trong ngày lễ shabbat. Họ đã bắt một số kẻ lang thang nhưng sẽ không cầm tù chúng nếu chúng nhận lời tấn công một người Do Thái, ngăn không cho người này vào nhà thờ. Hình như nếu một người trong bọn anh không đến nhà thờ thì buổi lễ không thể tiến hành được. Em không biết cha em có hiểu rõ điều này không...

- Có, ông ấy hiểu rất rõ, Samuel suy tư.

- Dường như chỉ cần tóm được một người Do Thái, không cần làm người đó bị thương, chỉ cần ngăn người đó đến nhà thờ và thả họ ra sau ngày shabbat. Như thế người Do Thái không có bất cứ lý do gì để thưa kiện. Nhưng vì họ không tiến hành được nghi lễ ở nhà thờ, tự họ sẽ phải bỏ đi... Cha em nghe người ta nói tất cả những điều đó đều phải làm thật nhanh, khi mà chỉ có mười người trong khu Do Thái... Cha em hiểu thế có đúng không?

- Có, điều đó nữa ông cũng rất hiểu, Samuel buồn rầu khẳng định. Phải có ít nhất mười người Do Thái cho buổi lễ. Người ta gọi đó là buổi lễ cực tiểu. Nếu chúng ta chỉ có dưới mười người trong nhà thờ thì buổi lễ sẽ không thành.

Samuel nhận thấy các uỷ viên hội đồng thành phố đã tưởng tượng ra một kế hoạch tinh tế đến quỷ quyệt. Anh thấy sợ, nhưng không phải sợ cho tính mạng của mình. Anh mang theo một vài dụng cụ của thợ giày để tự vệ. Phải bí mật, vì trong ngày lễ shabbat, một người Do Thái không được mang trong mình bất cứ vũ khí gì, dù là một dụng cụ, ngay cả tiền. Nhưng Isaac, ông thợ may già, Léon, nhà văn của công chúng, Joseph, người thợ làm bánh ốm đau thì sẽ làm gì nhỉ? Họ thà chết chứ không vi phạm những luật lệ của ngày lễ shabbat. Hay anh sẽ phải thỏa thuận với Jonathan, anh thợ đồ gốm trẻ, với Baroukh, anh thợ kim hoàn dũng cảm, và ba anh thợ mộc, con của giáo trưởng, để mỗi thứ bảy lại đi tháp tùng những người không có khả năng tự vệ?

Đúng lúc đó, anh nghe tiếng của Christian:

- Samuel, em phải nói với anh, anh là người đầu tiên chúng muốn tấn công đấy.

- Tại sao lại là anh?

- Vì ở đây mọi người đều biết anh. Ngay cả các vị trưởng giả giàu có ở Cologne cũng đến chỗ anh đóng giày. Khi những người Do Thái khác thấy rằng sẽ chẳng ai ra tay bên vực một người như anh, họ sẽ sợ và họ sẽ chuồn. Nếu một trong những người Do Thái ốm yếu, già cả hay vô nghĩa không đi nhà thờ, những người khác không thêm quan tâm, và họ bình thản chờ cho một trong các anh đến tuổi trưởng thành.

Samuel hiểu rằng các uỷ viên hội đồng thành phố đã tổ ra nhiều mưu mẹo. Sáu tháng nữa thì hai gã trai trong khu phố sẽ đến tuổi được tham dự lễ.

- Họ cũng muốn ngăn anh không được lấy vợ. Họ nghĩ rằng nếu họ tấn công anh, cô vợ chưa cưới của anh sẽ sợ hãi và rời bỏ khu phố như các cô gái khác đến tuổi lấy chồng, và sẽ không còn những đứa trẻ Do Thái nữa.

Christian cúi đầu.

- Cha cậu đã bảo cậu chuyển cho tôi những lời đó sao? Samuel hỏi, nghi ngờ.

- Phải. Anh biết rằng cha em không muốn anh đi Hà Lan. Ông bảo rằng khi đó sẽ không còn ai để ông tạo ra thứ da thuộc tốt hơn và mịn hơn. Nhưng ông cũng hiểu rằng anh không thể ở lại đây một mình mà không có những người Do Thái khác.

- Cậu hãy về nói với ông rằng tất cả chúng tôi sẽ ở lại, Samuel nói.

Với riêng mình, anh nhẹ nhàng thêm:

- Chúa sẽ giúp ta biết tự bảo vệ như thế nào.

Chính lúc đó, anh nhận ra rằng nếu anh cầu xin Chúa giúp đỡ thì anh không cần phải vi phạm luật của ngày shabbat.

Mùi thức ăn bốc lên từ trong bếp. Mẹ anh đang chuẩn bị bữa trưa truyền thống. Samuel mỉm cười. Anh vừa tìm ra cách tự vệ mà không trở nên quá tội lỗi.

Ngay buổi tối hôm đó, Samuel từ buổi lễ chiều thứ sáu trở về nhà. Tay anh rút trong túi, nắm chặt nắm hồ tiêu xay. Thành công xuất hiện hai cái bóng lớn, hai kẻ to kềnh càng đứng chắn ngang đường của anh.

- Chào, Samuel lịch sự chào họ, vì thoạt đầu không nên cho những người lạ mặt là những tên vô lại. Thà bị một kẻ bất lương lừa bịp còn hơn là xúc phạm một người lương thiện bằng sự nghi ngờ.

- Không có chào hỏi gì hết, thằng Do Thái! Khôn hồn thì đi theo chúng tao, hoặc là chúng tao phải đánh gãy giò mày!

Nhanh như chớp Samuel rút tay ra khỏi túi, xòe tay và thổi hạt tiêu thẳng vào mặt chúng.

Chúng sững người vì kinh ngạc, nhắm chặt mắt, kêu toáng lên đau đớn.

Trong lúc đó, Samuel ù té chạy.

Về đến nhà, anh thở ra đằng tai. Bà mẹ ngạc nhiên:

- Từ lễ chiều về, con làm gì mà thở dốc ra thế?

- Con khiêu vũ vì vui sướng. Đêm nay các vì sao đẹp quá, Samuel trả lời, cười ngoác miệng.

Bà mẹ hiểu theo cách của bà:

- Chắc con đã thấy các vì sao trong mắt người đẹp Golda, bạn gái của con.

Bà yên tâm.

Hôm sau, sau lễ sáng thứ bảy, mọi người trở về nhà, không có chuyện gì xảy ra.

Trong lúc đó, hai tên vô lại bạn chửi chạy những con mắt rất bóng.

Một tuần lễ trôi qua. Tối thứ sáu, trong bộ đồ tề chỉnh, Samuel lại đến nhà thờ, anh hy vọng các uỷ viên hội đồng đã từ bỏ dự định chết người của họ.

Sáng thứ bảy, lúc ra khỏi nhà, anh bị trượt ngã. Một sợi dây thừng quấn quanh chân. Anh cúi xuống định gỡ ra. Nhưng một tấm lưới đánh cá đã chụp xuống. Càng giãy giụa, anh càng vướng vào nó. Bất thần, anh bị đánh một cú vào đầu, mắt mũi tối sầm lại.

Anh tỉnh dậy trong một căn hầm đá. Anh cố gắng giãy giụa nhưng tấm lưới và sợi thừng kiên cố khiến anh không thể cựa quậy mảy may. Anh cố kìm dòng nước mắt bất lực. Rồi anh định thần lại. Hôm nay là ngày shabbat và anh vẫn còn sống. Tay chân bị trói chặt, nhưng tư tưởng của anh vẫn tỉnh táo và hoạt động.

Thế là anh tưởng tượng mình vào nhà thờ, ngồi xuống ghế của mình. Anh nhìn hàng rào ngăn cách khu dành cho phụ nữ và khu dành cho cánh đàn ông. Anh không trông thấy Golda, nhưng anh biết như mọi lần, Golda đang ngồi bên phải mẹ nàng. Anh khẽ gật đầu làm hiệu về phía đó. Đó là điều cấm

ky. Nhưng chắc Chúa sẽ tha tội cho anh về cái chào thương yêu đó gửi cho Golda.

Samuel lại tưởng tượng anh đang mở sách kinh. Hôm nay là ngày thứ mấy? Ngày thứ bảy cuối cùng của tháng nisan chẳng? Điều đó có nghĩa người ta đang đọc chương về sự hy sinh đầu tiên của Aaron và các con trai, các luật về súc vật trong sạch và không trong sạch, về chim, cá. Sau lời cầu nguyện, người ta đọc chương thứ nhất về lời dạy của tổ tiên. Samuel nhìn rõ các trang sách... Linh hồn anh đang ở trong nhà thờ. Trong hầm tối, chỉ còn cái vỏ thân xác anh bị trói chặt, nằm dài.

- Người ta đã bắt cóc Samuel! Cậu em nhỏ của Golda vừa chạy đến nhà thờ vừa kêu. Chính mắt tôi trông thấy!

Golda tái xanh. Nàng quay về phía những người đàn ông đang đường hoàng tiến vào nhà thờ, đầy hy vọng.

- Hôm nay là ngày shabbat. Chúa trời đã ra lệnh cho tất cả chúng ta được nghỉ ngơi.

Vị giáo trưởng già không thèm để mắt đến cô gái đang tuyệt vọng.

- Tất cả vào trong nhà thờ, ông nói bằng một giọng cương nghị. Không ai được thấy sự sợ hãi trên khuôn mặt người Do Thái.

Ông vào nhà thờ. Tám người bước theo ông.

Những người phụ nữ xúm quanh Golda.

- Bình tĩnh lại, con gái. Chúng ta đều biết rằng họ muốn làm ta sợ để buộc ta phải rời khỏi thành phố. Vì thế họ cố làm hỏng ngày shabbat của chúng ta. Chúng ta phải tỏ ra bình thản và vui vẻ, rồi sự thanh thản và niềm vui sẽ trở lại trong tim ta.

Golda cố cầm nước mắt, nhưng nàng không thể cười.

- Chỉ có chín người. Buổi lễ không thể tiến hành được, nàng nói, giọng run run.

Nhưng mẹ nàng giải thích với Golda và mọi người:

- Chúng ta cứ ở lại nhà thờ như thường lệ, như thể buổi lễ sẽ được tiến hành.

Phụ nữ ngồi lại tại chỗ. Trái với những ngày khác, khi mà họ nói chuyện vui vẻ, đôi lúc át cả tiếng cầu nguyện của đàn ông, lúc này một sự im lặng khác thường trùm lên khu vực dành cho họ.

Đột nhiên dường như có luồng khí lạnh lọt vào nhà thờ. Tất cả đàn ông và đàn bà kêu lên ngạc nhiên. Họ nhìn, nghi hoặc: Samuel đang ngồi ở chỗ quen thuộc của anh. Anh rất xanh xao, cử chỉ cứng nhắc một cách lạ lùng, nhưng điều quan trọng là anh đang ở đây.

Golda mỉm cười vui sướng. Nàng ngạc nhiên vì không thấy anh đến và tiếc là đã không nhận ra cái gật đầu mà anh vẫn ra hiệu cho nàng.

Vị giáo trưởng già chăm chú nhìn Samuel và những người đàn ông khác. Bây giờ đã đủ mười người. Buổi lễ có thể cử hành.

Bên ngoài, có hai người đàn ông đang quan sát nhà thờ.

- Nhìn kìa, tất cả bọn chúng đều ở trong nhà thờ. Buổi lễ đã bắt đầu. Tên trẻ hơn ngạc nhiên nói.

- Đừng sợ gì cả, tất cả chúng chỉ đang ngồi trong nhà thờ thôi, tên nhiều tuổi nói.

- Nhưng không. Mà có nghe thấy không. Chúng hát, kêu cầu Chúa của chúng, tên trẻ hơn nói tiếp.

- Vậy thì mà hãy tiến lại, nhìn kỹ xem, tên nhiều tuổi nói, tự tin. Đừng có nói với tao rằng thằng thợ giày đã thoát ra khỏi tấm lưới và dây trói. Cánh cửa gỗ sồi của căn hầm vẫn đóng kín và khóa chặt. Ngay cả khi Đấng Tối cao của chúng muốn cứu nó cũng không thể mở ra được.

Đúng lúc đó tên nhiều tuổi thấy vang lên tiếng đồng ca trong nhà thờ:

- Amen!

Gã cảm thấy nghi ngờ.

- Chúng ta lại xem xem! Gã đề nghị.

Chúng rón rén lại gần nhà thờ và nhìn vào bên trong qua một khe cửa hẹp. Chúng không còn tin vào những gì mình trông thấy: Samuel đang đứng, tay cầm quyển sách kinh.

Không cần chờ đợi thêm, chúng chạy về căn nhà bỏ hoang, tìm căn hầm, xem lại khóa và bản lề. Không có gì suy suyển.

- Mà thấy chưa, tất cả vẫn đầu vào đấy, tên lớn tuổi thì thào.

- Dù sao tao vẫn muốn xem bên trong, tên trẻ tuổi năn nỉ.

Tên kia nhún vai bằng lòng và mở cửa.

- Nhìn xem, nó vẫn ở đây. Gã để cho tên trẻ lại gần Samuel, đang nằm dài bất động trên mặt đất.

Tên trẻ đẩy nhẹ rồi lay gọi. Samuel không nhúc nhích.

Tên già nói:

- Nó ngủ như một con chuột sóc.

- Chúng ta cứ tưởng đã trông thấy nó ở nhà thờ.

- Chúng ta đã nhầm nó với ai đó.

- Tao muốn biết là nhầm với ai. Ta quay lại xem sao.

Khi chúng tới nhà thờ thì vừa đúng lúc những người Do Thái đi ra. Hai tên sợ cứng người, chúng thấy rõ cái bóng dong dỏng cao của anh thợ giày. Chúng còn thấy một người con gái rụt rè nói gì đó. Samuel không trả lời, chỉ khẽ gật đầu ưng thuận rồi họ đi nhanh xa nhà thờ.

Hai kẻ bắt cóc chạy theo, khó khăn lắm chúng mới khỏi mất hút họ. Chúng trông thấy Samuel dừng lại một lát nơi chúng đã trói anh, dường như để suy

nghĩ. Rồi dáng đi của anh thay đổi. Anh không đi nữa mà bay là là, chậm chậm, khó nhọc. Cuối cùng anh đến trước ngôi nhà bỏ hoang nơi anh bị giam giữ. Hai kẻ gian đứng há hốc mồm: Anh thợ giày đi qua tường như đi qua không khí.

Chúng đến gần cửa hầm, run rẩy vì sợ. Lúc vừa mở cửa chúng trông thấy anh thợ giày cúi mình trên cái xác đang nằm sõng sượt và... tan hòa vào đó. Hai tên kinh hãi, đứng chết trân trên bậc cửa.

- Xin lỗi! Một giọng phụ nữ cất lên sau lưng chúng.

Chúng ngoái lại. Trước mặt chúng, bà mẹ mảnh dẻ của Samuel đang đứng. Mắt bà sáng lên một ánh lửa kỳ lạ. Trong tay bà lấp lánh lưỡi dao đe dọa. Khi phải bảo vệ tính mạng mình thì người ta có quyền chiến đấu, dù là trong ngày shabbat.

Hai kẻ bắt cóc kinh hoàng muốn bỏ chạy. Chúng không thấy bà mẹ Samuel đã giải thoát cho con trai như thế nào.

Anh thợ giày trở lại tham dự buổi lễ kết thúc hội shabbat, toàn vẹn cả thân xác lẫn linh hồn. Ngoài anh và bà mẹ không ai biết rằng trong lễ chiều buổi sáng chỉ có linh hồn của anh là có mặt.

Sáu tháng sau, hai thanh niên của cộng đồng đến tuổi được tham dự các buổi lễ, chẳng bao lâu lại có hai thanh niên nữa.

Buổi lễ cực tiểu không còn bị đe dọa nữa. Dân số của ghetto tăng lên.

Trải qua nhiều thế hệ nữa, trong khu Do Thái, người ta vẫn còn kể chuyện anh thợ giày trẻ tuổi có thân mình mảnh dẻ nhưng tâm hồn rất mạnh mẽ đã cứu ghetto và ngôi nhà thờ cổ khỏi bị xóa sổ.

Nhà thờ Do Thái với một điều kiện

JONATHAN, MỘT THIẾU NIÊN MƯỜI HAI TUỔI, đang nấp sau đồng đá vụn chăm chú quan sát những người thợ đào đá trong công trường. Gần như ngày nào cậu cũng đến đây. Công trường ở liền kề một trường học cũ. Gần đến nỗi dân cư trong khu Do Thái ở Prague sợ rằng có những đạo luật đang được chuẩn bị để thu hẹp hơn nữa những quyền lợi của họ.

Tin tức chẳng lành đến từ các tỉnh miền Nam: người ta xây dựng ở đây những tu viện liền kề các khu Do Thái để đuổi dân đi.

Dẫu sao thì người Do Thái cũng bị các lãnh chúa thao túng. Họ bị cấm không được làm nghề do các phường hội bảo trợ. Họ chỉ có quyền hành nghề tài chính và thương mại.

Ngày ngày, cha của Jonathan, ông Daniel ben Moshe, thở ngắn thở dài:

- Không, không, việc xây dựng một tu viện thật gần khu Do Thái chẳng hứa hẹn điều gì tốt đẹp.

May là ông không biết mỗi ngày con trai ông đi đâu mất một, hai tiếng! Đôi khi, Jonathan rùng mình sợ hãi khi nghĩ rằng cha cậu có thể tìm ra cậu. Nhưng niềm vui được ngắm nghía các hòn đá được xếp khéo léo thành hàng, hòn nọ trên hòn kia và các vòm đá ra đời như thế nào, đã mạnh hơn nỗi sợ cha.

Jonathan quan sát các thợ đào đá và mơ trở thành Nahmanide, người bạn tri âm của vua Aragon Jacques Đệ Nhất. Cậu tưởng tượng mình đang giảng kinh trong nhà thờ và đột nhiên nhà vua bước vào để nghe bài thuyết giáo của cậu.

Sau đó hai người cùng nhau tranh luận: Nhà vua không hiểu sao người Do Thái không thể vi phạm ngày lễ shabbat. Nhưng Nahmanide lưu ý với vua một mâu thuẫn quan trọng hơn: Thăm vấn, truy nã, và trừng trị, đôi khi

bằng cách hỏa thiêu những thần dân của vua dám đọc Thánh Thư để tìm lời giải cho những vấn đề của họ, trong lúc đó thì các đồng đạo của Nahmanide lại được thưởng khi họ nghiên cứu Thánh Thư từ đầu chí cuối.

Jonathan đồng cảm với Nahmanide đến mức cậu quên cả thận trọng. Cậu lắc lư bên phải, bên trái, vung vẩy tay. Cậu không để ý thấy những tiếng động, tiếng kêu la đang đến gần.

Khi bị tóm cổ một cách tàn bạo, kéo lê trên mặt đất, cậu cứ mặc họ. Nahmanide cũng bị bắt và bị tống giam. Jonathan ý thức được rằng cậu cũng sẽ chịu chung số phận, chẳng hề gì. Cậu chính là Nahmanide, cậu sẽ không ngồi tù lâu, vì cậu sẽ đi Palestine. Cậu sẽ rời bỏ Tây Ban Nha mãi mãi...

Đến lúc đó, cậu tỉnh dậy. Cậu không ở Tây Ban Nha mà ở trong khu phố cổ của Prague. Cậu đã rời khu Do Thái, đó là điều tuyệt đối cấm. Hai người đàn ông khỏe mạnh nắm chặt lấy cậu. Chân cậu gần như không chạm đất. Họ hỏi cậu đi đâu thế này? Đến bờ sông? Họ muốn dìm chết cậu chẳng? Một ý nghĩ khủng khiếp thoáng qua đầu: Họ sẽ dùng vũ lực bắt cậu phải rửa tội! Nhưng họ không có quyền! Cha của Jonathan đã nói rõ: Lãnh chúa xứ Bohême đã ban hành một đạo luật bảo vệ người Do Thái. Cậu còn nhớ cả ngày tháng: 20 tháng 3 năm 1254 theo lịch Thiên Chúa giáo. Tất cả dân chúng Do Thái ở Prague, kể cả trẻ con, đều biết rằng mỗi người Do Thái đều là tài sản của nhà vua. Ai làm bị thương hoặc đánh đập người Do Thái sẽ phải nộp phạt vào ngân khố của hoàng gia và bồi thường cho nạn nhân. Chỉ có điều là không ai trong gia đình của Jonathan biết cậu đang ở đâu. Không ai có thể đến cứu cậu...

Jonathan đọc to một bốn kinh cầu nguyện. Cả ba đang ở rất gần sông.

Chợt, hai người đàn ông to lớn, điển trai, cao dong dỏng xuất hiện. Họ không nói một lời. Hai tên còn đồ thận trọng đặt Jonathan xuống đất. Một tên phủ bụi trên áo vét của cậu. Tên kia sửa sang lại sơ mi rồi chuồn nhanh.

- Lại đây, Jonathan - một trong hai người mới đến nói.

- Đừng sợ gì cả, người kia thân mật nói và đưa tay cho cậu nắm.

Jonathan nắm bàn tay ấy. Cậu để cho họ dắt đi như một đứa trẻ nhỏ. Cậu những muốn cảm ơn các vị cứu tinh của mình, nhưng còn đang cố kìm nước

mắt. Đến một quả đồi nhỏ trong khu Do Thái, thấy mấy đứa trẻ đang chơi trò vẽ trên mặt đất với những cây gậy, Jonathan nhận ra trong số đó có em nhỏ Simon của cậu.

- Jonathan, anh đến thật là hay, Simon chạy lại. Đến xem bọn em đã tìm thấy gì nào!

Simon nắm tay anh dẫn đến một chỗ có những hòn đá to, chồi lên mặt đất. Rõ là chúng đã được bàn tay con người đẽo gọt.

- Ở đâu ra những hòn đá này? Jonathan ngạc nhiên hỏi.

- Chúng ta đã mang đến đó. Hai người đàn ông nói.

- Để làm gì? Các ông muốn xây cái gì chẳng?

- Jonathan, anh nói chuyện với ai đấy? Simon sững sốt hỏi.

- Với các ông này. Jonathan chỉ hai người cao lớn.

- Nhưng có ai đâu, ngoài hai anh em ra...

Jonathan nhìn hai người ra ý hỏi. Hai người mỉm cười gật đầu, nói:

- Em của cậu không trông thấy chúng ta. Nó còn nhỏ quá nên cũng chẳng hình dung ra nổi chúng ta.

- Các ông là thiên thần ư? Jonathan hỏi.

- Nếu cậu muốn, cậu có thể gọi chúng ta là thiên thần; hai người vẫn mỉm cười.

- Anh trông thấy thiên thần à? Simon bé bỏng ngạc nhiên.

- Có lẽ vậy, Jonathan trả lời.

- Họ trông như thế nào? Họ có cánh không?

- Không, họ không có cánh.

Sự thất vọng lộ trên nét mặt Simon. Một trong hai người lắc đầu ngạc nhiên vì những tin điều ngây thơ của đứa trẻ.

- Tôi chẳng thể làm gì được, người ta vẫn tưởng tượng ra thiên thần khác lắm. Jonathan nói với người đó như thanh minh.

Hai người bảo Jonathan rằng cậu cứ miêu tả họ đúng như trong truyền thống.

Vì thế Jonathan cho Simon hay rằng thiên thần có bộ mặt nhẵn nhụi, không có râu, có cánh trắng. Nhưng cánh hơi bé nên thoát nhìn không nhận ra ngay.

- Bây giờ, đừng có quấy rầy bọn anh nữa. Được không? Jonathan yêu cầu em.

Simon gật đầu nhưng vẫn đứng cạnh anh.

Jonathan nói tiếp:

- Tôi có cảm tưởng các ông còn muốn nói với tôi điều gì đó.

- Phải, hai người đàn ông nói. Chúng ta chắc rằng nơi đây có một trường học và một nhà thờ.

- Vâng, cũng không đến nỗi tồi. Jonathan trả lời thận trọng. Trường học cũ của chúng tôi chật hẹp quá, không đủ chỗ cho tất cả chúng tôi.

- Đúng thế, Simon xác nhận.

Nó lên năm và đã đi học từ một năm nay.

- Em đã đồng ý không quấy rầy chúng ta cơ mà. Jonathan nhắc.

- Cháu có mong ước xây một ngôi đền bằng đá không? Hai người đàn ông hỏi.

- Có chứ. Cháu đã thấy những người thợ đá làm việc trong xưởng của tu viện gần đây, trong thành phố cổ Prague, Jonathan thú thật. Cháu biết thế là

có tội nhưng cháu hy vọng Chúa trời sẽ tha thứ. Cháu không phạm tội để chơi, mà cháu muốn một ngày kia sẽ dùng những gì cháu thấy để phục vụ dân tộc của cháu. Ông cháu có kể lại rằng ông đã giao du với những người thợ điêu đá đã xây các nhà tưởng giả trong thành phố cổ. Ông cũng không nghĩ rằng đó là một tội lỗi nặng. Rằng trên trời, các thiên thần sẽ ca hát cho ông...

- Chắc chắn là các thiên thần anh em của chúng ta đang ca hát cho cụ, hai người đàn ông làm cậu yên lòng.

- Cháu cũng vậy, cháu muốn xây nên những ngôi nhà, Jonathan mơ màng. Nhưng là người Do Thái, cháu không được làm nghề ấy.

Cậu hy vọng rằng những người này là thiên thần, họ có thể giúp trả lại cho dân Do Thái những quyền mà họ có trước hội nghị giám mục lần thứ tư tại Latran ở nhà thờ Thiên chúa giáo năm 1215. Rồi cậu nhớ ra rằng cậu chưa cảm ơn các vị cứu tinh của mình.

- Các ông đã cứu mạng cháu, xin cảm ơn Chúa đã phái các ông đến để giúp cháu.

- Chính là giáo trưởng Moshe ben Nahman đã phái chúng ta đến, hai người mỉm cười.

- Nahmanide? Jonathan ngạc nhiên.

Cậu đỏ mặt nhớ lại chuyện cậu đã mơ tới sự tích Nahmanide ít lâu trước, lúc gần xưởng thợ.

- Nhưng làm sao ông ấy có thể biết cháu? Ông ở Palestine cơ mà.

- Đúng vào lúc cháu nghĩ đến ông, thì ông mất.

- Ông đã chết... Jonathan lặp lại.

- Ai chết? Simon hỏi.

- Giáo trưởng Moshe ben Nahman mà mọi người gọi là Nahmanide, Jonathan trả lời, dù cậu hiểu rằng đứa em nhỏ chưa thể biết đến người phát

ngôn của dân Do Thái, lòng danh về trí thông minh và tài hùng biện, người được các diễn giả giỏi nhất của nhà thờ Thiên chúa giáo lắng nghe.

Cái nhìn của cậu dừng lại trên những hòn đá lớn. Các thiên thần nhận thấy điều đó.

- Chúng ta đã đưa chúng từ Jérusalem về, họ nói.

- Từ Jérusalem?

Jonathan đến gần các hòn đá. Một thứ ánh sáng kỳ lạ tỏa ra từ chúng.

- Chúng từ những bức tường của đền thờ Salomon phải không? Cậu rụt rè hỏi.

- Phải. Cháu đã đoán đúng. Điều này chứng tỏ Chúa đã chọn đúng khi Người chỉ định cháu thực hiện sứ mạng lúc đầu Người uỷ thác cho Nahmanide, sau lại thay đổi dự định và gọi ông về với Người, một trong hai thiên sứ giải thích.

Bây giờ Jonathan không còn nghi ngờ hai người không phải là những thiên thần đích thực.

- Sứ mạng của Nahmanide là xây dựng ở nơi đây một nhà thờ Do Thái, làm cho thành phố này và sự thông tuệ của các nhà bác học Do Thái được nổi danh mãi mãi, thiên sứ thứ hai xúc động nói. Từ nay, cháu là người gánh vác sứ mạng ấy.

- Nhưng phải một năm nữa, cháu mới thành một người Do Thái thực thụ, Jonathan nói.

Hai vị thiên sứ mỉm cười:

- Những ý kiến hay nhất thường nảy ra từ trí tưởng tượng ngây thơ của một đứa trẻ, chứ không phải từ những suy tư cũ mòn của những người lớn tuổi.

Trầm ngâm suy nghĩ, Jonathan nhìn các hòn đá. Khi cậu ngoái lại chỗ các thiên sứ đang đứng thì họ đã biến mất.

- Cha ơi! Jonathan đã nói chuyện với các thiên thần, Simon reo lên khi chạy ào vào nhà.

Cha các chú, ông Daniel, ngừng đầu mỉm cười. Trẻ con đôi khi thường có những ý tưởng đó. Ông nghĩ và nhìn Jonathan, cười cười.

- Con được các thiên thần vinh dự đến thăm đấy ư, Jonathan?

Jonathan vẫn được cha dạy phải nói đúng sự thật, liền gật đầu.

Điều đó khiến ông Daniel nổi giận.

- Các người đã nói chuyện với nhau về cái gì? Ông hỏi, châm biếm.

- Về việc xây dựng một nhà thờ Do Thái, Jonathan trả lời nghiêm trang.

- Sao? Ông bố bật dậy. Ai bảo con rằng chúng ta đã tranh luận về việc xây dựng một nhà thờ Do Thái trong hội đồng các nhà hiền triết?

- Các thiên thần, Jonathan điềm tĩnh trả lời.

Daniel im lặng hồi lâu. Ông chăm chú nhìn đứa con trai mười hai tuổi. Simon sợ hãi chui vào một góc phòng. Chú bé thấy rõ là bố đang tức giận. Chú sợ sự tức giận ấy sẽ trút xuống mình, đồng thời cũng cảm thấy mình có lỗi: Chính chú đã phát giác chuyện các thiên thần và đẩy Jonathan vào tình cảnh này.

Vì chú rất yêu anh nên quyết định phải giúp anh.

- Bố ạ, các thiên thần đã chỉ rõ nơi phải xây dựng nhà thờ Do Thái mới và họ đã đặt ở đấy những hòn đá mang từ Jérusalem về.

- Đá từ tường của ngôi đền bị phá, Jonathan nói rõ thêm. Chúng con có thể chỉ ra nơi đó.

- Được, ta đến đó ngay bây giờ, Daniel quyết định nhanh chóng mặc dù đêm đã bắt đầu xuống.

Dù sao ông cũng không thể ngủ được khi chưa biết sự thật. Nghi ngờ về sự

thành thực của các con khiến ông trăn trở. Dưới cái nhìn chê trách của bà vợ, đã sẵn sàng dọn bữa tối ra, ba bố con nhanh chóng ra khỏi nhà, mò mẫm đi trong đêm tối dọc theo các phố vắng. Cuối cùng họ đến gần một quả đồi nhỏ.

- Chỗ nào đó gần đây thôi.

Daniel thấy một thoáng do dự trong lời của con.

- Ở đâu? Quãng này là đâu?

Daniel vừa hỏi thì trông thấy một làn ánh sáng lạ lùng phát ra từ mấy hòn đá. Ông tin rằng Jonathan đã nói thật. Những tảng đá này đã được mang về từ Jérusalem. Ngoài các thiên thần ra, không ai có thể mang chúng đến tận đây.

Ông ôm Jonathan trong vòng tay:

- Xin lỗi con. Cha đã không tin con, đó là một tội lớn.

- Con biết, Jonathan nói với vẻ nghiêm trang của người lớn. Nhưng điều đó cũng dễ hiểu. Chính con, lúc đầu cũng tự hỏi phải chăng là mình đang mơ.

- Đi với cha, Daniel quyết định, cha nghĩ lúc này hội đồng các nhà hiền triết vẫn còn đang họp.

- Daniel, thế này là thế nào? Phó trưởng khu Do Thái đứng dậy mắng. Từ bao giờ trẻ con lại được phép tham dự vào hội đồng các nhà hiền triết thế?

- Luật pháp có ghi rõ tuổi cần có của một người có điều quan trọng muốn trình bày với hội đồng không? Daniel trả lời. Tôi nghĩ rằng phải dẹp bỏ cái kiêu ngạo của người lớn để nghe một đứa trẻ có những điều rất quan trọng muốn cho ta hay.

Ông quay về phía Jonathan:

- Hãy cho mọi người biết con đã nói chuyện với ai và đã trông thấy gì?

- Chính con đã phát hiện ra những tảng đá của Jérusalem, chú bé Simon nói:

Mọi người mỉm cười. Nét mặt của các nhà hiền triết giãn ra.

Sau khi Jonathan đã kể hết mọi chuyện, vị giáo trưởng trịnh trọng tuyên bố:

- Chính Thượng đế đã cho hay quyết định xây dựng nhà thờ Do Thái của chúng ta là đúng. Người còn chỉ ra địa điểm cần xây dựng.

- Chỉ còn một vấn đề phải giải quyết, phó thị trưởng nói. Chúng ta đã nhận được quyết định của Nghị viện hoàng gia cho phép xây dựng nhà thờ Do Thái. Tuy nhiên, vì không một người Do Thái nào được làm một nghề dính đến phùng hội, nên nhà thờ của chúng ta phải do những người không tín ngưỡng xây dựng. Điều đó có nghĩa là nhà thờ phải xây dựng theo những quy tắc của các đền đài của họ, tức là đỉnh vòm sẽ đứng...

- ... trên bốn đường gân tạo thành một cây thập tự trên đỉnh vòm, Jonathan nhẹ nhàng kết thúc.

- Jonathan! Daniel kêu lên, giọng quở trách.

- Xin ngài phó thị trưởng tha thứ cho sự hỗn xược của cháu, Jonathan lẩm bẩm, đỏ bừng mặt.

- Không có gì, phó thị trưởng tuyên bố một cách khoan dung. Hãy nói ta nghe cháu lấy thông tin đó ở đâu.

Jonathan thú thật:

- Cháu đã quan sát người ta xây những ngôi nhà đá như thế nào.

- Con đã xem những kẻ vô đạo làm việc ư? Daniel sợ hãi nói. Con có biết rằng, vì điều đó...

Phó thị trưởng ngăn lại:

- Khoan đã, Daniel... Phó thị trưởng ngắt lời ông, không để ý gì đến những tiếng cầu nhàu bất bình của giáo trưởng. Đừng mắng đứa trẻ này vì sự tò mò của cậu ta. Những hiểu biết của cậu có thể hữu ích cho chúng ta.

Rồi, ông quay về phía những người khác:

- Tất cả các vị đều biết rằng chúng ta không thể chấp nhận cho xây nhà thờ của chúng ta theo một thiết kế có thập tự giá! Ngay cả khi các thiên thần có mang cho chúng ta những tảng đá và chỉ ra địa điểm lý tưởng, chúng ta phải từ bỏ ý định xây bằng đá. Chúng ta sẽ xây nhà thờ bằng gỗ như trước.

Lúc đó, mọi người nghe thấy một tiếng nói rụt rè không rõ từ đâu cất lên:

- Tại sao? Tại sao lại không được bằng đá?

Mọi người quay về phía Jonathan, nhưng chính là chú bé Simon đã nói.

- Cháu bé, đó là những điều cháu không thể hiểu được... Giáo trưởng dịu dàng nói.

Nhưng Simon dám ngắt lời ông:

- Ngài lầm rồi, thưa giáo trưởng vĩ đại, cháu hiểu chứ. Chúng ta không muốn trên trần có một cây thập tự có bốn đường gân. Nhưng cháu không hiểu tại sao cứ phải là bốn đường gân? Tại sao lại không phải là năm?

Mọi người tròn mắt nhìn chú bé.

- Có thể có năm đường gân, Jonathan tuyên bố nhẹ nhàng.

- Nếu người ta không áp đặt cho chúng ta phải chấp nhận một thiết kế có thập tự mà chỉ giữ phong cách và các phương pháp xây dựng... phó thị trưởng suy nghĩ, nói chậm rãi.

Ông nhìn Jonathan ra ý hỏi.

- Cháu đã thấy người ta xây tu viện như thế nào, cậu thiếu niên tuyên bố. Cháu chắc chắn rằng có thể có một đường gân thứ năm đỡ mái vòm.

Từ ngày đó, trên một quả đồi nhỏ ở Prague, vươn lên một nhà thờ Do Thái, mang cái tên Do Thái “al-tnaê”, nghĩa là “với điều kiện”.

Những người không biết tiếng Do Thái thì đổi chữ “al-tnaê” ra tiếng Đức “alt-neu,” có nghĩa là “cũ mới”.

Những nhà nghiên cứu rất thông thái ngày nay giải thích một cách giáo điều rằng cái tên Cũ - Mới là vì nhà thờ này xưa kia khởi nguồn mang tên là Mới, sau khi xây dựng một nhà thờ mới, người ta đặt tên lại cho nó là Cũ - Mới.

Còn có nhiều truyền thuyết và bí ẩn xung quanh nhà thờ này. Nhưng ít người lưu ý tới đường gân thứ năm trên mái vòm khi tới thăm nhà thờ.

Hiếm người biết tên gốc của nó và giờ còn tin vào câu chuyện ngày xưa chính hai đứa trẻ Do Thái ham hiểu biết đã tìm ra cách né tránh một cách xứng đáng cái điều kiện đặt ra cho việc xây dựng nhà thờ Do Thái.

Hai mươi hai ngôi trường mới

ĐANG LÀ CHỦ NHẬT. ĐỐI VỚI NGƯỜI DO THÁI THÌ đây là ngày làm việc đầu tiên trong tuần lễ. Như mọi chủ nhật, Mordechaê ben Yona đang ngồi trong phòng giấy rộng rãi của ông. Nhưng, khác với những ngày làm việc khác, ông không chú ý đến việc quản lý vô số tài sản của mình, những lời lãi, kể cả việc tính toán những món tiền cho các nhà quý tộc vay.

Ông đang chìm đắm trong những ý nghĩ u ám về nỗi bất hạnh lạ lùng của Joseph, đứa con trai duy nhất của ông. Người hầu của Mordechaê gõ cửa, mở cánh cửa gỗ sồi nặng nề, rồi vén tấm rèm cửa dày dùm để giảm nhẹ tiếng động bên ngoài.

- Thưa ông chủ, Moshe ben Jicchak ở Vienne xin được tiếp kiến.

- Bảo ông ta hãy kiên nhẫn đợi, Mordechaê nói. Trừ những vị quý tộc có thể lực nhất và những nhà thông thái lớn, ông thường bắt tất cả những người đến thỉnh cầu phải chờ đợi để chứng tỏ ông rất bận và thì giờ của ông rất quý báu.

Nếu ai đó muốn Mordechaê ben Yona dành cho chút thì giờ thì phải khúm núm đợi. Nếu không đủ kiên nhẫn và không có thời gian chờ đợi, thì chắc là việc không cấp bách.

Trong trường hợp ấy, Mordechaê sẽ không cho người đó cả thì giờ lẫn tiền bạc. Đó là cách ông lựa chọn khách hàng.

- Thưa ông, ông Moshe ben Jicchak bảo vào nói với ông rằng ông ấy không thể đợi. Ông ấy phải qua biên giới trước khi trời tối...

- Vậy thì ông ấy cứ qua, Mordechaê nén cơn tức giận. Một lão Moshe ở Vienne cha căng chú kiết nào đó lại dám chỉ thị thời gian biểu cho ông, người Do Thái giàu nhất Pesaro!

- Nhưng thưa ông chủ, ngài hãy nhớ lại Moshe ben Jicchak ở Viene là người làm mối chính ngài đã mời đến, người hầu kính cẩn nhắc.

“Trời ơi, Mordechaê thầm rên lên, người đã trừng phạt con nặng nề khi không cho phép Joseph, con trai con, lấy vợ, đã thế lại còn khiến con mất cả trí nhớ”.

Để không mất mặt trước tên đầy tớ, ông làm như chẳng có chuyện gì xảy ra, cũng như chẳng mấy quan tâm đến người khách:

- Mời ngài làm mối Moshe ben Jicchak vào.

Một người nhỏ bé, mảnh khảnh, bước vào phòng giấy, lễ phép chào. Ông ta có cặp mắt của một con buôn dày dạn.

- Tôi không biết ông đã ở Pesaro, Mordechaê nói.

- Tôi vào thành phố sáng nay, lúc cổng vừa mở, ông ta tiếp lời, giọng nịnh nọt.

- Những gì tôi nghe nói về công việc của ông, Mordechaê ben Yona, khiến tôi rất vui sướng và khâm phục.

Tất cả câu chuyện hoang đường mà ông ta tin, rằng Mordechaê là người có họ xa với Joseph Nasim, tâm phúc của vua hồi giáo Soliman huy hoàng, đã lan đến tận Vienne.

Mordechaê đã không bình luận gì về quan hệ họ hàng của ông với những người nổi tiếng đang nắm quyền bính, với chủ ngân hàng, nhà ngoại giao, mạnh thường quân của các nghệ sĩ, các nhà bác học Do Thái. Nhưng ông cũng không phủ nhận.

Khi người ta hỏi về vấn đề này, ông chỉ mỉm cười bí ẩn để lẩn tránh và lái sang chủ đề khác.

Vì thế người ta kể rằng ông đã đặt tên cho đứa con trai duy nhất là Joseph để tôn vinh người họ hàng xa, Joseph Nasim.

- Đấng Tối thượng đã ban cho ông của cải như nước như non, lòng kính

trọng của mọi người, niềm vui lớn tràn trề từ gia đình, từ sức mạnh và sự tinh anh của con trai ông.

Moshe dần dần đề cập đến lý do khiến Mordechaê viết thư đến Vienne nhờ ông ta giúp đỡ.

- Nhưng bao giờ cũng vậy, người làm mỗi tiếp lời, niềm vui lớn tiếp sau là nỗi buồn lớn, vì Thượng đế muốn mọi sự phải cân bằng. Ông đã tả cho tôi hay nỗi phiền muộn ghê gớm của ông, trong một lá thư có thể sánh với tác phẩm của các nhà thông thái vĩ đại về văn phong và sự khôn ngoan.

Mordechaê làm một cử chỉ sốt ruột. Còn mất bao nhiêu thì giờ nữa với lão mỗi lái nhàm chán này, kẻ chuyên sống bằng việc thu xếp những cuộc hôn nhân? Bao giờ lão mới đi thẳng vào vấn đề? Lối nói hoa mỹ của lão phải chăng biểu hiện sự nhạo báng?

- Tôi đã tìm mọi cách để giúp đỡ ông, để giải thoát cho ông khỏi trăm nỗi ưu phiền, để tìm cho Joseph con trai ông một vị hôn thê phù hợp. Tôi đã tìm khắp nơi cho anh ta một cô gái trẻ, khiêm nhường nhưng hay lam hay làm.

- Cô ấy ở đâu? Mordechaê không còn kìm nén được sự sốt ruột.

Nhưng ông mới Moshe không để cho bị ngắt lời:

- ...Khốn thay mọi cố gắng, mọi tìm kiếm của tôi đều vô hiệu.

- Tại sao vậy? Vô hiệu ư? Thế nhưng thằng Joseph nhà tôi...

- ... là một thanh niên con của một gia đình được trọng vọng nhất, giàu nhất từ Vienne đến Rome, ông mới gặt đầu. Dù thế, không ai muốn gả con gái cho anh ta.

Mordechaê nhìn chăm chăm vào ông mới, không tin. Ông không thể tin những điều vừa nghe.

- Lần đầu tiên trong đời, tôi không thỏa mãn được lòng mong đợi của một khách hàng và làm tròn bốn phận của tôi. Ông đã ứng trước cho tôi một cách hào phóng, tôi phải hoàn lại tiền cho ông.

Moshe dốc cái túi đầy tiền vàng trước mặt Mordechaê.

- Ông có thể đếm, nếu ông muốn. Tôi không lấy một đồng nào trong túi tiền này. Xin ông tin rằng tôi rất thất vọng phải mang đến cho ông một tin buồn đến vậy, tôi những muốn hơn tất cả là tìm được cho Joseph, con trai ông, một vị hôn thê trẻ.

Ông mới xin cáo lui và rời phòng giấy.

Người cho vay nặng lãi choáng váng vì cái tin này, chăm chăm nhìn những đồng tiền vàng một cách ngây dại. Làm thế nào bây giờ? Ông ta phải tự mình đi tìm vợ cho con trai chăng? Nhưng tìm ở đâu? Ở Thổ Nhĩ Kỳ? Ở vùng Bắc Vienne? Ở đâu đó thật xa, nơi không ai biết những chuyện lạ lùng xung quanh việc hỏi vợ cho con trai ông.

Chìm đắm trong suy nghĩ, Mordechaê ben Yona hình dung lại thời thơ ấu của cậu con trai Joseph. Đó là thời kỳ mà ông ta và bà vợ Khava bắt đầu mất hy vọng là Thượng đế có thể ban cho vợ chồng ông một đứa con nối dõi.

Khi còn nhỏ, Joseph rất kháu khỉnh và vui tươi. Bố mẹ không muốn chú phải chịu đựng bất cứ bốn phận gì. Dù sao ông bà cũng đủ điều kiện để mua cho con tất cả, trả tiền cho tất cả.

Vì thế, trái với những trẻ con Do Thái khác học đọc, học viết từ lúc ba tuổi, Joseph chỉ chạy chơi trong vườn và leo trèo cây cối.

Lên năm tuổi, khi những đứa trẻ khác bắt đầu đọc các truyện ngắn, Joseph vẫn chưa biết chữ nào. Bảy tuổi, khi bạn bè đọc những trang Torah, chú chưa viết được tên mình.

Mordechaê ben Yona bận quản lý tài sản kếch sù của mình và để cho con trai muốn làm gì tùy thích.

Ông ta không bao giờ hạn chế con trong các trò chơi. Ông ta thích thú nhìn con lớn lên, trở nên đẹp mã và khỏe mạnh. Tại sao lại bắt con phải mòn mỏi học hành, trong khi mình bao giờ cũng đủ tiền thuê một người cóp bài để viết và đọc cho con, cũng như thuê một kế toán để làm tính cho nó?

Vợ chồng Mordechaê chỉ sợ có một điều: Kỳ thi của các thiếu niên. Trong kỳ thi này, các thiếu niên Do Thái mười ba tuổi phải chứng tỏ ở nhà thờ trước toàn khu Do Thái là chúng đã đọc được những trích đoạn dài của sách Torah.

Nhưng Mordechaê có nhà thờ riêng của mình và vị giáo trưởng dạy cho Joseph học thuộc lòng các trích đoạn. Kỳ thi của Joseph diễn ra trong nhà thờ của cha cậu, trước sự chứng kiến của đông đảo bà con và bạn bè. Như mọi người giàu khác, Mordechaê có thừa bà con và bạn bè để có thể nhét đầy tất cả các nhà thờ từ Venise đến Rome.

Một số khách mời thoáng nghĩ ngờ: Joseph ben Mordechaê có lẽ đã học thuộc lòng bài luận và không hề biết đọc. Tuy nhiên nói ra để làm gì? Việc gì phải chuốc lấy nguy cơ làm cho Mordechaê hùng mạnh nổi giận?

Nhất là khi, trong ghetto, chẳng có gì thực tế không thuộc về Mordechaê hoặc không lệ thuộc vào tiền bạc hay những quà biếu hậu hĩnh của ông ta.

Khi Joseph lên ba, hàng chục người mỗi lái kéo đến. Cậu con trai của Mordechaê quả thực là người thừa kế một gia sản kếch sù, hơn nữa mọi người đều thấy rằng cậu sẽ trở thành một người đẹp đẽ như mẹ cậu, to khỏe như bố cậu.

Cuối cùng, Mordechaê chọn được cho con một cô dâu tương lai xuất thân từ một gia đình được trọng vọng và giàu sang. Khi Joseph đến tuổi lập gia đình, người ta bắt đầu chuẩn bị cho đám cưới. Đó chắc hẳn phải là một sự kiện lớn trong toàn ghetto.

Thoạt đầu, mọi việc diễn ra theo đúng tập quán cổ truyền và quy tắc tôn giáo hiện hành. Không ai ngờ rằng một bất hạnh kinh khủng đã gần kề. Những người làm chứng long trọng tụ họp để ký vào giấy giá thú.

Chú rể phải ký ngay sau người làm chứng, sau đó là vào trong phòng nơi cô dâu đang kiên nhẫn đợi để lật chiếc khăn choàng dày che mặt cô dâu. Nhưng đúng lúc người làm chứng thứ nhất cúi xuống tờ giá thú để ký, mặt đất bất thành lình rung chuyển.

Những người làm chứng bị bắn vào bức tường đang nứt ra. Trong phòng

nơi cô dâu đang đợi, cửa sổ vỡ tan thành nhiều mảnh làm cho cô gái trẻ và bà mẹ bị thương. Cả hai thất kinh, không dám động đậy.

Trận động đất chỉ diễn ra trong thời gian ngắn nhưng bố mẹ cô dâu coi đó là điềm gở và lập tức hủy bỏ hôn lễ.

Chắc chắn, không khó tìm ra một ý trung nhân khác cho Joseph. Lần này nữa cũng phải là con gái một gia đình gia giáo và giàu có. Ngày cưới được ấn định. Đột nhiên, trước ngày hôn lễ cô dâu lăn ra ốm nặng.

Không một thầy thuốc nào chẩn đoán ra căn bệnh bí hiểm đó và điều trị được. Thế mà bất thần cô gái khỏi ngay vào ngày người ta kiếm được cho Joseph một vị hôn thê khác. Cô này sống trong một khu Do Thái nhỏ giữa một thành phố cách Pesaro một ngày đường khúc khuỷu.

Một tuần lễ trước ngày cưới, người ta đưa cô dâu đến trong một chiếc xe ngựa lộng lẫy do Mordechaê biểu cha mẹ cô. Dọc đường một cơn giông dữ dội nổ ra. Gió mạnh nhổ bật cây cối. Ngựa sợ hãi lồng lên. Chiếc xe rơi xuống một vực sâu. Cô dâu trẻ và đám tùy tùng không chết nhưng bị thương nặng.

Ba cuộc hôn nhân bị lỡ...

Bố mẹ các cô gái trẻ giàu có không muốn nói đến chuyện gả con cho Joseph nữa. Vì vậy Mordechaê quyết định hỏi cho con trai cô gái con một bà già nghèo. Để cho an toàn, người ta yêu cầu cô gái và bà mẹ chuyển đến lâu đài của Mordechaê, ở trong các phòng dành cho khách. Mọi người chăm lo sao không có chuyện gì xảy ra cho cô gái.

Nhưng điều đó cũng chẳng ích gì. Hai ngày trước hôn lễ, một con muỗi đốt cô dâu. Đêm đó, mình mẩy cô phồng rộp lên, cô không thở được nữa. May nhờ có thầy thuốc riêng của Mordechaê mà cô thoát chết.

Bà mẹ quỳ gối van xin người cho vay nặng lãi để bà và con gái trở về nhà và quên cuộc cưới hỏi ấy đi. Mọi người biết rằng những thất bại liên tiếp đó là ý của Thượng đế Tối cao. Nhưng vì lẽ gì? Tại sao ngài trừng phạt Mordechaê? Vì tài sản của ông chẳng? Ông và cha ông đã tích góp được tài sản này do lao động khó nhọc của họ và việc buôn bán lương thiện.

Mordechaê tham vấn vị giáo trưởng. Ông này nhún vai, bối rối. Mordechaê

lần lượt tìm đến các giáo trưởng khôn ngoan nhất, có học vấn nhất trong vùng. Vô ích, không ai có thể giải thích được sự thất bại của tất cả các cuộc hôn nhân đó.

Lúc trước vô tâm và vui vẻ là thế, Joseph dần dần thành ra một người lặng lẽ và buồn rầu. Mọi người trạc tuổi anh, cả những người nghèo nhất, đều đã lấy vợ từ lâu và có một hai con. Họ có vẻ sung sướng và hớn hờ. Về phần mình, Joseph cảm thấy cô đơn ghê gớm và tuyệt vọng về chuyện tìm cho mình một người vợ.

Anh quên cả địa vị của mình, đi chuyện trò với những người hành khất lang thang từ ghetto này đến ghetto khác. Thay vì xua đuổi hay ném cho họ một đồng xèng như trước kia, anh lắng nghe những chuyện họ kể. Họ không gia đình, không tài sản. Họ là những người vô lo và vui vẻ.

Một hôm, Joseph nghe một người hành khất nhắc đến một người mối lái kỳ lạ. Người này có thể làm được những điều kỳ diệu: Tìm cho một ông già câm điếc một cô vợ trẻ đẹp, se duyên cho một người mù nghèo lấy một góa phụ xinh đẹp và điệu dàng.

Joseph cho người ăn mày một đồng tiền vàng, và hỏi có thể tìm ông mối đó ở đâu. Trông thấy đồng tiền vàng, người ăn mày không để phải nài.

- Ông ta ở xa đây, ở Vienne. Tên ông là Moshe ben Jicchak. Một người rất khéo léo. Hãy tới đó. Ông ta sẽ tìm được cho anh một cô gái đẹp nhất, hiền hậu nhất trong các cô gái. Anh sẽ thích cô ấy về mọi mặt. Chỉ cần viết thư cho ông ta, mô tả xem anh muốn lấy vợ như thế nào và trả tiền, chắc chắn là thế.

Khi Joseph kể với cha về người mối lái kỳ lạ, Mordechaê ben Yona quyết định chính mình lo việc này. Trong lá thư viết cho người làm mối, ông không giấu điều gì. Ông gửi cho Moshe ben Jicchak món tiền thưởng gấp đôi mức thông thường ông kia vẫn đòi.

Nhiều tháng dài trôi qua, Mordechaê đã nghĩ rằng Moshe không phải là một ông mối đích thực mà chỉ là một tên bịp bợm háms tiền. Thế rồi Moshe ben Jicchak đến Pesaro...

Mordechaê ben Yona thở dài cay đắng. Ông những muốn đã không gặp

Moshe và cứ giữ cái ý nghĩ rằng đó chỉ là một tên bọm. Sự thất vọng chắc hẳn sẽ không lớn bằng hôm nay. Đúng lúc đó, Joseph lặng lẽ bước vào buồng giấy của cha.

Thoáng liếc nhìn mặt cha, anh hiểu rằng có hỏi về kết quả cuộc nói chuyện của ông với Moshe cũng vô ích. Bất hạnh thay, điều kỳ diệu đã không xảy ra. Joseph quay ra cửa.

- Chờ một lát, con, cha anh giữ anh lại. Con hãy đi đến thành phố Venise, đến gặp Yéhuda Aria de Modène. Cách đây ít lâu, cha có giúp tiền cho ông ấy trong thời gian ông học tại nhà thi sĩ đồng thời là nhà văn Samuel Archevolti... Nhưng tên của ông ấy chắc chẳng gọi cho con điều gì, Mordechaê nói thêm, vì nhớ ra rằng con ông không biết đọc. Sau khi học xong, Yéhuda Aria trở thành giáo trưởng và nhà giáo dục. Sau đó, ông ấy học giả kim học, những bùa chú và những phép lạ. Hiện nay, ông ấy đang viết cuốn lịch sử các lễ nghi Do Thái theo yêu cầu của vua Anh Jacques Đệ Nhất. Yéhuda là người học rộng và rất thông tuệ. Hãy làm thế nào để ông ấy tiếp con và xin ông giải đáp cho câu hỏi duy nhất sau đây: Tại sao con không lấy được vợ?

Cuối cùng Mordechaê đặt tay lên vai con. Ông dịu dàng nói thêm, như nói với chính mình:

- Có thể ông ấy sẽ nói cho chúng ta biết chúng ta đã phạm tội gì và làm thế nào để chuộc tội ...

Một môn sinh trẻ lễ phép mở cửa phòng của Yéhuda Aria:

- Thưa thầy, một người ở Pesaro xin được gặp thầy.

Yéhuda đang ngồi, mắt nhắm, tay đặt trên một chiếc hộp nhỏ. Ông mỉm cười thanh thản. Anh môn sinh đứng im một lát, chùng hững vì thái độ của vị giáo trưởng. Nhưng khi anh sắp đi ra thì Yéhuda Aria đột nhiên nói:

- Con hãy dẫn Joseph ben Mordechaê, con của Mordechaê ben Yona, người đang đợi ta ngoài kia, đến nhà ta.

Anh môn sinh sửng người vì kinh ngạc. Anh chưa hề thông báo tên của

người khách. Làm sao Yéhuda Aria đã biết đích danh người đó? Thầy của anh có thể nhìn xuyên qua tường chẳng?

Yéhuda Aria nói tiếp:

- Hãy để Joseph ben Mordechaê tắm rửa sau cuộc hành trình dài và nghỉ ngơi đôi chút. Tối nay chúng ta sẽ cùng ăn. Anh ta sẽ là khách của ta. Ta mang nặng ơn của cha anh ta, ông Mordechaê ben Yona khả kính. Nhờ có ông ấy mà ta trở thành giáo trưởng và nhà thơ ... Nhưng thôi, giờ ta chỉ muốn sáng tác nốt bản kinh cầu nguyện ta đã bắt đầu trước khi anh đến.

Ngừng một lát, ông tiếp lời:

- Đấng Tối cao đã mở ra trước mắt ta tấm màn của tương lai và cho ta thấy trong một thời đại xa xôi, người Do Thái sẽ nguyện cầu kinh của ta. Khi đó, những hạt nhỏ nhất của tấm thân cát bụi của ta sẽ bay giữa các vì sao, chỉ riêng hoa trái trí tuệ của ta, những vần thơ kinh bốn của ta, là ở lại giữa con người.

Dứt lời, Yéhuda Aria từ từ nhắm mắt và môi ông lại nở nụ cười thanh thản. Chắc hẳn ông đang bay trong tâm tưởng tới một tương lai xa lắc.

Anh môn sinh ra khỏi buồng giấy và truyền đạt thông điệp của thầy cho Joseph vẫn đang đợi bên ngoài.

Joseph liền đi nghỉ ngơi cho hết mệt nhọc đường trường và chuẩn bị dùng bữa tối với Yéhuda Aria.

Họ ăn trong im lặng hoàn toàn. Joseph lúng túng thú thật với Yéhuda Aria điều bất hạnh của mình.

Hồi lâu, giáo trưởng không nói gì, như thể thực sự ông không biết nói với Joseph như thế nào. Rồi ông thở dài:

- Ta đang nghĩ cách cho anh biết sự thật một cách bình tĩnh. Ta không biết làm thế nào thổ lộ một điều như thế này với con của người đã giúp đỡ ta nhiều đến thế.

- Ngài muốn nói rằng cha con cháu đã làm điều gì xấu và bị Chúa trời trừng phạt? Joseph hỏi, băn khoăn vì thái độ thận trọng của Yéhuda.

- Không, Joseph, anh không làm gì xấu, nhưng còn tệ hơn thế, anh không làm tròn bốn phận cơ bản của một người Do Thái.

- Sao thế ạ, cháu không làm tròn bốn phận tôn giáo của mình? Thật ra thì cháu không thường xuyên cầu kinh, nhưng cũng không trể nải một lễ ban phép lành nào, cháu cũng không quên một lễ thanh lọc nào, cháu vẫn rửa tay trước khi ăn, cháu nhịn ăn mỗi tuần chay và không làm việc vào ngày shabbat...

- Nhưng anh không đọc, Yéhuda Aria ngắt lời.

- Cháu không...

Joseph đỏ mặt. Anh không ngờ Yéhuda biết anh chưa bao giờ biết đọc.

- Anh không đọc được, nhà thơ tuyên bố.

- Làm sao mà ngài đoán ra?

- Vì đôi mắt anh, nhà thơ nhún vai, nói. Nó cứ như mù. Trong mắt anh không có một dấu vết của việc đọc chữ, đọc lịch sử giáo huấn, đọc suy nghĩ của các nhà viết tiểu luận.

- Những lời thông tuệ, cháu đã nghe, những lịch sử giáo huấn, những tiểu luận quan trọng, người khác đã đọc cho cháu nghe, Joseph bác lại.

- Phải, anh thuộc được đoạn nào đó, nhưng anh lại quên ngay, đúng không? Yéhuda Aria bình thản nói.

- Việc cháu không đọc là nguyên nhân tại sao cháu không lấy vợ được ư? Joseph hỏi, không tin.

- Đúng, đó là lý do khiến Đấng Toàn năng không muốn anh lấy vợ. Người không thích anh có con.

- Cháu rất giàu. Con cái cháu sẽ được thừa kế một tài sản lớn, thế là đủ rồi, Joseph phản bác.

- Tạo hóa không muốn những kẻ dốt nát sinh sôi. Những ai giàu của cải vật chất, nhưng nghèo trí tuệ không được có con. Đấng Toàn năng không muốn ban cho kẻ không biết đọc niềm vui được làm cha. Con cái của hắn sẽ không bao giờ thấy hắn đọc, viết, học hành, vốn là bốn phận tôn giáo chính của người Do Thái.

Yéhuda Aria chỉ thư viện đầy sách của ông:

- Phải nhớ rằng duy có con người được Đấng Toàn năng cho biết đọc. Các động vật biết đi, biết xây nhà ở, biết sinh sôi, biết trao đổi với nhau bằng ngôn ngữ của chúng, biết nhảy và hát. Điều duy nhất chúng không biết là đọc.

Yéhuda ngừng lời một lát rồi tiếp tục.

- Ngay Mười Giới luật cũng do Chúa truyền cho Moêse bằng cách viết trên bia đá. Bởi thế sách là thứ đi theo mỗi người Do Thái trong suốt cuộc đời.

- Xin ngài hãy dạy cho cháu đọc, Joseph van xin. Bây giờ cháu biết rằng cháu phải học. Ngài đã làm cho cháu hiểu tầm quan trọng của việc đọc sách. Xin đừng ngại, cha cháu giàu có. Ông có thể trả cho ngài bất cứ thứ gì ngài yêu cầu.

- Ta không muốn ông ấy trả tiền cho ta trong bất cứ trường hợp nào. Ta chỉ mong ông ấy làm điều gì có ích cho mọi người và cho mỗi người. Nếu ta dạy cho anh đọc thì ta muốn cứ mỗi chữ ta dạy cho anh, ông ấy sẽ cho xây một ngôi trường mà ở nơi đó việc học là miễn phí. Đó là điều kiện duy nhất để ta thu nhận anh làm học trò.

Người ta kể lại rằng vào thời ấy, trong các ghetto toàn nước Ý, đã có hai mươi hai ngôi trường được dựng lên. Không ai biết rốt cuộc số phận của Joseph ra sao. Có thể anh đã lấy được vợ và lũ con anh theo học tại một trong hai mươi hai ngôi trường đó chăng?

Những cái nút trên các sợi dây

RACHEL VÀ MẸ nhìn qua cửa sổ nhà, nóng lòng chờ đợi bà舅. Họ đã chuẩn bị riêng cho bà舅 một đĩa lớn cá tươi.

Rachel và Juda, cậu của cô, đã dậy từ sớm để đến làng chài mới kiếm được chỗ cá này. Dọc đường Juda hỏi trêu Rachel:

- Người ta kể rằng cháu đã đặt ra cho giáo trưởng một câu hỏi hóc búa đến nỗi ông ấy không ra khỏi nhà thờ suốt ba ngày. Ông không ngừng suy nghĩ và phải xin lời khuyên của Chúa Toàn năng để cố tìm ra lời giải đáp.

- Nhưng cháu lại nghĩ đó là một câu hỏi rất đơn giản, Rachel trả lời cậu Juda.

Thoạt tiên vị giáo trưởng không hiểu Rachel muốn nói gì.

- Con nói về những cái nút nào vậy, hả con gái của ta?

- Tất cả các nút: Trên dây giày, trên chỉ, sợi len, trên gói bọc... Từ khi còn bé tí, con đã kiên nhẫn học cời chúng. Chuyện đó bắt đầu khi con nhận được một gói quà nhỏ, được bọc cẩn thận và buộc bằng ruy-băng hay một sợi dây nhỏ gì đó. Con không được phép cắt dây hay xé giấy bọc ra. Phải dùng tay tỉ mỉ cời nút. Nếu cắt hoặc làm hỏng ruy-băng hay sợi dây, con sẽ mất gói quà và mẹ con sẽ thu lại ngay. Một bận, con nhận được một gói quà mà cái dây buộc bé bị rối kinh khủng. Không kiềm chế được, con đã rút đứt dây buộc, không chịu cời nút.

- Trong gói là một chiếc mũ bằng đăng-ten rất đẹp, chiếc mũ con đã thích từ lâu. Nhưng mẹ con bảo rằng con không xứng đáng với món quà đó, vì con quá nôn nóng. Con không bao giờ thấy lại chiếc mũ đăng-ten ấy nữa.

- Déborah bat Azarêa là một phụ nữ tần tảo, giáo trưởng tuyên dương mẹ cô gái. Bà biết rằng ngay một mẩu dây, một ngày kia cũng có thể rất có ích

cho một phụ nữ. Ý thức tiết kiệm đã theo bà suốt đời. Đừng quên gương sáng của bà!

- Vâng, thưa giáo trưởng, Rachel đáp, vì ngay một người đàn ông cũng không dám nói ngược lại lời giáo trưởng, huống hồ một phụ nữ hoặc một thiếu nữ. Mẹ con là một người đàn bà tiết kiệm và bà đã là tấm gương cho con. Ngày ngày con cửi rất nhiều nút to nút nhỏ. Con còn biết cửi những nút trên những sợi chỉ lụa mảnh nhất.

- Con nhận được nhiều quà thế à, con gái, để ngày nào cũng có ngần ấy nút để cửi?

- Không ạ, thưa giáo trưởng, Rachel nén cười, nói. Khi mẹ con nhặt được một mẩu dây hay mẩu chỉ, chính bà thắt những cái nút để sau đó con phải gỡ ra.

- Như vậy, chẳng để làm gì ư?

- Vâng, mẹ con làm rồi chỉ và con, con phải gỡ ra.

- Một công việc kỳ quặc, giáo trưởng nhận xét.

- Đúng, đó chính là vấn đề của con. Con muốn biết đó là một công việc hay một trò chơi. Nếu là một thứ lao động đích thực thì con không được làm vào ngày thứ bảy, phải không ạ?

- Con nói có lí. Nhưng nếu đó là một công việc thì phải có một mục đích. Giáo trưởng suy nghĩ, buột miệng thành lời.

- Nó có một mục đích, thưa giáo trưởng. Hình như con cần làm thế để lấy chồng. Mẹ con đã thỏa thuận với Golda.

- Đó là một bà mối tốt, giáo trưởng gật đầu.

Rachel lại nén cười. Chính giáo trưởng cũng đã đính hôn nhờ sự giúp đỡ của Golda. Bà ta đã kiếm cho ông một vị hôn thê giàu nhất khu Do Thái ở Naples! Nhưng giáo trưởng có biết người vợ tương lai của ông lúc đó đã phải đáp ứng điều kiện nào?

- Golda là người rất đòi hỏi khi lựa chọn các cô gái trẻ, Rachel nói.

- Bà ta có lí, giáo trưởng xác nhận. Một cô gái Do Thái tốt phải siêng năng, tần tiện, ưa sạch sẽ và cố nhiên phải biết tất cả các giới luật.

Giáo trưởng tự hỏi: “Con bé định đặt ra cho ta chuyện gì thế này? Một lời khuyên về người chồng tương lai? Theo thói thường thì đó là việc người cha phải lo, chứ không phải con gái. Quả là cha cô bé làm thủy thủ và đi buôn bán với các anh trai trên một chiếc tàu của Amsterdam. Có thể con bé muốn chuộc lại, trước khi lấy chồng, một tội lỗi nó đã mắc phải? Thế nhưng nó không có vẻ một cô gái mắc lỗi...”

- Mẹ cháu bắt cháu phải gỡ các nút vì Golda, Rachel trả lời đơn giản.

- Vì Golda? Giáo trưởng ngạc nhiên. Bà mỗi thì có thể làm được gì với cái nút trên một sợi chỉ?

- Golda xét con gái căn cứ vào sự khéo léo của các cô trong việc tháo gỡ các nút. Một cô gái dù giàu và có của hồi môn lớn, nếu không biết gỡ nút trên ruy băng một gói quà thì Golda không tiến cử cô với bất cứ người đàn ông nào.

- Cũng khá bất bình thường đây, giáo chủ nhận xét.

- Golda nói một cô gái nếu không có đủ đức kiên nhẫn để gỡ một cái nút sẽ không thể thành một người vợ tốt. Theo bà ấy, điều quan trọng đối với một người chồng là lòng kiên nhẫn mà người vợ chứng tỏ, vì lẽ đó mẹ chúng con đã dạy cho con và hai chị con cách tháo gỡ nút của đủ mọi loại dây. Hai chị con đã lấy được chồng rất khá, chính vì bà mỗi Golda thích sự nhanh nhẹn và khéo léo của các chị ấy khi cởi nút dây trên những món quà biếu của những người cầu hôn. Nay đến lượt con lấy chồng và con còn biết tháo nút giỏi hơn cả các chị... Con đã tập gỡ nút hàng ngày, trừ thứ bảy. Vì thế con đến để xin ý kiến của người xem có được gỡ nút vào ngày shabbat không?

Giáo trưởng suy nghĩ hồi lâu, không biết trả lời Rachel ra sao. Ông nói:

- Hãy trở lại đây, trong ba ngày nữa, thứ sáu, trước khi bắt đầu ngày shabbat. Ta sẽ trả lời cho con.

Suốt ba ngày, giáo trưởng giam mình trong nhà thờ, đọc lại các bài viết của các bậc tiền nhân. Ông tham khảo nhiều sách để tìm câu trả lời cho câu hỏi của Rachel.

Tối thứ sáu, ông bảo cô, ông đã đi đến kết luận rằng tháo gỡ nút không phải là một công việc mà chỉ là một thứ trò chơi. Điều đó, có nghĩa là Rachel có thể làm điều đó trong ngày shabbat, không có gì phải bận tâm.

Juda mỉm cười, thỉnh thoảng liếc nhìn Rachel đang chìm trong suy nghĩ. Họ đến cổng làng. Rachel xuống xe, đi đến nhà người đánh cá giỏi nhất.

Cô chọn hai con cá rất tươi, để làm một đĩa thức ăn thật ngon, dành đãi bà mối thật thịnh soạn. Cô sắp trả tiền thì vợ người đánh cá nói.

- Tôi hài lòng vì cô chưa đi Naples, lại còn đến tôi mua cá.

- Tại sao bà lại muốn chúng tôi đi Naples? Rachel sững sốt hỏi.

- Thế ra cô chưa biết cái tin khủng khiếp ấy sao? Tất cả người Do Thái phải rời thành phố trước cuối tháng Ba. Nhà vua đã ra lệnh như thế, vợ người đánh cá nói.

“Có thể thế ư?” Rachel tự hỏi.

Phần lớn người Do Thái ở Naples đổ về đây vào năm 1492, chạy trốn khỏi Sicile và sự truy hại của vua Ferdinand' Aragon. Ba năm trước, cộng đồng Do Thái ở Sicile đã biểu triều đình Tây Ban Nha một món tiền lớn để giúp họ trong cuộc chiến tranh chống lại những người Hồi giáo ở Grenade. Nhà vua biết ơn, hứa sẽ che chở cho người Do Thái, nhưng rồi đã nuốt lời hứa.

Rachel tôn thờ Naples, nơi cô đã sinh ra. Nhưng cô nhớ rõ rằng từ năm 1504, khi cả vùng Naples bị đặt dưới quyền thống trị của Tây Ban Nha, mọi sự đã thay đổi rất nhiều.

Rachel già từ vợ người đánh cá, quay lại chỗ Juda đang đợi cô, nhưng không có ông ở đó.

Có lẽ ông đợi cô xa hơn một chút chẳng? Cô quyết định đi tìm ông.

Chân bước đi nhưng đầu mãi văng vẳng lời vợ người đánh cá. Cô không nhận ra rằng mình đã đi chệch khỏi con đường chính. Nhưng rồi cô chợt nhận ra mình bị lạc. Phía bên trái, cô nghe thấy tiếng ầm ào của biển. Cô trèo lên những tảng đá lớn, vượt qua những bụi rậm để đến gần biển. Cuối cùng khi đã trông thấy biển thì cô nghe có những giọng nói.

Cô vui mừng nhảy xuống cát, thoáng thấy xa xa hai người đang vật lộn với một sinh vật trong một tấm lưới. Cô có cảm tưởng đó là một con cá rất to.

Nó quẫy tứ phía, cố gắng một cách tuyệt vọng để thoát khỏi hai người đó. Khi Rachel tiến lại gần, cô trông thấy con dao lấp lánh trong tay một người đàn ông.

Đúng lúc đó, sinh vật mà Rachel vẫn cho là con cá lớn kêu toáng lên:

- Cứu tôi với!

- Không! Rachel la lên, kinh hoàng.

Hai người đàn ông sững người khi nghe tiếng kêu của Rachel. Bọn chúng quay lại, bước một bước, rồi hai bước về phía cô... mũi dao giờ nhắm vào cô.

- Emmanuel, Ferdinando! Rachel thốt lên, quay đầu về phía những tảng đá. Giuseppe! Bố, các anh, hãy đến đây! Đến nhanh!

Hai người đàn ông dừng lại, nhìn nhau rồi vắt giò lên cổ chạy biến. Người nằm trong lưới không động đậy, Rachel lại gần và nhận ra khuôn mặt và mu bàn tay của ông ta bị cào đến chảy máu. Quần áo nhuộm với những hoa văn thêu đẹp chứng tỏ chủ nhân là một người rất giàu, thuộc tầng lớp quý tộc.

- Cô là ai? Ông ta hỏi, giọng khàn khàn.

- Tên tôi là Rachel. Tôi phải nhanh chóng giải thoát cho ông trước khi hai tên cướp trở lại.

- Phải. Nhưng cha và các anh cô phải nhanh lên.

- Cha tôi và các anh tôi không có mặt ở đây. Tôi gọi họ để cho hai tên cướp sợ thôi. Tôi chỉ có một mình, Rachel trả lời.

- Cô có dao để cắt lưới không? Người kia hỏi.

- Không. Tôi phải làm bằng tay thôi.

- Sao? Thế thì tôi xong đời rồi! Chạy đi! Không nên để cho hai tên cướp thấy cô khi chúng trở lại. Cô không thể giúp được tôi đâu...

- Tôi sẽ gỡ lưới ra, Rachel nói cương quyết. Hãy nằm im. Ông chỉ nên cử động khi tôi bảo.

Rachel bắt tay vào việc, lẹ làng đến ngạc nhiên. Cô đã giải thoát được một bàn tay của người kia, rồi tay kia. Ông ta bình tĩnh lại đôi chút, thuật lại chuyện tàu của ông đã bị bọn cướp tấn công như thế nào.

- Chúng đã giết phần lớn thủy thủ, nhưng may mà chúng không động đến tôi. Chúng trói chặt tôi lại, tống vào một tấm lưới và ném tôi một cách dã man vào bờ biển. Tôi chỉ cựa quậy được một tý và đã phải nằm dài ở đây khá lâu để chờ đợi. Tôi đã cố gắng kêu cứu. Chỉ có hai người xuất hiện. Đó là hai tên cướp cô đã thấy. May cho tôi là cô đã đến. Cô nhìn đây, dưới chiếc áo vét này là một cái ví lớn đầy tiền vàng. Tôi xin biếu cô để tỏ lòng biết ơn. Cô đã cứu tính mạng tôi, xin cô nhận cho.

- Không có chuyện tôi lấy tiền của ông, Rachel lắc đầu, kiên quyết.

- Sao cô lại từ chối tiền của tôi? Cô đã cứu tôi! Cô xứng đáng với phần thưởng này hơn ai hết! Người đàn ông kêu lên, hoàn toàn thoát khỏi tấm lưới.

- Làm việc tốt để cứu người là một bổn phận, Rachel tuyên bố. Cuộc sống con người không phải là hàng hóa. Cuộc sống con người không thể để bán hay mua.

- Cô thật khác thường, người đàn ông nói, nhìn xoáy vào mắt cô.

- Không phải thế, tôi là người hoàn toàn bình thường, Rachel phản bác lại, vì cô biết làm người khác thường có thể là cái gì nguy hiểm.

Quả vậy, những người khác thường thường bị đối xử như phù thủy hoặc kẻ bịp bợm, có thể dễ dàng kết thúc cuộc đời trên giàn thiêu.

- Chúng ta hãy đi dọc bờ biển, Rachel đề nghị. Chúng ta sẽ đến được một làng chài.

- Cháu ở đâu vậy? Ta tìm cháu khắp nơi! Juda ngồi trên xe bò, cúi đầu kêu lên khi thấy Rachel đi tới.

Nhưng ngay lúc đó, ông nhận thấy một người trong trang phục quý tộc đang đi cùng Rachel. Ông há hốc mồm, cúi mình rất thấp và nói, đáng diệu vô cùng kính cẩn:

- Cúi xin Hoàng thượng tha tội. Thần không nhận ngay ra Hoàng thượng.

Rachel, hoang mang, hết nhìn Juda rồi nhìn người đàn ông. Cô tự hỏi, “Phải chăng đây là vua Ferdinand Đệ Nhị?”

- Hãy cầm lấy tiền, gã Do Thái, đi kiếm cho ta một con ngựa, người lạ mặt nói, đưa cho Juda túi tiền. Nhưng đừng có trốn! Nếu không ta sẽ cho bắt ngươi lại và người ta sẽ chặt đầu ngươi tức thì, ông ta lạnh lùng nói thêm. Trừ phi ngươi là bà con của cô gái này.

- Juda là bà con của tôi, Rachel bất bình nói. Trong gia đình tôi, không có người ăn cắp!

Lát sau Juda trở lại với một con ngựa đẹp. Ông đưa cho vua cương ngựa và ví tiền.

- Thế này là thế nào? Ferdinand ngạc nhiên. Ai trả tiền mua con ngựa mà ngươi đang có?

- Thần ạ, Juda bình tĩnh nói. Xin Bệ hạ cầm lấy. Đây là dấu hiệu của lòng tôn kính và biết ơn của chúng thần vì đã được Bệ hạ cho sống bình yên chốn này.

Nhà vua không đáp, dáng vẻ suy nghĩ. Ông lên ngựa, liếc nhìn Rachel và Juda lần cuối rồi ra đi...

Đĩa cá ngon lành mà Rachel và mẹ đã chuẩn bị cho bữa tối với bà mỗi tỏa mùi thơm ra khắp nhà.

Cuối cùng có ai đó gõ cửa. Rachel nhanh nhẩu chạy ra đón bà khách xiết bao chờ đợi.

- Xin thứ lỗi cho sự chậm trễ của tôi. Nhưng tôi đến với những tin rất buồn. Sắp tới sẽ chẳng có người cầu hôn, chẳng có cưới xin gì ở đây cả, Golda đứng ở bậc cửa, tuyên bố. Tất cả chúng ta sẽ phải rời khỏi Naples!

- Bà nói gì? Tại sao chúng ta phải rời bỏ thành phố của chúng ta? Xin hãy mau mau giải thích cho chúng tôi! Bà mẹ của Rachel kêu lên.

- Vậy ra vợ người đánh cá đã nói sự thật. Thế mà mình cứ không muốn tin... Rachel khẽ nói.

- Vợ người đánh cá nào? Sự thật nào? Bà mẹ hỏi. Con đã biết rồi à, cái điều mà Golda vừa mới nói đó?

Rachel kể cho hai bà nghe tất cả những gì người đàn bà ở làng chài đã nói với cô.

- Con không muốn làm cho mọi người sợ hãi, Rachel xin lỗi. Con nghĩ đó chỉ là những chuyện đồn đại của người Thiên chúa, chẳng đáng để chúng ta bận tâm.

- Khốn khổ thay, đó lại là sự thật đáng buồn, Golda nói. Nhà vua đã ban bố một đạo luật buộc tất cả những người Do Thái phải đi khỏi Naples trước cuối tháng ba năm tới. Chúng ta sẽ phải rời bỏ thành phố tươi đẹp này.

- Một đạo luật của nhà vua à? Bà mẹ của Rachel nhìn con gái dò hỏi. Trong trường hợp này có lẽ con có thể giúp đỡ chúng ta, Rachel ạ. Dù sao, nhà vua cũng nợ con về những gì con đã làm cho ông.

- Nhà vua ư? Tại sao nhà vua lại phải mang nợ con gái bà? Golda, há hốc mồm, nhìn hai người phụ nữ.

Bà nghĩ thầm rằng có lẽ có cái tin buồn này đã làm cho họ phát điên, họ không biết họ đang nói gì.

- Thật ngớ ngẩn! Nhà vua mắc nợ cháu về cái gì? Golda hỏi.

- Vì đã cứu sống ông ấy, Rachel đơn giản đáp, vẻ bình thản.

Ngày lại ngày trôi qua và niềm vui cũng nhanh chóng biến khỏi khu Do Thái ở Naples. Những người đã sinh ra ở đây và không có kinh nghiệm về sự đau khổ của việc lưu đày sẽ ra đi trước tiên. Nhưng tất cả những ai đến Naples từ Sicile hay Tây Ban Nha thì chờ đợi và bàn tán. Họ không cam tâm rời bỏ thành phố của mình.

Phụ nữ gói ghém những gì cần thiết để gia đình họ sẵn sàng ra đi trước cuối tháng ba. Đàn ông tụ họp trong nhà thờ và suy nghĩ. Làm thế nào để không phải rời Naples? Làm thế nào để xoay chuyển lại quyết định khủng khiếp của nhà vua?

Cuối tháng giêng đã tới gần. Cuối cùng, Rachel quyết định đi gặp nhà vua. Cô đi một mình, theo hướng cung điện. Chẳng bao lâu cô đến nơi. Nhưng khi đến cổng lâu đài thì vệ binh không cho cô vào, không cho nói một lời, không cho giải thích lí do nào đưa cô đến đây. Họ đuổi cô không chút nương tay.

Rachel quan sát lối vào cung vua trong nhiều ngày. Cuối cùng, cô thoáng thấy nhà vua. Vây quanh bởi những trang lực sĩ cưỡi ngựa, lăm lăm gươm giáo, nhà vua ngồi trên xe ngựa vượt qua cổng thành, đi qua cô nhanh đến mức không trông thấy cô.

Thất vọng, Rachel quyết định xin lời khuyên của ông chú Juda. Có lẽ ông có thể giúp cô gặp được nhà vua. Cô tới nhà ông và nói:

- Juda, nhất thiết cháu phải gặp được nhà vua. Cháu phải làm thế nào? Vệ binh của vua không cho cháu qua cổng thành! Cháu xin chú, hãy nói cho cháu biết!

- Đây là một vấn đề rất phức tạp, Rachel, Juda buồn bã nói. Hội đồng phải làm đơn xin tiếp kiến vua, gửi cho người nhận văn thư của triều đình. Ông này chuyển lên nghị viện hoàng gia. Nghị viện sẽ quyết định xem lí do xin

triều kiến có giá trị hay không. Nếu câu trả lời của nghị viện hoàng gia là thuận lợi, thì yêu cầu sẽ được chuyển tới quan đại nội. Ông này sẽ đề đạt lên vua. Trong mọi trường hợp, sẽ là điều kỳ diệu nếu lời thỉnh cầu của một cô gái Do Thái như cháu đến được tới nghị viện hoàng gia!

- Vậy như thế thì cháu có thể làm gì? Cháu không thể xin được yết kiến nhà vua ư?

- Đừng mất thì giờ xin gặp vua. Cháu không thể đạt được nguyện vọng đâu. Hãy giúp mẹ cháu lựa chọn những thứ có thể mang theo trong cuộc sống lưu đầy và bán đi những thứ còn lại. Vì chẳng bao lâu nữa việc đó sẽ không dễ dàng đâu. Lúc này chẳng có ai muốn mua của những người Do Thái, vì họ biết hai tháng nữa họ có thể lấy tất cả những thứ chúng ta không mang đi được. Họ chỉ cần vào trong các nhà, sử dụng không mất tiền đồ dùng của chúng ta như thể chúng thuộc về họ. Ý muốn của cháu là đáng khen, nhưng cháu sẽ không thể lại gần đức vua được.

- Nhưng bằng bất cứ giá nào cháu cũng phải nói được với nhà vua! Chúng ta không thể để ông ấy đuổi tất cả người Do Thái ra khỏi Naples! Rachel bước bình kêu.

- Hãy tin chú, cháu sẽ chẳng đi đến đâu đâu, Juda nói, cảm động nhìn khuôn mặt gầy đi của Rachel.

Cô gái trẻ vẫn tiếp tục ngày lại ngày tới trước cung vua, ngắm nhìn cánh cổng thành đóng kín. Một bận, cô thấy một gánh diễn kịch lưu động tiến vào. Cô liền nảy ra một ý.

Từ đó, hàng ngày Rachel chờ đợi trước cung điện, tay cầm một túi lớn đầy dây và chỉ. Cô rất kiên nhẫn. Việc gỡ nút đã dạy cho cô lòng kiên nhẫn.

Cuối cùng điều cô chờ đợi đã đến: Một hôm, một cỗ xe có thành chắn, mui bạt có những ruy băng nhiều màu trang trí cùng những chiếc chuông nhỏ tiến đến cửa lâu đài, dừng lại trước cổng. Rachel chạy vội đến gặp chủ gánh diễn.

- Tôi muốn như các vị, biểu diễn phục vụ nhà vua. Tôi có một tiết mục chắc chắn sẽ làm ngài ngạc nhiên.

Người chủ gánh hát ngạc nhiên trước sự khăng khăng của cô gái và trước ánh lửa kỳ lạ ngời lên trong đôi mắt đen. Xem ra cô quyết tâm được trình diễn cho đức vua xem.

- Hãy tin tôi đi, ông sẽ không phải hối tiếc đâu, Rachel thuyết phục. Tôi cam đoan với ông là nhà vua sẽ thưởng cho ông rất hào phóng khi ngài thưởng thức tiết mục của tôi.

- Không, tôi rất tiếc, nhưng tôi không thể liều mạng sống của mình vì một người lạ. Tôi còn có gia đình. Quả là vô cùng vinh dự vì nhà vua muốn xem gánh kịch của tôi biểu diễn.

- Trước hết hãy xem tôi biết làm gì. Sau đó ông hãy đánh giá tiết mục của tôi có đáng được biểu diễn trước nhà vua hay không.

- Kìa, cô gái, cô chẳng có trang phục nữa. Cô không thể xuất hiện trước nhà vua như thế.

- Không cần. Tiết mục của tôi chỉ cần dây và chỉ.

Rachel đưa cho ông chủ gánh hát một sợi chỉ rất mảnh rồi đề nghị ông thắt một cái nút phức tạp nhất. Rachel liền cởi nút ra trong một thời gian kỷ lục, bằng đôi bàn tay khéo léo, mềm dẻo.

- Điều cô làm thực đáng kinh ngạc, ông chủ gánh hát nói trong khi ngắm cô làm.

“Ngón tay cô ta biết làm những điều kỳ diệu. Thêm nữa, cô ta thật xinh xắn!” Ông trầm nghĩ, nhưng vẫn có cái gì đó khiến ông lo lắng.

- Hãy nói thật đi, cô có phải là Do Thái không? Rốt cuộc ông hỏi.

- Tại sao lại đặt cho tôi những câu hỏi vô nghĩa như thế? Chúng ta không đến nhà thờ mà là vào cung vua.

Chủ gánh diễn im lặng. Ông ta đang nghĩ cách sử dụng tài năng của cô gái.

“Tiết mục của cô ta thật sự là ấn tượng. Hơn nữa muốn rũ bỏ cô gái lạ lòng

này đâu phải là vấn đề: Cuối buổi diễn, ta sẽ tuyên bố cô là một phù thủy Do Thái, như thế ta sẽ không phải chia sẻ với cô phần thưởng mà vua ban.”

Ông ta cho Rachel lên xe và yên ổn tiến qua cổng thành.

Đến cuối bữa tiệc, nhà vua tiếp những diễn viên có sứ mạng giải trí cho ông và triều đình của ông. Tất cả thành viên của gánh trò, từng người một điếu qua để giới thiệu tiết mục của mình.

Một đại lực sĩ bẻ gãy kiếm. Một diễn viên nhào lộn nhảy nhót, thực hiện những cú nhảy nguy hiểm, khiêu vũ trên bàn tay, và nhiều trò nhào lộn khác.

Sau rốt, sau cả tiết mục cuối. Rachel thông thả bước vào phòng, khuôn mặt giấu kín sau mạng khiến nhà vua không thể nhận ra cô gái trên bãi biển.

- Tiết mục gì thế này? Nhà vua hỏi, sốt ruột và phần nào bị kích thích bởi tấm voan trùm trên mặt cô gái.

Rachel lấy từ trong túi ra dây và chỉ, phân phát cho các vị triều thần đang có mặt. Cô yêu cầu họ thắt những cái nút chằng chịt nhất. Rồi cô gỡ nút không một chút khó khăn. Mọi người hoan hô, kinh ngạc, thán phục. Chính nhà vua cũng bị ấn tượng rất mạnh. Ông đòi cho mang ra thứ chỉ lụa mảnh nhất vẫn dùng để khâu mùi xoa cho ông. Ông thắt nhiều nút, rút rất mạnh. Người ta gần như không trông thấy chúng. Người chủ gánh hát đến gần Rachel và thì thầm rằng:

- Cô không được cởi các nút thắt của nhà vua! Cho dù cô có thể, cô cũng phải giả vờ như không thể.

Rachel không đáp. Cô cầm sợi chỉ lụa của nhà vua và lần lượt cởi hết các nút, vẫn với vẻ dễ dàng như thế. Toàn bộ cử tọa một lần nữa lại rất hào hứng. Ngay nhà vua cũng vỗ tay hoan hô.

Bỗng, ông kêu lên:

- Này ông chủ, ta giữ lại cô gái bí hiểm này trong cung để thỉnh thoảng giải khuây cho ta.

- Tâu Hoàng thượng, hạ thần rất hãnh diện vì tiết mục của cô ấy đã làm đẹp lòng bệ hạ, nhưng không có cô thì gánh diễn của hạ thần chỉ có nước đi ăn mày. Cô ấy đã nuôi sống tất cả chúng thần nhờ tiết mục đó, chủ gánh hát rên rỉ.

- Người đòi bao nhiêu tiền để nhường cô ta cho ta.

- Dạ... ông chủ gánh hát nghĩ ngợi.

- Tâu Bệ hạ, ông ta không thể bán thần và người cũng không thể mua thần! Rachel cắt ngang lời vua.

Giọng nói thanh thoát của Rachel vang lên làm cho căn phòng lặng đi. Người con gái này là ai mà dám xưng hô như thế với đức vua?

- Tại sao ông ta không thể bán?

- Xin Bệ hạ biết cho, thần không phải một đồ vật cũng không phải một nô tì. Ngài chỉ có thể yêu cầu thần ở lại đây hoặc hạ lệnh cho thần ở lại... Trong mọi trường hợp, ông chủ gánh diễn này không thể bán thần.

- Làm sao người dám nói với đức vua cái gì người có thể và không thể? Một vị triều thần bất bình nói. Ông ta muốn nhân cơ hội làm đẹp lòng nhà vua.

- Hãy xem người đang nói chuyện với ai, một triều thần khác kêu lên, kẻ cũng đang muốn được nhà vua chú ý.

Những tiếng kêu, những tiếng lảng mạ trút vào Rachel. Tức thì nhà vua giơ tay lên, tiếng ồn ào chấm dứt.

- Người nói ta có thể hạ lệnh cho người. Vậy thì ta lệnh hãy bỏ ngay mạng ra.

- Tâu Hoàng thượng, trước khi bỏ mạng, thần xin người xem tiết mục hay nhất của thần.

- Được, nhà vua tò mò nói.

Rachel lấy trong túi ra một tấm lưới đánh cá mới.

- Nếu Bệ hạ muốn, thần sẽ bắt một con cá rất to. Nhà vua mỉm cười:

- Người muốn bắt ai vậy, cô gái?

- Kẻ đã khuyên Bệ hạ đuổi tất cả những người Do Thái ra khỏi Naples trước cuối tháng ba. Rachel kêu lên.

Nhà vua chú ý hơn đến những điều cô gái nói. Ông chăm chú nhìn cô, chậm rãi nói:

- Có nhiều người trong chúng ta! Ví dụ như người bạn trung thành của ta, Lorenzo Di Saco, đang có mặt ở đây. Đó là một con cá rất lớn, và rất háms lờ...

Viên triều thần liền tự vệ:

- Nhưng, tâu Hoàng thượng! Hoàng thượng đã nói thần đánh hơi thấy tiền giỏi hơn bất cứ ai. Và chính Hoàng thượng cũng được lợi như chúng thần.

- Ta chỉ chuyển ý của người vào một đạo luật, nhà vua bực mình nói.

Ông làm hiệu cho Rachel và tuyên bố:

- Dẫu sao, có lẽ người có lý... Hẳn có sập bấy một lần thay cho người khác cũng chẳng tệ lắm!

Con người phục phịch sợ hãi, phủ phục dưới chân nhà vua, van xin:

- Xin Hoàng thượng rủ lòng thương.

- Nhưng người sợ gì? Lòng can đảm của người biến đâu mất rồi? Nhà vua đùa.

Sau một lát im lặng nhìn con người quỳ mọp dưới chân, ông quay sang Rachel, nói:

- Tiến hành đi, ta cho phép đấy!

Cô gái và ông chủ gánh hát nâng lưới lên và tóm gọn con người to béo. Ông

ta giãy giụa điên cuồng. Rachel thất vọng tấm lưới. Nhà vua cười sặc sụa trước cảnh tượng ấy. Ông không hề nổi nóng khi trông thấy kẻ kia trong tư thế lố bịch đến vậy. Các vị triều thần khác cũng mỉm cười ranh mãnh.

Rachel nhanh chóng gỡ mạng. Nhà vua nhìn cô mỉm cười:

- Ta đã ngờ ngay chính là cô. Cô đến để nhắc ta còn nợ cô một phần thưởng sao?

- Không ạ. Thần chỉ đến để xin bệ hạ hủy bỏ đạo luật buộc người Do Thái phải rời Naples trước cuối tháng ba tới. Đạo luật ấy là bất công đối với dân tộc của thần.

Tiếng xì xào bất bình của các triều thần nổi lên khắp phòng.

- Chà! Thật là hỗn xược! Làm sao một đứa con gái tầm thường dám đề nghị với đức vua như thế?

- Người nghĩ thế nào, anh bạn? Vua quay về phía con người bị bắt trong lưới. Người có muốn ta hủy bỏ đạo luật đó không? Hay cứ nhất thiết phải giữ lại để tiếp tục làm lợi cho chúng ta? Nào, nói đi, ta chờ câu trả lời của người.

Người đó vẫn vụng vụng trong lưới. Ông ta không chịu nổi cảnh nhục nhã trước toàn thể triều đình.

- Vâng, tâu Hoàng thượng. Tất cả người Do Thái sẽ được ở lại Naples, nếu đó là mong muốn của Hoàng thượng.

Nhà vua nói với Rachel:

- Tốt. Thả hắn ra, ta yêu cầu đấy.

Ông khâm phục ngắm những ngón tay khéo léo gỡ tấm lưới. Chỉ lát sau người kia đã được giải thoát, khoan khoái ra mặt vì lại được cử động tự do.

- Hạ thần có thể đi bây giờ, thông báo cho dân chúng Do Thái rằng họ có thể ở lại nhà họ, họ không phải mang hành trang đi lưu đầy nữa không? Rachel nhìn thẳng vào mắt vua và hỏi.

- Không, hãy để cho người của ta đảm nhiệm việc này. Họ có thể làm tốt. Người phải ở lại trong cung để giải khuây cho ta.

Đó là một mệnh lệnh mà lệnh của vua thì bao giờ cũng phải tuân theo. Ai cũng biết rằng lòng biết ơn của nhà vua không phải bao giờ cũng dễ chịu... Nhưng Rachel chấp hành rất tự nguyện, tự hào và vui sướng vì đã giúp cho cộng đồng của cô thoát khỏi nỗi đau của sự lưu đầy.

Những người Do Thái chưa đi khỏi Naples có thể tạm thời ở lại. Tất cả đều thấy nhẹ nhõm khi biết rằng họ có thể ở lại thành phố, không phải lưu đầy đến một xứ sở khác.

Nhưng ba mươi năm sau, khi vua Ferdinand II chết, một vị vua mới lên nắm quyền. Năm 1541, ông ta ra lệnh cho người Do Thái cuối cùng phải rời khỏi Naples vĩnh viễn.

Không ai còn thấy Rachel nữa. Người này thì kể cô còn sống nhiều năm trong cung, giải khuây cho vua bằng sự khéo léo và đầu óc lanh lợi của cô. Người khác thì nói cô đã trốn đi và đang sống sung sướng không xa đó, trong một làng đánh cá trên bờ biển.

Không ai thực sự biết cô đã sống thế nào sau đó. Nhưng ngày nay, những người Do Thái vẫn còn kể chuyện về một cô gái trẻ, nhờ tài gở nút khéo léo đã đẩy lùi được ba mươi năm cuộc trục xuất người Do Thái ra khỏi Naples.

Bí mật của Golem[1]

[1] Theo truyền thuyết Do Thái, Golem là tên của con quái vật được làm từ bùn cũng giống như con người nhưng mạnh và khỏe hơn loài người.

MỘT NGÀY MÙA ĐÔNG LẠNH GIÁ NĂM 5352, năm xá tội 1592 theo lịch Thiên Chúa giáo, Natan và Joseph ngồi sát cạnh nhau trên chiếc ghế nhà trường, lưng cúi xuống. Mối chúng mấp máy như thể đang đọc quyển sách thánh hiền mở ra trước mặt.

May thay vị thầy giáo trẻ của bọn trẻ lại đứng ở đầu bên kia lớp. Nếu lại gần thầy sẽ phát hiện ra chúng đang nói chuyện khe khẽ thay vì đọc những bài khóa thiêng liêng.

- Cậu có biết cách đây chín năm, giáo trưởng Lôw suýt nữa thì được hoàng đế bổ nhiệm làm đại giáo trưởng của thành phố Do Thái ở Prague không? Natan thăm thì.

- Vì một người khác đã được bổ nhiệm nên ông đã rời thành phố chúng ta, phải không? Joseph hỏi.

- Phải. Ông sang Ba Lan. Tất cả học trò của ông đều buồn, ngay đến bây giờ họ cũng không thích vị đại giáo trưởng được bổ nhiệm thay. Nhưng sau bốn năm ông lại trở lại, bây giờ đang dạy tại trường cao đẳng thuộc phái Talmud. Mình nghĩ ông thậm chí còn là hiệu trưởng của trường.

- Thật may, thầy giáo chúng mình lại là học trò của ông, chứ không phải học trò của đại giáo trưởng. Vì thế thầy luôn luôn dạy chúng mình phát triển đầu óc phê bình.

- Và chẳng khuyến khích học trò ganh đua cũng là điều giáo trưởng Lôw đã dạy phải không?

- Phải. Thầy nói phải tiến lên trong học tập trước hết bằng sự ham hiểu biết chứ không phải để vượt trội hơn trò khác.

- Hình như giáo trưởng Lôw đã được hoàng đế Rodolphe II mời đến hoàng cung chơi với ngài vài giờ.

- Đúng. Cuộc diện kiến sẽ diễn ra ngày mai. Tớ đã nghe bố mẹ nói tối qua.

- Vậy thì cậu có nghĩ ngày mai chúng mình sẽ phải làm cái điều mình đã thảo luận.

- Đúng, tớ hoàn toàn nhất trí với cậu. Đây là một cơ hội tốt, chúng mình không được bỏ lỡ.

Hôm sau, ngày 25 tháng 2 năm 1592, hai chú thiếu niên rảo bước đến nhà giáo trưởng Lôw. Đã từ lâu, Natan và Joseph thường tự hỏi có chuyện gì đang xảy ra ở nhà của giáo trưởng. Trên thực tế, từ nhiều tháng nay, có những chiếc xe bò dài chất đầy những bao to có vẻ rất nặng đi vào trong nhà giáo trưởng.

Một hôm, trong khi tự hỏi những bao kia đựng gì, hai chú leo lên được một chiếc xe mà không ai trông thấy, nấp giữa các bao tải. Các chú ngạc nhiên thấy từ một cái bao lớn bị thủng những mẩu đất đen chảy ra. Thoạt đầu, chúng không tin vào mắt mình, giáo trưởng cần gì đến đất đen và lại nhiều thế này?

Những chiếc xe tiếp tục đổ đến ngày này sang ngày khác. Vài tuần sau nữa, hai chú thiếu niên có dịp nhìn gần những cái bao trên một chiếc xe. Lần này đất rơi ra từ lỗ thủng không đen mà hơi đỏ, như thể được lấy từ một xứ sở xa xôi nào đó. Trong nhiều giờ, hai người bạn quan sát lối vào nhà giáo trưởng Lôw, cố làm sáng tỏ bí mật của những bao đất. Các chú đã thấy những xe bò đi ra, rỗng không. Các chú rút ra kết luận: các bao đất đã ở lại trong nhà. Nhưng như vậy thì giáo trưởng Lôw làm gì với bấy nhiêu đất?

Lần này, hai chú thiếu niên quyết định đột nhập vào trong nhà để khám phá bí mật. Chắc hẳn giáo trưởng đang ở tại lâu đài cùng với hoàng đế Rodolphe II phần lớn thời gian trong ngày. Dù chán ngán, ông không được phép rút ngắn cuộc triều kiến với hoàng đế xuống còn một giờ.

Hai chú thiếu niên lọt vào nhà. Giống như mọi người dân Do Thái ở Prague, giáo trưởng Lôw không bao giờ khoá cửa, ngay khi ông đi vắng nhiều ngày.

Natan và Joseph quan sát nhanh căn nhà, đi vội qua bếp và gian chính. Các chú xuống cầu thang và mở một cửa gỗ dẫn tới một cái hầm. Sau khi mắt đã quen với bóng tối, các chú trông thấy đám bao tải rỗng và những mẩu đất vương vãi bên cạnh. Đó là cái các chú tìm nhưng nó lại không giải thích được giáo trưởng có thể làm gì với tất cả chỗ đất kia.

Các chú trèo nhanh lên cầu thang, lại vượt qua gian chính và vào phòng giấy. Khắp mọi nơi là các phong thư và ghi chép của giáo trưởng. Natan và Joseph không dám thở mạnh, sợ làm bay những tờ giấy.

Sau bàn, các chú thấy một cánh cửa nhỏ. Các chú mở ra và lại thấy một gian phòng rộng thênh thang.

Các chú nhìn quanh và cứng người vì sợ: Nằm dọc bờ tường là... một người.

Sự thực không phải là một người. Đó là một sinh vật kỳ lạ, có các chi, một thân mình, một đầu nhưng vóc dáng to gấp ba người thực. Qua cơn xúc động ban đầu, trí tò mò của bọn trẻ đã thắng thế. Các chú rón rén lại gần hình nhân. Nhìn gần, vật đó hoàn toàn bằng đất, màu sắc không xác định được, hơi sẫm và hơi xám so với da người.

- Đó là một hình nhân, Joseph thì thào.

- Vì thế mà giáo trưởng phải dùng đến ngần ấy đất. Ông ấy làm một golem.

- Đi thôi, Joseph nắm tay áo bạn nói. Có thể nó sắp dậy...

- Nó không ngủ, Natan bác lại, thận trọng sờ vào cánh tay đất to lớn. Nó không sống.

Natan ghé đầu lại gần, huơ bàn tay chỗ con người của Golem.

- Tớ muốn hiểu người ta truyền sự sống cho nó như thế nào.

- Đi thôi, Joseph. Hãy tưởng tượng nếu bây giờ có ai về...

Chú nói chưa dứt câu đã nghe những tiếng người vang lên ở lối vào nhà và lại gần rất nhanh. Natan nhận ngay ra giọng của giáo trưởng Lôw.

Giọng nói kia quá tự tin, giả tạo, như giọng của một lái buôn giàu có. Đó chỉ có thể là giọng của con người giàu nhất ghetto: Mordechaê Meisl. Natan và Joseph muốn chạy trốn, nhưng muộn quá rồi. Hai người đã vào phòng làm việc của giáo trưởng.

- Nhưng suốt thời gian ở bên Hoàng thượng, ngài chỉ nói về thiên văn thôi sao? Mordechaê hỏi. Hoàng thượng có kiến thức gì về lĩnh vực này không?

- Một chút. Hoàng thượng đặc biệt hỏi tôi, rất lịch sự, xem tôi cho ai là nhà thiên văn học và chiêm tinh học giỏi nhất đương thời. Tôi đã nói với người về Tycho Brahe và Kepler mà tôi rất ngưỡng mộ. Tôi tâm với Hoàng thượng rằng không nghi ngờ gì, sẽ rất có ích cho toàn quốc gia nếu mời được hai nhà nghiên cứu đó tới triều đình.

- A! Ngài thực sự nghĩ là quan trọng và đúng đắn nếu triệu hai người ấy vào triều ư?

Giọng nói của Meisl khàn đi. Ông ta biết chắc rằng trong trường hợp ấy hoàng thượng lại hỏi vay tiền mình để trả cho nhà thiên văn học và chiêm tinh học.

- Nhưng dẫu sao, tôi cũng thấy lạ là không có ai có mặt trong cuộc nói chuyện của hai người.

- Hoàng thượng muốn chúng tôi đàm đạo như hai người bạn, giáo trưởng Lôw bình tĩnh giải thích.

- Hẳn thế rồi, hẳn thế rồi... Meisl không thốt ra nổi câu hỏi đang cháy bỏng trên môi ông ta.

Cuối cùng, ông ta đánh bạo:

- Hoàng thượng không nói gì về tôi à?

- Không, tôi rất tiếc là Hoàng thượng không nói gì về ông cả. Nhưng trong cuộc đàm đạo dài của chúng tôi, người có hỏi về golem.

- Về golem? Meisl tỏ vẻ ngạc nhiên, như thể mới được nghe nói lần đầu.

- Quả thật, tôi rất ngạc nhiên làm sao Hoàng thượng lại biết chuyện. Lẽ ra người không thể biết. Tôi tự hỏi không biết ai đã nói với người... Ông có ý kiến gì không? Giáo trưởng Lôw nói thêm, giọng pha chút châm biếm.

Mordechaê thấy tốt nhất là im lặng, giáo trưởng tiếp lời:

- Hoàng thượng muốn biết tôi có thể làm hàng nghìn golem được không? Cả một đạo quân để giúp người trong cuộc chiến chống lại quân Thổ.

- Có thể làm được không? Meisl hỏi, vẻ thèm muốn. Ta thử nghĩ xem...

- Và nếu tôi trả tiền cho tất cả các bao đất khác, huy động những người đánh xe trong toàn xứ Bohême, Meisl nói sau một hồi suy nghĩ.

- Khoan.... Tôi đã giải thích với Hoàng thượng về con golem, mà ai đó đã tiết lộ với Người, là cái mà tôi đã không muốn tạo ra.

- Ông đã tâu với người là chính tôi đã thuyết phục ông ư? Meisl giật thót người, bắn khoả ra mặt.

Hai chú thiếu niên dán tai vào cửa để không bỏ sót một câu trong cuộc nói chuyện của giáo trưởng Lôw và Mordechaê Meisl. Natan thở hỗn hển vì kích động. Bây giờ mọi thứ đã rõ ràng: Mordechaê không thể có con, đã yêu cầu giáo trưởng Lôw làm cho một cái tượng dạng người, một con người giả, là con golem mà các chú đã thấy dưới hầm.

Ông ta không những muốn có một đứa con to khỏe mà còn có khả năng quản lý tài sản kếch sù của mình và chăm sóc mình khi già yếu.

Lẽ tự nhiên là giáo trưởng đã từ chối lời yêu cầu xúc phạm ấy: Ông không thể bắt chước Đức Chúa! Chỉ có Đấng Toàn năng mới có thể tạo ra một con người từ đất. Không một con người trần thế nào có thể so bì với Đức Chúa!

Nhưng Meisl đã khẩn cầu mãi làm cho giáo trưởng nảy ra ý muốn vén mở

tất cả những bí mật lớn của Đức Chúa. Vì sao Đức Chúa lại uỷ thác cho người đàn bà khả năng mang thai và sinh ra con người, trong lúc người đàn bà cũng chỉ được tạo ra từ một cái xương sườn tầm thường của người đàn ông?

Giáo trưởng có tiếc chằng cái việc không một người đàn ông nào biết những cái mà mọi người đàn bà trên trái đất đều biết: Tạo ra một sinh thể mới, một hành vi xứng danh với chính Đức Chúa?

Còn ai khác ngoài vị giáo trưởng thông thái nhất có thể làm cái thí nghiệm ấy? Một công sẽ thực hiện được đôi việc tốt: Trước tiên khám phá ra bí mật của sự sống. Thứ nữa là cho Mordechaê Meisl một đứa con.

Nhưng giáo trưởng đã không nhượng bộ trước yêu cầu khẩn thiết của Mordechaê. Sự thất vọng của con người giàu nhất ghetto cuối cùng đã dẫn tới kết quả là giáo trưởng Lôw không được bổ nhiệm làm đại giáo trưởng của Prague. Vì thế vào năm 1583, sau sự kiện ấy, giáo trưởng sang Ba Lan.

Bốn năm ở Ba Lan, ông dùi mài nghiên cứu pháp truyền kinh thánh Do Thái. Ông tìm tòi tất cả sách viết về khả năng tạo ra một người giả, một golem.

Trở về Prague, ông cố gắng hòa giải với Mordechaê. Ông nói với ông ta rằng những năm miệt mài nghiên cứu đã khiến ông thay đổi ý kiến về golem. Hai người đồng tình với nhau: Meisl cung cấp cho giáo trưởng mọi thứ đất màu để làm golem.

Giáo trưởng Lôw làm việc trong năm năm tròn. Cái khó nhất là làm sao truyền được sức sống cho golem, cho nó một bộ óc và một linh hồn. Trong những năm ấy Meisl theo dõi từ xa công việc của giáo trưởng, kiên nhẫn chờ đợi công việc kết thúc.

- Dù sao, Meisl nói, golem của ông cũng đã thành một gã khổng lồ. Tôi không muốn nó làm con mà sẽ dùng nó làm bảo vệ và người hầu của tôi. Nếu hoàng thượng muốn có hàng nghìn đứa như thế, ít nhất ông cũng biểu đứa này.

- Tôi đã đề nghị như thế, giáo trưởng đáp. Nhưng Hoàng thượng đã khôn ngoan trả lời rằng người đã có nhiều kẻ hầu người hạ, một cái hình nhân thì

chẳng làm gì được mấy nổi. Người còn nói cụ thể rằng cần phải có rất nhiều để chúng có ích gì đó.

- Người sẽ không hài lòng, nếu ông từ chối không dâng cho người nhiều hình nhân khác, Meisl dăm chiêu suy nghĩ. Tất cả chúng tôi đã hy vọng biết bao ông sẽ trở thành đại giáo trưởng của chúng tôi. Chúng tôi tin rằng sự uyên bác và khả năng của ông sẽ có thể làm được những điều kỳ diệu, bảo đảm hạnh phúc cho toàn thành phố Do Thái. Nhưng người nào muốn trở thành đại giáo trưởng thì không thể từ chối bất cứ yêu cầu gì của Hoàng thượng, người mà tất cả chúng ta đều bị lệ thuộc...

Một quăng im lặng dài giữa hai người. Mỗi người suy nghĩ về tình thế theo cách của mình.

- Chắc họ đi rồi, Joseph nói nhỏ.

- Im đi! Natan nói hơi to.

Những bước chân lại gần. Giáo trưởng Lôw mở rộng cửa: Suýt nữa ông làm hai thiếu niên nấp sau cánh cửa bị thương. Hai chú nhảy lùi lại đằng sau.

- Các cháu làm gì ở đây. Ông kêu lên, thấy thú vị hơn là tức giận. Các cháu là ai?

- Bọn ăn cắp! Meisl quát lên, vỗ lấy tay áo của Natan.

- Chúng cháu không phải là bọn ăn cắp, thưa giáo trưởng Lôw. Chúng cháu sẽ giải thích tất cả.

- Chúng bay sẽ bị trừng trị, Meisl tuyên bố.

Hai chú thiếu niên tưởng chừng sắp khóc, rồi Natan ngẩng lên, kiêu hãnh nói:

- Trừng trị chúng cháu là không công bằng. Cháu bảo đảm với các ngài là chúng cháu không có ý làm điều gì xấu cho các ngài. Cố nhiên, chúng cháu biết rằng đột nhập vào nhà giáo trưởng là đáng lên án. Nhưng xin hãy tin, chúng cháu làm thế là vì tò mò và do ý muốn giải quyết một bí mật từ lâu đã làm chúng cháu day dứt.

Giáo trưởng hỏi:

- Các cháu nói ta nghe, các cháu đã ở trong nhà ta bao lâu?

Natan thú thật:

- Chúng cháu vào nhà chỉ một lát trước khi các ngài về.

Giáo trưởng nhếch mép mỉm cười, hài lòng vì câu trả lời. Trái lại, Meisl sợ hãi:

- Bọn bay có nghe câu chuyện của chúng ta không?

Hai thiếu niên cúi đầu:

- Có ạ.

Giáo trưởng nói:

- Chúng đã là những đứa trẻ lớn. Chúng biết rõ khi nào, trước ai, về vấn đề gì thì phải im lặng. Cái đó không phải nhà trường đã dạy chúng, mà nhờ các bà mẹ đã khắc sâu vào trí não chúng, không thế thì cuộc đời sẽ rất khó sống.

Natan gật đầu. Chú thu hết can đảm, rụt rè hỏi, không dám nhìn giáo trưởng:

- Giáo trưởng Lôw, ngài có cho phép cháu hỏi một câu đơn giản không, nếu ngài không thấy phiền?

- Được chứ!

Thấy Meisl cau mày, ông giải thích:

- Người lớn không bao giờ nên từ chối trả lời trẻ con, nếu không chúng sẽ nản lòng không dám hỏi nữa, trong lúc những câu hỏi lại là nền tảng của học tập và thông tuệ.

Nghe nói thế, Natan không thấy sợ nữa.

- Thừa giáo chủ, ngài sẽ làm điều mà Hoàng thượng và ông Meisl yêu cầu chứ?

Giáo trưởng trả lời:

- Họ đã yêu cầu ta một điều bất khả. Ngay Đức Chúa cũng chỉ sáng tạo ra một người duy nhất bằng đất sét và người đã để cho đàn ông và đàn bà tràn ngập trái đất. Đó là công trình và ý muốn của người. Cháu có thực sự nghĩ rằng một con người trần thế như ta có thể làm ngược lại dự định của ông trời không?

- Không, chắc chắn là không. Nhưng liệu ngài có lại rời khỏi Prague không? Natan buồn rầu hỏi giáo trưởng.

Meisl ngạc nhiên trước câu nói của đứa trẻ:

- Tại sao giáo trưởng lại rời bỏ Prague? Ở đây ngài có một ngôi nhà đẹp, nhiều học trò tận tụy. Trước đây tôi đã có lần từ chối một đề nghị kinh doanh nhưng sau đó lại thay đổi ý kiến. Điều đó có thể đến với mọi người và giáo trưởng cũng thế.

Giáo trưởng không trả lời nhận xét của Meisl. Ông nhìn hai chú thiếu niên, vẻ cảm tình. Rồi ông quay sang Natan, nói điềm đạm:

- Quả thực, ta có ý định nhận lời giữ một chức vụ mà mới đây người ta đề nghị với ta, con ạ. Ta sẽ trở thành đại giáo trưởng của cộng đồng Do Thái ở Cracovie.

Năm năm trôi qua. Một hôm, trong phòng học của nhà thờ Cũ-Mới, Natan, lúc này đã 18 tuổi, đang đọc cuốn biên niên sử *Le Rameau de David*, một công trình lớn về lịch sử dân tộc Do Thái và lịch sử sáng tạo thế giới từ khởi thủy đến năm 1592, năm ra đời tác phẩm này của nhà toán học, thiên văn học và sử học vĩ đại người Prague, David ben Awza, tức Gans, do Guersonide, nhà in nổi tiếng ở Prague ấn hành.

Trong khi Natan đang chăm chú đọc, thì David ben Awza vào phòng. Ông mỉm cười với người môn sinh cũ ưu tú nhất của mình, và nói:

- Ta mang đến cho anh một tin rất tốt lành. Ta vừa gặp Mordechaê Meisl từ Hội đồng các nhà hiền triết về. Anh đã được bổ nhiệm là uỷ viên Hội đồng các giáo trưởng.

- Con ư? Natan kêu lên, không tin vào tai mình.

- Phải. Từ hôm nay, anh không còn là Natan nữa, mà là Natan ha-Lewi Heller. Dù còn trẻ, anh có thể sánh ngang với nhiều vị giáo trưởng, do sự uyên bác và trí thông minh của anh. Ngay Mordechaê Meisl, con người thường rất dè sẻn lời khen, đã nói về anh với những lời ca ngợi nhất. Ông ta yêu cầu anh đến gặp.

- Con phải cảm ơn thầy...

- Hình như ông ta còn một tin tốt lành khác dành cho anh.

- Thầy có thể hé lộ cho con biết không?

- Không, Gans mỉm cười. Thật là thú vị được là sứ giả của những tin tốt lành, nhưng ta không muốn, và cũng không có quyền làm hỏng niềm vui của Mordechaê Meisl.

Natan và Gans ra khỏi nhà thờ, đến nhà người giàu nhất khu Do Thái.

Gans nói thêm:

- Tất cả những gì ta có thể nói với anh là đây không chỉ là tin tốt lành đối với riêng anh, mà còn đối với phần lớn dân chúng trong khu Do Thái ở Prague.

Trong nhà Meisl, đại giáo trưởng Mordechaê ben Abrabam đã có mặt.

Ông trịnh trọng nói với Natan:

- Natan ha-Lewi Heller, chắc chắn anh sẽ hài lòng khi biết rằng chúng ta đã quyết định gọi về Prague giáo trưởng Lôw thân mến của chúng ta.

- Giáo trưởng Lôw hết sức thông thái, sẽ được bổ nhiệm làm đại giáo trưởng của Prague. Mordechaê Meisl nói thêm.

“Rốt cục thì điều đó đã xảy ra!” Natan nghĩ thầm. Anh hỏi to:

- Giáo trưởng Lôw đã biết tin chưa ạ?

- Chưa, Meisl trả lời. Hội đồng các hiền triết đã quyết định: Chính anh sẽ mang tin vui này đi. Anh sẽ đi Cracovie để báo tin cho ông, chúng ta sẽ đề nghị với người Cracovie rằng Mordechaê ben Abraham sẽ thay thế cho vị đại giáo trưởng đương chức.

Natan rất sung sướng. Nhưng anh linh cảm có gì đó đằng sau cái tin tốt lành này. Linh cảm đó càng tăng lên khi Mordechaê Meisl xin cáo lui và yêu cầu Natan nán lại một chút.

Khi chỉ còn hai người, Meisl nói:

- Những năm qua, tôi đã có bằng chứng là anh có thể giữ được một bí mật.

Natan im lặng chờ đợi ông ta nói tiếp:

- Anh biết rằng con golem vẫn ở trong nhà giáo trưởng Lôw?

- Vâng, tôi biết.

- Anh có thể làm cho nó sống dậy được không?

- Tôi không biết những từ phải viết ra và bỏ vào mồm nó để làm cho nó sống được.

- Anh đã nghiên cứu sách kinh truyền của đạo Do Thái chưa? Meisl hỏi thận trọng.

- Không, tôi chưa đủ thông thái và cũng chưa chuẩn bị để làm việc ấy, Natan trả lời. Nhưng sau này, khi tôi đã nghiên cứu kinh truyền rồi, tôi cũng sẽ không cố làm một sinh vật giả tạo. Đó không thuộc quyền năng của một con người mà là quyền năng của Chúa.

- Hừm... Nhưng chúng ta vẫn có một con golem chẳng để làm gì cả. Được, Natan, ta sẽ nói cho rõ điều mà ta đang nghĩ trong đầu. Hoàng đế Rodolphe II đã cho phép hai mươi bốn vệ binh của ngài xây nhà của họ dọc theo

tường phía Bắc lâu đài. Hoàng thượng đã yêu cầu ta cho mượn hoặc cho thuê con golem để giúp vào việc xây dựng, chính xác là mình nó sẽ xây những ngôi nhà. Vệ binh của ngài sẽ tiết kiệm được tiền thuê nhân công. Đó không phải là món tiền nhỏ đâu.

Ngừng một lát, ông ta nói tiếp:

- Nên nhớ rằng ghetto của chúng ta cũng sẽ có được uy tín... Nếu anh muốn, hãy cố thuyết phục giáo trưởng Lôw cho anh biết những từ ma thuật có thể làm cho golem sống dậy. Tiếc thay lúc mà ông thu xếp trở về Prague lại muộn quá. Việc xây dựng phải tiến hành rất sớm. Chúng ta không được để mất thì giờ.

Giáo trưởng Lôw vui mừng khi gặp lại Natan. Ông chấp thuận không chút do dự và rất vui về việc bổ nhiệm ông làm đại giáo trưởng của Prague. Ông rất phấn khởi được trở lại thành phố quê hương.

- Nhưng ta biết Mordechaê Meisl, ông nói khi đọc xong lá thư nhã nhặn và tôn kính của Mordechaê Meisl, việc bổ nhiệm ta không thể không gắn với một điều kiện mà ông ta không muốn, vì lo xa, viết ra bằng giấy trắng mực đen. Chắc anh có điều gì đó để truyền đạt bằng lời với ta!

- Phải, thưa giáo trưởng. Nhưng tôi không nghĩ đó thực sự là điều kiện cho việc bổ nhiệm của ngài. Tôi tin có thể gọi đó là một yêu cầu cá nhân của Meisl.

- Về golem, phải không? Tôi tin chắc rằng Mordechaê Meisl muốn nói điều đó.

- Vâng, Natan đáp. Anh kể lại với giáo trưởng ý tưởng của hoàng thượng muốn golem xây nhà cho các vệ binh.

Giáo trưởng Lôw nay đã 80 tuổi. Ông thở dài buồn bã.

- Thưa giáo trưởng, Natan nhẹ nhàng nói, hiện nay ít người biết có sự tồn tại của golem. Nhưng nếu ngài để cho golem xây nhà thì mọi người sẽ biết. Điều đó thật nguy hiểm cho người Do Thái chúng ta. Tôi biết đã nhiều lần ngài cho nó hoạt động, không hiểu có ích gì cho ngài không. Tôi chỉ biết nó đã gây cho ngài bao phiền muộn. Giá như ngài đừng tạo ra nó...

Natan im lặng, cúi đầu. Anh muốn nói giá như giáo trưởng Lôw đừng tạo ra con golem này thì ông đã được bổ nhiệm làm đại giáo trưởng của Prague từ lâu rồi.

Nhưng giáo trưởng lại tiếp tục một cách khác, để hoàn chỉnh câu nói của Natan:

- Anh có lý, Natan ạ. Tuy nhiên, nếu ta không tạo ra cái hình nhân này, ta sẽ không bao giờ biết một sinh thể giả tạo, về bản chất, không thể giống, dù nhiều dù ít, sáng tạo của Đấng Tạo hóa. Con người thực không thể được thay thế bằng một hình nhân, dù có tinh xảo đến thế nào. Nhờ có golem, ta không còn nghi ngờ gì điều đó nữa.

Mấy tuần sau, sau một chuyến đi dài, Natan trở lại Prague. Trong túi anh có mảnh giấy nhỏ giáo trưởng đã cho anh để bỏ vào con golem. Qua cánh cổng lớn của thành phố Do Thái, anh rảo bước đến nhà giáo trưởng Lôw. Anh gặp cô cháu gái và người hầu đang chuẩn bị sẵn sàng đón giáo trưởng trở về.

Natan đi qua gian phòng lớn, qua phòng giấy và đến trước một cánh cửa nhỏ. Anh nhớ lại mình đã vào đây hồi còn bé.

Anh vào cái phòng nơi con golem đang nằm dài. Nó vẫn còn ở đó như năm năm trước, bất động, với một lớp bụi dày mà thời gian đã phủ lên.

Natan rút trong túi ra mảnh giấy tự tay giáo trưởng đã viết. Anh nhìn một lát hình người khổng lồ bằng đất, như choáng ngợp bởi nhân vật lẫm liệt đó. Rồi anh nhét mảnh giấy vào mồm golem. Tức thì toàn thân golem kêu răng rắc. Đột nhiên nó vỡ tung toé ra thành hàng nghìn mảnh, từng mảnh lại tan vụn thành những mẩu li ti.

Lát sau, ngay những mẩu nhỏ nhất cũng tan thành bụi. Natan trở ra phòng lớn, nói với cô cháu gái của giáo trưởng.

- Hãy bảo với cô hầu rằng sau phòng giấy của giáo trưởng có một phòng nhỏ đầy bụi. Phải lau chùi sạch đi.

Nhiều năm dài đã trôi qua kể từ ngày đó. Gần hai trăm năm mươi năm sau

khi giáo trưởng Lôw chết, không ai biết về sự tồn tại của con golem bí mật bằng đất và sự tích của nó.

Mãi đến năm 1846, thầy thuốc đồng thời là nhà văn Georg Leopold Weisel mới tiết lộ trước toàn thế giới rằng đại giáo trưởng Lôw ở Prague đã tạo ra một golem trong nhà mình.

Từ đó, nhiều nhà nghiên cứu đã cố công tìm dấu vết người khổng lồ bằng đất nhưng vô hiệu. Một số người quay sang hỏi linh hồn của vị giáo trưởng nổi danh để biết được nơi đã giấu con golem không thể tìm thấy kia.

Họ cầu xin ông, từ thế giới bên kia, cho họ biết nơi cất giấu con golem bí mật. Một số người còn nhét câu hỏi của họ vào khe đá nhà mồ trong nghĩa trang Do Thái ở Prague.

Một số khác lại quay sang vị học trò của giáo trưởng Lôw, đồng thời là người kế vị ông làm đại giáo trưởng ở Prague, Natan ha-Lewi Heller, người có phần mộ ở Cracovie.

Nhưng cả giáo trưởng Lôw lẫn Natan ha-Lewi Heller, không một ai, từ thế giới bên kia, tiết lộ cho họ sự thật về việc tạo ra và kết cục của golem.

Dấu vết trong đá

TRONG MỘT THÀNH PHỐ NHỎ ẤN MÌNH GIỮA thung lũng của dãy núi Alpes, chỉ có một phố Do Thái duy nhất. Một số gia đình sinh sống ở đây. Năm 1597, họ bị giáo hoàng đuổi khỏi Crémone. Cố nhiên họ không có nhà thờ Do Thái. Vì thế, mỗi năm bốn lần, một vị giáo trưởng trẻ từ Turin đến để thăm đồng đạo. Lần nào cũng thế, trước tiên ông dừng lại nhà Rébecca, một góa phụ sống với ba con gái.

Giáo trưởng trẻ rất yêu mến người chồng quá cố của Rébecca, người đã dạy ông nhiều điều. Đó là một người có học thức, yêu thiên nhiên. Ngoài ra, ông còn nghiên cứu các loại đá và các tinh thể. Ông hay leo núi và nhận biết được tất cả các loại quặng. Một hôm, khi ông đang ở trên núi cao, một cơn giông ập tới. Hôm sau, những người chăn gia súc mang về một xác người không còn sức sống tìm thấy dưới đáy vực.

Lần nào đến thăm, vị giáo trưởng trẻ cũng mang sách mới đến cho Rébecca mượn, và lấy lại những quyển Rébecca và các con gái đã đọc xong. Ông cùng Rébecca hồi tưởng lại lời người chồng quá cố vẫn nói:

- Vào ngày shabbat, khi người Do Thái không có quyền làm việc mà chỉ được phép nghỉ ngơi, vui sống thì họ vẫn được đọc sách. Bởi vì lời nói được viết ra gắn kết người đó với những người khác, cả với tư tưởng của Đức Chúa.

Giáo trưởng cảm thấy rất dễ chịu ở nhà Rébecca. Họ có thể bàn bạc với nhau hàng giờ về những điều đã đọc.

Nhiều lần giáo trưởng đã thoáng có ý nghĩ kết hôn với Rébecca. Nhưng ông lại nghĩ: Mình là một giáo trưởng nghèo, không danh tiếng, không có khả năng mang tới cho Rébecca và ba cô con gái lớn một cuộc sống dễ chịu.

Sau nhà Rébecca, giáo trưởng đến thăm tất cả các gia đình trong phố Do

Thái, ghi nhận những tiến bộ trong học tập của lũ trẻ. Sau đó, mọi người tụ họp lại và ông giảng đạo cho họ. Buổi tối, dân phố trân trọng mời giáo trưởng trẻ bữa tối với những món ăn đậm bạc của họ. Hôm sau, ông về Turin.

Một hôm, giáo trưởng đánh bạo nói với bà mối. Bà này cứ mỗi năm hai lần đến thành phố nhỏ miền sơn cước. Bà cảm động vì lời thỉnh cầu của ông, hứa giúp đỡ và giữ kín chuyện.

Hôm sau, bà đến thăm Rébecca và các con gái.

- Nói tôi nghe Rébecca, tại sao cô lại tránh mặt tôi? Cô không muốn tái giá à? Chúa không thích thấy một phụ nữ đơn chiếc, không chồng đâu.

- Ai còn thêm một người đàn bà với ba đứa con phải nuôi?

- Cô còn đẹp gái lắm. Khác với những người khác, cô không phàn nàn bao giờ. Không ai biết chồng cô đã để lại cho cô cái gì, nhưng tôi tưởng tượng rằng cô không nghèo. Bà đưa mắt nhìn gian phòng sạch sẽ, bày biện có "gu". Tôi biết nhiều người đàn ông tình nguyện lấy cô đấy.

- Đúng là chồng tôi đã để lại cho tôi và các con một tài sản lớn giúp chúng tôi có thể sống được. Hàng ngày, tôi vẫn dùng tài sản thừa kế ấy. Tôi nghĩ không thể có người chồng nào cho tôi nhiều như bố của các con gái tôi. Rébecca mỉm cười, trả lời.

- Tôi không biết chồng quá cố của chị lại giàu thế. Quả thực, tôi cũng không biết một người cầu hôn nào giàu được thế. Nhưng tôi biết một người đàn ông độc thân được trọng vọng, thông tuệ... và còn trẻ.

- ... Như vậy là bà đã nhắm một người chồng tốt cho một trong các con gái của tôi? Rébecca hiểu nhầm.

- Đây... chúng ta chắc chắn có thể tìm ra một người cầu hôn tốt, bà mối nói, không dám đi thẳng vào vấn đề. Tôi cần biết các con cô có bao nhiêu hồi môn. Tôi đoán chúng có tất cả những gì cần thiết vì, cô đang rất quan tâm tới các món nữ trang...

Bà mối nhận thấy Rébecca tái mặt khi bà nói tới nữ trang. Bà mỉm cười.

- Cô đừng sợ, tôi sẽ không nói với ai đâu. Tôi đã trông thấy cô từ hiệu kim hoàn đi ra. Tôi không đồng ý khi cô mua nữ trang của một người vô đạo đâu, nhưng mặt khác, tôi hiểu rằng vì các con gái, cô có thể đi tới tận Turin để mua nữ trang. Từ nhiều năm nay, tôi giúp người đời tìm được hạnh phúc vợ chồng, tôi hay gặp những người phụ nữ nhờ bán nữ trang mà thoát khỏi rắc rối, khi họ chẳng còn gì để cho con cái hoặc chồng họ qua đời...

Rébecca nín thính, suy nghĩ.

- Vậy thì, các con cô sẽ có bao nhiêu hồi môn? Bà mỗi nhắc lại.

- Tôi sẽ nói với bà sau vài hôm nữa. Sau phiên chợ Aoste.

Bà mỗi hiểu không thể nói được gì hơn, bèn cáo lui. Rébecca chờ một lúc trên bậc cửa cho đến khi bà mỗi đã khuất ở góc phố. Cô quay vào phòng nói với ba con gái đang ngồi quanh bàn.

- Chúng ta có thể tiếp tục công việc, cô nói.

Các cô gái mở những chiếc hộp đựng các viên đá đủ màu, chỉ, vòng, những chiếc móc bằng vàng, bằng bạc. Các cô đặt lên bàn những thứ như kéo, kim, kẹp, cặp.

Cô em út mở sách.

- Đến lượt em, cô nói và bắt đầu đọc to.

Mấy mẹ con thay nhau đọc: Bao giờ cũng thế, người đến lượt là người đã mỏi nhừ ngón tay vì xâu chỉ những viên ngọc bằng thủy tinh hay nạm đá quý.

Rébecca và hai cô con gái lớn bắt tay vào việc. Khi cô út tạm ngừng đọc, cô chị cả hỏi:

- Mẹ à, mẹ có nói với bà mỗi chúng ta nghèo đến thế này không? Chúng ta kết nữ trang từ sáng đến tối nhưng chủ hiệu kim hoàn chỉ trả cho công việc nặng nhọc ấy tiền công vừa đủ sống sót?

- Tại sao mẹ phải kể lể cho người ta nghe? Bố các con ngày xưa vẫn nói với

mẹ: Phải chia sẻ với người khác niềm vui và tài sản. Chúng sẽ nhân lên khi được chia sẻ. Không nên mãi chia sẻ cái nghèo và nỗi buồn. Bố các con còn nói: Phải vui với những gì Chúa đã ban cho ta. Chúa đã cho chúng ta khả năng suy xét, học tập và người đã dạy bảo chúng ta. Chúa cũng cho chúng ta khả năng tưởng tượng để nghĩ đến những gì chúng ta mơ ước. Nếu chúng ta có khả năng suy nghĩ về những ước muốn của chúng ta, biết được chúng ta muốn gì thì Chúa sẽ giúp chúng ta đạt được.

- Chị mơ thấy mình lấy một kiến trúc sư thật đặc biệt, cô chị cả mỉm cười. Anh ấy sẽ đưa chị đến một thành phố lớn, ở đó người Do Thái cũng có quyền xây những ngôi nhà to đẹp.

- Em mơ được nghe những bài hát tuyệt diệu, do chồng em sáng tác mà các con gái, con trai của em sẽ hát sau bữa ăn tối ngày shabbat. Cô thứ hai mơ màng.

- Còn em, em mơ lấy một thi sĩ viết ra những vần thơ tuyệt vời về tình yêu của chúng em. Cô út nói khẽ, má ửng đỏ.

Bốn người phụ nữ im lặng một lát. Rébecca phá tan sự im lặng:

- Phải nhanh tay lên, hoàn thành công việc đúng hạn. Phiên chợ Aoste bắt đầu hai ngày nữa. Mẹ phải giao hàng cho hiệu kim hoàn ngày mai.

Một năm hai lần, cuộc sống yên ả của người dân thành phố nhỏ bị xáo động bởi phiên chợ lớn Aoste. Đó là dịp duy nhất để bán những đồ vật làm từ đá quý mà họ cần mua thu nhặt dưới chân núi, bộ da của những con dê rừng và những tấm chăn dệt bằng len cừu.

Cửa hiệu kim hoàn chật cứng người. Phần lớn là phụ nữ. Các góa phụ nghèo, các bà mẹ đông con tới bán cho chủ hiệu kim hoàn kết quả lao động của họ. Kiềng đeo cổ, xuyên nạm hồng ngọc, hổ phách và các loại đá quý khác. Lão chủ hiệu ngắm nghía kỹ lưỡng mỗi đồ vật, đếm từng viên đá quý, cân đong và kiểm soát tất cả.

Thường thường, lão ta cố ý kéo dài việc xem xét đó. Lão thích thấy cảnh những người đàn bà tái người đi, thở ra bồn chồn, sợ hãi trước lão.

Mình lão quyết định giá cả lao động của những người đàn bà tội nghiệp

này, những người phải làm việc ban đêm, vì ban ngày đã đầy ắp công việc nội trợ và dạy dỗ con cái.

Lão đặc biệt thích làm Rébecca phải đau khổ. Cô bị phụ thuộc vào lão hơn các phụ nữ khác. Không một đồng đạo nào biết được cô phải làm việc cho một tên vô đạo.

Người Do Thái trong phố không biết cô sống bằng gì và nuôi nấng con cái thế nào. Họ nghĩ chồng cô đã để lại cho cô một món tiền lớn hoặc bà con sống ở nước ngoài giúp đỡ cô.

Dù thế nào Rébecca và các con cũng không than phiền và bao giờ ăn mặc cũng tươm tất. Ngày shabbat, khi mấy mẹ con ngồi trên ghế băng của phòng cầu nguyện, một số phụ nữ còn phát ghen vì dáng vẻ đẹp đẽ và tươi mát của họ. Họ không bao giờ đoán biết được rằng những tấm áo đẹp đẽ của mẹ con Rébecca là kết quả của việc vá víu lại quần áo cũ dùng rồi với đầu óc tưởng tượng bay bổng và ý thức phối màu tinh tế.

Buổi trưa, cửa hiệu vội người. Rébecca thận trọng bước vào trong.

- Gì nữa đây! Lão chủ hiệu kim hoàn kêu lên, giọng khó chịu. Tôi đang muốn đi ăn trưa!

Rébecca lấy đám nữ trang ra từ những túi nhỏ. Lão chủ hiệu kim hoàn ngấm từng cái một, đếm những viên đá quý.

Cuối cùng, sau một hồi xem xét kỹ lưỡng, lão mở két và chìa cho Rébecca một ít tiền.

Rébecca phản ứng:

- Đây mới chỉ là một nửa số tiền ông hứa với tôi.

- Tôi đã rút ra một số tiền phạt, lão chủ trả lời giọng châm biếm.

- Phạt ư? Tại sao? Ông muốn nói công việc không được tốt ư? Vàng bị xước sao?

Lão chủ hiệu kim hoàn xoay đi xoay lại các vòng xuyên.

- Không, lão nói.

- Thiếu vàng, bạc chẳng?

Lão chủ cân từng món trang sức.

- Không, lão nhắc lại.

- Thế không đủ số đá quý à?

Lão chủ nắm lấy cơ hội:

- Quả thật! Còn thiếu một viên ngọc lam! To bằng ngón này!

- Một viên ngọc lam? Rébecca kinh ngạc. Tôi không có ngọc lam.

- Tôi đã đưa cho cô! Nó phải được nạm vào xuyên nhưng không thấy!

- Nhưng ngọc lam thì màu lam, không hợp chút nào với màu sắc của các viên đá khác ở đây, Rébecca bình tĩnh trả lời.

- Nhà cô muốn nói rằng ta nói dối sao? Lão chủ kêu lên.

Lão rất hài lòng. Lão đã áp đảo được Rébecca. Cô im bặt, bối rối. Cô biết không thể cho phép mình nổi sùng lên với lão.

Đúng lúc đó, một tiếng nói vang lên sau họ.

- Có phải ông tìm viên đá này không?

Một người cao lớn, áo thêu chỉ vàng, đứng cạnh cửa. Dưới chiếc mũ nhung, đôi mắt nảy lửa gườm gườm. Trong lòng bàn tay ông ta lấp lánh một viên ngọc lam to. Lão chủ kim hoàn há hốc mồm.

- Viên ngọc lam này là của ông à? Người kia hỏi.

- Vâng... vâng, lão chủ lắp bắp. Lão lao tới chỗ người lạ mặt, giật lấy viên đá.

- Bây giờ ông biết rằng không phải Rébecca đã ăn cắp của ông, người lạ mặt

nói tiếp. Ông phải trả cho cô ấy số tiền đã hứa, thêm một số để bồi thường vì đã xúc phạm cô.

- Nhất định thế rồi, nhất định rồi, lão chủ hiệu vội vã nhận lời. Viên ngọc mới đẹp làm sao! Lão cắt viên ngọc vào kết sắt, khóa lại.

- Cô cũng thích ngọc lam chứ? Người lạ mặt hỏi Rébecca.

- Vâng. Đó là một thứ đá hiếm có thể giúp chữa được các bệnh về dạ dày và tim.

- Cô còn biết gì nữa về các loại đá quý, Rébecca?

- Tôi biết rằng chúng là hóa thạch của cây cỏ trong vườn địa đàng, nơi Đấng Tạo hóa đã tạo ra Adam và Eva. Vì thế chúng có những sức mạnh kỳ lạ và chữa được bệnh, Rébecca giải thích.

Trong thâm tâm, cô tự hỏi: “Làm sao con người này biết được tên mình?”

Cô lấy tiền của lão chủ kim hoàn, cho vào một cái túi dưới tấm khăn choàng.

- Ông có việc gì khác cho tôi không? Cô hỏi lão chủ hiệu, tranh thủ cơ hội lão đang vui.

- Tôi có việc làm cho cô đây, Rébecca, người lạ mặt tuyên bố. Tôi cần cô chọn lọc các nữ trang trong hiệu kim hoàn của tôi.

Lão chủ hiệu vội vã nói:

- Thưa ngài, việc lựa chọn nữ trang không phải là việc dành cho phụ nữ, mà dành cho đàn ông và phải là người đàn ông thông thạo.

Lão cúi mình trước người lạ, chờ đợi câu trả lời.

- Ta thấy Rébecca rất am hiểu đá quý. Người lạ mặt trả lời rất lịch sự để khước từ đề nghị của lão chủ hiệu kim hoàn.

Lão tức giận đỏ mặt.

- Tốt lắm, thế thì ông phải biết rằng cô ta là một mục Do Thái. Cô ta bị cấm không được...

Người lạ mặt ngắt lời lão, hóm hỉnh:

- Cửa hiệu kim hoàn của ta ở một xứ mà luật lệ hoàn toàn khác.

Rébecca hỏi:

- Nó ở đâu ạ?

- Rất cao trên núi.

- Thật không may, tôi không thể nhận lời mời của ông được, Rébecca nói khẽ. Tôi không ngại làm việc. Nhưng tôi có ba đứa con gái, trước khi chúng lấy chồng, tôi không thể bỏ chúng được.

Lão chủ hiệu nắm lấy cơ hội:

- Ngài thấy không... Tôi thì trái lại, tôi có thể đi với ngài ngay lập tức.

Người lạ mặt nhìn lão nghiêm khắc để ngắt lời. Rồi ông lại quay về phía Rébecca.

- Tôi hiểu. Tôi sẽ đợi các con cô đi lấy chồng. Dù sao đi nữa tôi cũng sẽ trả trước tiền công cho cô, từ hôm nay.

- Nhưng tôi không biết bao giờ chúng mới kiếm được chồng, Rébecca thú nhận.

- Tôi có đủ thì giờ, chỉ cần cho tôi biết cô có đồng ý không.

Rébecca suy nghĩ. Cô sẽ mất gì khi theo người lạ lên núi cao? Mạng sống chăng? Cô chẳng đã sẵn sàng hiến dâng cả tính mạng mình để các con thực hiện được mơ ước của chúng đó sao?

- Tôi đồng ý.

Một hộp nhỏ hiện ra trong tay người lạ mặt.

- Đây là tiền ứng trước của cô, ông nói ngọt ngào.

Rébecca mở hộp. Nữ trang đầy hộp lấp lánh ánh vàng.

- Quá nhiều! Rébecca kêu lên, không tin vào mắt mình.

- Tôi thấy rằng cô cần có thời gian để sắp xếp mọi việc đâu vào đó, lão chủ hiệu ngọt sớt. Tôi sẽ để các vị ở lại một mình.

Rồi lão vội vã đi ra theo lối cửa sau.

- Đây chỉ là một phần tiền công tôi sẽ trả cho cô. Chắc đủ để cô tặng hồi môn cho một trong các con gái của cô thực hiện đám cưới hằng mơ ước. Tôi sẽ gửi số còn lại đến nhà cô ngay hôm nay. Tôi có thể trả ngay một lần, nhưng cô mảnh dẻ quá, Rébecca ạ, cô sẽ không thể nâng một hộp tiền vàng nặng như thế.

- Ai đã cho ông biết tên tôi? Cuối cùng Rébecca mạnh dạn hỏi.

- Chồng cô, người lạ mặt trả lời.

- Chồng tôi ư? Ông biết anh ấy ư?

- Anh ấy là bạn thân của tôi, dù không phải lúc nào chúng tôi cũng nhất trí với nhau. Anh đã hiến cuộc sống cho tôi với điều kiện tôi giúp anh ấy khám phá những bí mật ẩn tàng trong đá. Tôi đã báo trước cho anh, vì đối với một người trần gian, cái giá phải trả quá lớn. Nhưng anh đã không chịu lùi bước. Vì thế, tôi đã làm theo yêu cầu của anh. Anh chết một cách hạnh phúc...

- Còn tôi? Còn các con gái của tôi? Anh ấy có lúc nào nghĩ đến chúng tôi không? Rébecca hỏi, sắp trào nước mắt.

- Anh ấy đã nghĩ rất nhiều đến cô và các con gái đến mức tinh thần của anh còn lưu dấu vết trên đá. Cách đây ít hôm, tình cờ tôi đi qua những tảng đá đó và đọc được tư tưởng của chồng cô.

- Ông có thể chỉ cho tôi chỗ đó không? Rébecca van xin.

- Không có đường nào dẫn tới đó. Bàn chân con người không thể đặt trên dốc đá dựng đứng.

Rébecca muốn hỏi làm thế nào người đàn ông có thể đến đó được, nhưng cô không có thì giờ, lão chủ hiệu kim hoàn đã trở lại.

- Cô vẫn còn ở đấy à? Lão hỏi, giọng khó chịu. Tôi phải làm việc đây.

Rébecca cáo từ và ra về. Chưa đi được bao xa, cô thấy một người trẻ tuổi, cô nhận ra đó chính là gã thợ học việc của hiệu kim hoàn. Gã có vẻ đang rình mò ai đó.

Rébecca bước vài bước. Chợt, cô nhận thấy gã thợ học việc bước ngay sau mình. Cô thấy sợ bèn đi nhanh hơn. Gã cũng bước gấp hơn. Cô đi chậm lại, tức thì gã vượt qua cô và chắn ngang đường. Cô mỉm cười.

- Anh muốn hỏi gì tôi sao? Cô nhã nhặn hỏi gã.

- Tôi ư? Gã học việc kêu lên, mắt mở to.

- Phải. Đừng có ngại ngần, hãy nói tôi biết anh muốn gì.

- Cái hộp!

- A... Tôi thấy anh lịch thiệp đấy. Anh xử sự như các nhà quý phái, các hiệp sĩ.

- Các hiệp sĩ? Gã lắc đầu.

- Đúng, họ luôn giúp đỡ các phụ nữ yếu đuối. Anh mang giúp tôi cái hộp nặng này, phải không?

Cô đưa cho gã cái hộp. Gã lẳng lặng cầm lấy.

- Đi nào, dọc đường tôi sẽ kể anh nghe chuyện về các hiệp sĩ.

Rébecca lên đường. Bối rối, gã thợ học việc ngoan ngoãn đi theo với cái hộp.

Đột nhiên, sau lưng họ, một tiếng nói vang lên như sấm:

- Đứng lại!

Gã học việc quay người, rồi ù té chạy. Rébecca muốn chạy theo, nhưng một người to lớn như trái núi chặn đường cô.

- Tiền đâu? Hấn quát.

- Đằng kia kìa! Cô chỉ gã thợ học việc đang chạy xa dần.

Bằng hai bước chân, người khổng lồ bắt kịp gã và cả hai biến mất nơi góc phố. Rébecca đứng sững ngay tại chỗ. Rồi cô chậm chạp quay lại hiệu kim hoàn. Có thể người lạ mặt tử tế còn ở đấy. Cô sẽ giải thích điều gì đã xảy ra. Biết đâu ông ấy sẽ tìm ra những tên ăn cắp.

Khi cô bước vào cửa hiệu thì người lạ mặt không còn đấy. Ngược lại, lão chủ hiệu, tên khổng lồ và gã học việc đang chụm đầu trên chiếc hộp.

Choáng váng, Rébecca không thốt lên được một lời. Chợt tên khổng lồ đánh gã học việc.

- Mà y giấu tiền ở đâu! Hấn gầm lên.

- Tôi thề chưa hề mở hộp. Con mụ Do Thái đó là một mụ phù thủy! Những câu nói của mụ đã khiến tôi chẳng biết thế nào mà lần! Gã học việc tự vệ.

Đúng lúc đó, lão chủ hiệu trông thấy Rébecca .

- Tiền đâu? Lão gào lên.

- Chính tên học việc của ông hoặc người này đã cuỗm mất, cô chỉ vào hai tên.

- Nhìn đây, hãy xem chúng đã ăn cắp được gì! Lão chủ hiệu đưa cho cô cái hộp.

Cô nhìn vào trong. Hộp đựng đầy... than.

- Nhưng... tôi không hề mở ra.

- Đồ dối trá! Tên khổng lồ gào lên.

- Thưa ông chủ, mục Do Thái nói đúng đấy ạ, gã học việc phản đối. Tôi đã đi theo mục như lời ông ra lệnh.

Gã hẳn học nhìn tên khổng lồ.

- Cho đến lúc tên đầy tớ của ông tấn công tôi thì không ai mở hộp ra cả.

- Chính ông chủ đã sai tao đi. Ông sợ mày chạy trốn với cái thứ lột được của mục Do Thái này, gã tay chân giải thích. Lão chủ kim hoàn sầm mặt suy nghĩ.

- Như vậy nghĩa là người lạ mặt đã phù phép cái hộp với những đồng tiền vàng, lão lẩm bẩm.

Rồi lão nhớ ra:

- Còn viên ngọc lam của tao? Nó cũng bị phù phép ư?

Lão vồ lấy chìa khoá, chạy đi mở két sắt. Lão lấy ra một mẫu than cùng kích cỡ với viên ngọc lam. Đỏ mặt vì tức giận, lão gầm lên với Rébecca:

- Trả tiền tao đã đưa cho mục đây! Hoặc mục tự nguyện trả, hoặc tên đầy tớ của tao sẽ lo liệu việc đó!

Tên khổng lồ bước một bước về phía Rébecca. Đột nhiên, hắn lùi lại, vịn người vì đau đớn, như thể bị ai đánh vào bụng.

Rébecca ném nhanh cái túi cho lão chủ hiệu:

- Tiền của ông đây!

Lão dốc túi vào lòng bàn tay và rú lên đau đớn:

- Ối! Cứu với! Nó cháy!

Những cục than cháy hồng trút vào tay lão. Tên học việc gạt than vào túi, ném trả Rebecca cùng với cái hộp.

- Cầm lấy! Mụ hãy chết cháy đi cùng với chúng!

Đột nhiên, bên ngoài có tiếng âm ỉ đáng sợ.

- Thác lũ! Gã thợ học việc kêu lên.

- Chúng ta đã làm cho thần núi nổi giận. Tên khổng lồ lấp bắp. Về dọa dẫm của hắn đã nhường chỗ cho sự sợ hãi.

- Vậy người lạ mặt đó phải chăng là thần núi? Lão chủ hiệu kim hoàn run lập cập nói. Mụ Do Thái này đã thông đồng với thần núi!

Rebecca bỏ chạy về nhà. Lát sau, cô dừng lại để lấy hơi và lau nước mắt trên mặt. Dẫu sao cô cũng không thể xuất hiện trước các con trong bộ dạng như thế này. Về cơ bản, không có gì ghê gớm xảy ra. Cô không có tiền. Nhưng cô còn sống, đó là điều chủ yếu. Ngược lại, nếu lão chủ hiệu, tay chân của lão cùng gã thợ học việc đi rêu rao khắp nơi cô là phù thủy, thông đồng với thần núi thì rất có thể cô sẽ bị thiêu trên giàn lửa... Phải rời khỏi thành phố càng nhanh càng tốt. Ngày mai, lúc rạng đông. Ngay lúc này, phải đổ than khỏi túi tiền và cái hộp. Không thể mang chúng về nhà được...

Cô cởi dây buộc miệng túi. Tiền của lão chủ hiệu kim hoàn lấp lánh trong túi. Cô lại mở hộp. Không thể tin vào mắt mình: Cũng như trước, cái hộp đầy những đồng tiền vàng sáng lóa. Đó phải chăng là một giấc mơ? Rebecca nhắm mắt, rồi mở mắt. Những đồng tiền vàng vẫn còn đó. Trong khi buộc miệng túi tiền, cô nhận thấy một viên đá lớn nhô ra: Đó là viên ngọc lam.

Về đến nhà, các con gái rạng ngời vì hạnh phúc ra đón cô. Cả bà mối cũng đang chờ đợi.

- Rebecca này, hôm qua chúng ta mới chỉ nói đến việc hôn nhân của các con gái cô, thế mà hôm nay tôi đã kiếm được cho mỗi đứa một người chồng! Bà mối nói ngay không vòng vo. Về cô chị cả, tôi đã tìm được một kiến trúc sư ở Amsterdam, có vẻ rất mê cô ấy. Cô thứ hai thì có một chàng cầu hôn ở Prague, một giáo sư âm nhạc trẻ tuổi xuất thân trong một gia đình giàu có.

Anh ta dạy những nhạc cụ cổ điển và hiện đại, và phổ nhạc cho phần lời của một người bạn lớn có họ xa ở Varsovie. Còn có một nhà thơ nọ mơ tưởng đến cô út. Cả ba đều là con của những gia đình rất được trọng vọng. Các bậc cha mẹ họ đề nghị được trả tiền đi đường cho cô chị cả đến Amsterdam, cho cô thứ hai đến Prague và cô út đến Varsovie. Cô nghĩ sao?

- Điều quan trọng là các con tôi nghĩ sao, Rébecca nói, nhìn các con gái.

Cả ba cô hoàn toàn sung sướng, Rébecca không hỏi thêm các con gì nữa.

Ngày hôm sau, cô rời thành phố cùng với ba con gái.

Người ta kể rằng Rébecca cũng tái giá. Chồng cô là một mạnh thường quân giàu có của những người thợ dẻo đá, thợ kim hoàn, kiến trúc sư và nhà điêu khắc. Trong xưởng của họ có những nghệ sĩ xuất sắc nhất, những nghệ nhân tài năng nhất và những thợ dẻo đá khéo tay nhất.

Người ta còn nói phần lớn các kiến trúc sư xây dựng các đền đài và cung điện đẹp nhất là con cháu của người con gái cả của Rébecca, lúc này đã lập nghiệp ở Hà Lan. Nơi đây, người Do Thái từ rất lâu đã có quyền bình đẳng với các công dân khác.

Người ta cũng đồn rằng phần lớn các nhạc sĩ từng làm say mê thánh giả trên thế giới là hậu duệ của cô con gái thứ hai của Rébecca. Cô này sống ở Prague, nơi người Do Thái phải chịu đựng biết bao hà hiếp và bất công. Có lẽ vì thế mà nhạc của họ đã làm xúc động cả thế giới.

Dường như đã có nhiều nhà thơ và nhà văn xuất thân từ gia đình của cô con gái út của Rébecca. Vợ chồng cô này sinh sống ở Ba Lan, nơi người Do Thái luôn luôn bị áp chế tàn nhẫn. Phải chăng vì thế mà tác phẩm của họ phản ánh tình trạng đó và làm xúc động độc giả toàn thế giới?

Lão chủ hiệu kim hoàn đâm ra rượu chè và cuối cùng mất cả cửa hiệu. Người ta cho rằng lão hóa điên, vì cứ đi kể rằng chính mắt lão thấy hai người khổng lồ đập vỡ một tảng đá trên đỉnh núi, mang xuống đặt trong thung lũng.

- Hôm đó, bác đã quá chén chứ gì! Người trong làng chế nhạo.

Nhưng rồi họ thôi cười nhạo, khi một hôm họ thấy trong nghĩa địa Do Thái của làng mọc lên một tấm bia mộ đá sừng sững trên nấm mồ của chồng Rébecca.

Từ đó, mỗi lần vị giáo trưởng từ Turin ghé qua làng, mọi người lại thấy ông dừng lại hồi lâu trước tấm bia mộ đó. Ông ngắm nhìn nó, trầm ngâm, lặng lẽ.

Người ta nói rằng vị giáo trưởng đã viết một cuốn sách trong đó ông giải thích làm thế nào, khi người ta tập trung tinh thần và mở rộng lòng mình, thì có thể đọc được tư tưởng của những người đã khuất, khi những tư tưởng ấy đủ mạnh và xúc động để có thể lưu lại dấu vết trên đá.

Cuộc chạy trốn của cô dâu trẻ

DAVID ĐÃ ĐI QUA NHIỀU VÙNG ĐẤT, thường xuyên ngủ trên ổ rơm của các kho thóc, hay dưới tán cây rừng. Anh mệt lử nhưng vẫn tiếp tục đi. Anh đã gặp nhiều nhạc công Do Thái trong các thành phố, làng mạc, chợ búa và các ghetto ở Ba Lan, Nga, Lituanie, Đức và Úc. Mọi người ai cũng muốn chơi nhạc cùng anh, vì tiếng tăm của anh đã đi trước. Và bất cứ nơi nào anh dừng chân, người ta cũng được nghe nói về người nghệ sĩ vĩ cầm xuất sắc David de Pollock...

Khi đến khu Do Thái ở Prague, anh được bầu làm nhạc trưởng dàn nhạc Do Thái. Thành viên dàn nhạc chắc chắn sẽ được các nhà quý tộc mời biểu diễn trong các dinh thự và lâu đài của họ. Chính vị bá tước ở Rozmberk, ngài Pierre Vok, đã yêu cầu dàn nhạc của David chơi trong đám cưới của ông. Âm nhạc của họ làm ông vui thích và ông đề nghị dàn nhạc vào phục vụ trong dinh thự của mình.

- Tôi không thể ở lại đây với các bạn được, David nói với các đồng sự.

Họ im lặng, sững sốt. Trở thành nhạc công trong dinh thự của một lãnh chúa chẳng phải là một vinh dự chưa từng thấy đối với một dàn nhạc Do Thái hay sao? Chưa có một lãnh chúa nào khác từng đề nghị với các nhạc công Do Thái như thế. Bá tước Romzberk yêu nghệ thuật cùng các nghệ sĩ, và ông không quan tâm đến nguồn gốc hay tôn giáo của họ.

- David, anh không thể bỏ chúng tôi, đây là cơ hội mà tất cả chúng tôi hằng mơ ước. Người nhạc công nhiều tuổi nhất cố gắng thuyết phục anh. Pierre Vok thích ngón đàn của anh và rõ ràng là vì có anh ông ta mới mời chúng tôi.

- Élias chơi chẳng kém gì tôi, David nói, quay sang người nghệ sĩ vĩ cầm thứ hai.

- Nhưng cây đàn của tôi không biết làm cho thánh giả phải khóc phải cười như anh, Élias phản đối.

- Thế thì càng tốt cho anh, David trả lời kỳ quặc.

Anh không muốn cắt nghĩa cho Élias hiểu rằng từ những hợp âm của cây vĩ cầm của anh vang lên một nỗi phiền muộn, nỗi đau và tiếng than khóc sẽ không bao giờ rời bỏ anh. Nhiều năm đã qua, nhưng, hễ cứ nhắm mắt lại David lại thấy diễn ra những cảnh kinh hoàng của cái năm 1563 ấy, khi quân đội Nga của Ivan khủng khiếp xâm chiếm thành phố Polock, Ba Lan. Tất cả những người Do Thái nhận được lệnh phải cải đạo để trở thành tín đồ chính giáo. Ai không chịu tuân theo đều bị đánh đuổi ra khỏi nhà, xua đến bờ sông Dvina. David trốn trong nhà của giáo sư âm nhạc Yéhuda. Ông đưa cho anh cây vĩ cầm của ông và dẫn anh trốn vào rừng theo cổng sau.

Ông nói:

- Cầm cây vĩ cầm của ta và trốn vào trong rừng. Hãy hứa với ta là anh sẽ chơi đàn...

David chưa kịp trả lời thì lính của Sa hoàng đã dùng vũ lực xông vào nhà. Yéhuda đóng cánh cửa bí mật sau lưng David và đi gặp chúng.

David chạy vào rừng. Từ xa, anh thấy bọn lính ném xuống dòng sông Dvina cuộn sóng đàn ông, đàn bà, người già, trẻ con. Tất cả đều bị trói tay trói chân. Trong số họ, có cha anh, mẹ anh, em gái nhỏ Déborah, giáo sư Yéhuda...

David trốn trong rừng mấy ngày. Rồi khi đã kiệt sức, đói lả, anh ra khỏi rừng theo một con đường mòn. Đi một lúc, anh đến một ngã tư có con đường lớn hơn chạy qua. Anh theo con đường, nghĩ rằng nó có thể dẫn tới một nơi trú chân nào đó. Có thể anh sẽ kiếm được cái gì đó để ăn bằng cách đánh đổi cây vĩ cầm, tài sản duy nhất của anh.

Lát sau, anh thấy bên lề đường một con tuần mã đen. Cạnh nó là một ông già lạ lùng. Ông rất to lớn. Từ vành mũ xõa ra mớ tóc bạc dài, chòm râu bạc như tuyết che nửa mặt ông. Ông nhìn thẳng vào David, như thể đang đợi

anh. David thấy hoảng, quay đầu định chạy vào rừng. Nhưng ông già gọi anh:

- Đừng sợ, con. Lại đây cùng chia sẻ bữa ăn với ta.

Khi David ăn uống xong, ông già chỉ vào cây vĩ cầm:

- Con phải chơi đàn. Đấng Tối cao đã ban cho con tài năng ấy và thầy Yéhuda của con đã hứa với người sẽ giúp con phát triển nó.

- Nhưng thầy Yéhuda đã bị lính Sa hoàng giết vì không chịu cải đạo. Mẹ con, cha con... và em gái nhỏ Déborah cũng thế.

Kỷ niệm về những người thân làm anh ứa nước mắt. Ông già kiên nhẫn chờ anh thôi khóc.

- Cố gắng chơi đàn con ạ, ông nói âu yếm, chỉ có âm nhạc mới an ủi được con.

David nâng cây vĩ cầm, dạo đàn. Thoạt đầu là một điệu nhạc đơn giản, sau là một điệu phức tạp hơn...

- Con thấy đấy, con có thể làm được mà. Bây giờ, hãy tiếp tục đi dọc theo con đường này. Con sẽ đến một ngôi làng. Đừng nói gì với ai hết, cứ chơi đàn. Những người tốt sẽ hiểu âm nhạc của con nói gì với họ và sẽ giúp con. Cứ chơi đàn, đừng sợ gì cả.

Ông già đứng lên, ra dấu tạm biệt và nói thêm:

- Đấng Tối cao sẽ che chở con.

Rồi ông biến mất như có phép màu.

Từ ngày đó, David dạo ngang khắp nơi và sống nhờ âm nhạc. Thoạt đầu anh chơi bằng chiếc vĩ cầm của thầy Yéhuda, rồi anh dạy vĩ cầm trong vài năm cho bọn trẻ con trong khu ghetto tại Poznan. Khi anh rời thành phố, mọi người tỏ lòng biết ơn bằng cách tặng anh một cây vĩ cầm rất đẹp của Ý, sản xuất tại Crémone, nơi có những thợ làm đàn giỏi nhất.

Càng làm chủ được cây đàn, anh càng được công chúng ngưỡng mộ. Anh

nhìn thấy tình yêu trong mắt các cô gái trẻ, niềm ham muốn trong đôi mắt mệt mỏi của những người phụ nữ đã có gia đình, thoáng phiến muộn trong mắt các bà già nhăn nheo, sự hào hứng trong mắt các gã trai, đôi khi cả sự ghen tị trong mắt bọn đàn ông. Nhưng sự ghen tị này nhanh chóng biến thành mối thân hữu ồn ào và dễ chịu, liên kết họ quanh một bàn quán trọ sau một vài chén rượu vang hay vốt-ca.

Một bận, David chơi đàn trong một đám cưới ở Jadow. Thành linh, anh để ý thấy trong đám hội có một cô gái khoảng mười bảy tuổi. Cô cười vui vẻ, chạy nhón nhơ giữa đám khách mời. David ngừng chơi, chăm chú nhìn, nghi hoặc:

- Déborah?

Cô gái nhỏ ngược cặp mắt sững sốt nhìn anh:

- Em không phải là Déborah. Tên em là Judith.

- Xin lỗi. Tôi nhầm.

Anh nhận ra rằng mình đã lang thang đây đó suốt bảy năm dài và em gái anh nếu còn sống, đã là thành một thiếu nữ mười bốn tuổi. Trầm ngâm, anh nâng cây đàn.

Không thể chơi những điệu nhạc vui ngày cưới, anh dạo một bản nhạc buồn. Điều đó chẳng khiến các khách mời phiền lòng: Đám hội nào chẳng có ai đó buồn phát khóc.

Lát sau, David kìm nén nỗi buồn. Cây vĩ cầm của anh lại ca hát niềm vui sống mà Tạo hóa đã ban cho các cặp tình nhân, những kẻ được giao bốn phận tiếp tục sự nghiệp sáng tạo của người.

Hôm sau, David chuẩn bị rời Jadow đi Varsovie thì cô bé Judith xuất hiện:

- Bố mẹ em nói anh là người chơi vĩ cầm giỏi nhất mà ông bà từng biết.

Cô ngừng lại một lát, rồi bật thành lời câu hỏi đang cháy bỏng trên môi:

- Déborah là ai, cô gái anh đã nhầm với em ấy?

- Em gái tôi. Em giống nó lắm.
- Cô ấy ở đâu? Anh có yêu cô ấy không?
- Em tôi chết rồi. Tôi yêu nó vô cùng.

Judith suy nghĩ một lát, rồi ngược cặp mắt lớn màu hạt dẻ nhìn David.

- Vậy thì em sẽ thành em gái anh. Em muốn anh cũng yêu em nhiều như thế, em muốn luôn được ở bên cạnh anh, đỡ đần cho anh.

David mỉm cười:

- Anh đã yêu em rồi.

Judith reo lên vui mừng:

- Em sẽ đi báo tin cho cha mẹ em được biết. Cha em bảo: Thật là một vinh hạnh lớn lao cho bậc cha mẹ nào có người con trai tài ba như thế và cũng là điều tuyệt vời cho cô gái nào có người chồng chưa cưới như thế...

Cô bé Judith bỗng đỏ mặt thẹn thùng vì sự bộc tuệch của mình. David cười vui vẻ:

- Vậy thì em có biết anh sẽ làm gì không? Anh nghĩ thay vì trở thành con trai của bố mẹ em, anh trai của em, tốt nhất là anh trở thành chồng chưa cưới của em. Nếu anh là anh trai em, một ngày kia em sẽ lấy chồng, em sẽ ra đi với chồng em, nhưng nếu là vợ tương lai của anh, em sẽ mãi mãi ở bên anh, David nói đùa.

Anh đang đùa và không coi câu chuyện vừa rồi là nghiêm túc.

Judith hào hứng trả lời:

- Nhưng, thế thì anh sẽ trở lại tìm em chứ?
- Chắc chắn là anh sẽ trở lại, David trả lời, vừa nhìn mặt trời.

Mặt trời đã đứng bóng. David phải nhanh lên để đến Varsovie trước khi trời tối.

- Bao giờ? Judith muốn biết chắc.

- Anh không biết.

David hơi sốt ruột. Nhưng thấy cô gái có vẻ thất vọng, anh nói thêm:

- Vậy thì mười năm nữa anh sẽ trở lại tìm em.

- Đồng ý, vậy sẽ là năm 5340, tức năm 1580 theo lịch của những người vô đạo, Judith tính nhanh.

David không trả lời. Anh từ biệt cô, lên ngựa và ra đi. Ai biết trong mười năm, chuyện gì sẽ xảy ra?

Mấy tháng trước, David nhớ lại cuộc gặp gỡ với cô gái và lời hứa của anh. Thấm thoát đã mười năm... Vì lẽ đó anh không muốn ở lại dinh thự của Pierre Vok.

- Khi bá tước biết anh không còn ở trong dàn nhạc của chúng tôi nữa, ông sẽ đuổi chúng tôi đi. Người nhạc công chơi oóc-gan lo lắng nói.

David chợt nảy ra một ý:

- Tôi sẽ xin một cuộc tiếp kiến.

- Với bá tước Romzberk? Anh có biết mình đang nói gì không? Anh tưởng Pierre Vok chịu mất thì giờ với một nhạc công Do Thái hay sao? Tay chơi đại vĩ cầm ngạc nhiên.

- Tại sao không? Nhạc công đàn oóc cũi lại. Hoàng đế Rodolphe II còn cho mời Meisl vào triều và tranh luận với giáo trưởng Lôw, vậy thì tại sao Pierre Vok lại không thể chấp thuận cho David một cuộc tiếp kiến?

- Nhưng David có giàu bằng Meisl hay thông thái bằng giáo trưởng Lôw không? Người thổi sáo hoài nghi.

- Nhưng có thể tài năng của David còn giá trị hơn của cái của Meisl hay sự uyên bác của giáo trưởng Lôw, người gảy đàn luyt tuyên bố.

Thấy người thối sáo nhẵn mặt chế giễu, anh này giải thích:

- Của cái có thể mua được, sự uyên bác có thể đạt được qua sách vở, nhưng thiên tài là do Đấng Tối cao phú cho.

Các thành viên của dàn nhạc im lặng. Họ nhất trí để David xin một cuộc hội kiến.

Quả nhiên, Pierre Vok nhận lời tiếp David lúc rửa mặt buổi sáng. David yêu cầu ông vui lòng tiếp tục ủng hộ dàn nhạc, còn bản thân anh thì buộc lòng phải ra đi, dù điều đó khiến anh rất phiền lòng. Anh có những lý do nghiêm túc.

Những người hầu phục vụ quanh Vok sửng sò ngạc nhiên. Anh chàng nhạc công Do Thái trẻ tuổi đang tự cho phép mình điều gì thế này? Lý do của anh ta có thể quan trọng hơn thiện ý của bá tước chăng?

- Đức ông chắc sẽ hiểu những lý lẽ của tôi, David lễ phép nói tiếp, vì đó là những lý lẽ của trái tim.

Anh nhìn bá tước, biết rằng anh đã chạm đúng tâm ý. Là một người yêu mến phụ nữ, lại vừa mới lấy vợ, Pierre Vok hẳn thông cảm với những lý do của David.

- Hãy nói rõ ta nghe về nàng, ông hạ lệnh. Nàng là ai? Nàng có đẹp không?

David bối rối. Im lặng một lát, rồi anh nói:

- Tôi không gặp nàng đã mười năm nay. Vào thời ấy, nàng còn là một bé gái. Thực ra, tôi không biết nàng. Nhưng tôi đã hứa sẽ trở lại tìm nàng và lấy nàng. Tôi phải giữ lời hứa.

- Chà, thật khó tin! Vok phá lên cười.

Ông không tiếc vì đã tiếp người nhạc công vĩ cầm Do Thái. Ông rất đặc ý.

- Nếu nàng trở thành người đàn bà rất xấu xí? Hoặc nếu nàng bị tật nguyền? Người có lấy nàng không?

- Có ạ. Tôi sẽ thực hiện điều đã hứa.

- Có thể nàng đã lấy chồng?

- Nàng không hứa sẽ đợi tôi. Chính tôi đã hứa với nàng sẽ trở lại. Tôi phải trở lại.

- Nếu nàng đã chết thì sao? Pierre Vok lại hỏi.

- Có thể như thế. Nhưng điều đó không xóa đi lời hứa của tôi. Nếu nàng đã chết, tôi sẽ đi tìm mồ của nàng, sẽ đặt trên đó một hòn đá nhỏ để ở thế giới bên kia, nàng biết rằng tôi đã giữ lời hứa.

Pierre Vok không cười nữa. Ông đẩy người thợ cạo đang lau sạch bệ và phòng còn sót lại ra.

- Giữ lời hứa triệt để như thế, là bốn phận của vua chúa và quý tộc, không phải sao? Ông ngạc nhiên, hỏi.

- Đó là bốn phận của mỗi người, thừa Đức ông, bất kể nguồn gốc và tôn giáo của họ. Người ta luôn dạy tôi phải giữ lời hứa. Thà là đừng hứa còn hơn hứa mà không giữ lời.

- Được! Hãy đi Ba Lan. Ta sẽ cho người một con ngựa tốt. Nhưng phải hứa với ta, người sẽ trở lại và ở lại chơi nhạc trong dinh thự của ta.

- Xin cảm tạ Đức ông, David cúi mình. Tôi sẽ cố trở lại. Nhưng tôi không thể hứa điều đó.

David lên ngựa, đi rất lâu. Anh thấy phía chân trời một dải rừng bạch dương và biết rằng anh không còn xa đích đến của mình bao nhiêu nữa. Jadov chắc hẳn chỉ ở sau dải rừng này.

Thình lình, anh nghe phía sau mình có tiếng vó ngựa phi. Anh ghìm ngựa chậm lại, tránh sang bên phải, nhường đường cho các kỵ sĩ. Nhưng anh thấy họ cũng đi chậm lại.

- Đứng lại! Một người trong bọn hô.

- Xuống ngựa! Không được quay lại, nếu không thì liệu hồn! Một giọng nói khàn khàn, thô bạo để thêm.

David ôm chặt cây vĩ cầm vào ngực và xuống ngựa.

- Mà có cái gì đấy? Đưa cái mà giấu trước ngực đây!

Tiếng roi ngựa dài thông rít trong không khí. David nhảy sang bên, tay vẫn ôm ghì cây vĩ cầm. Đầu ngọn roi quất vào chân anh. Anh cảm thấy đau buốt và ngã lăn ra đất, trong khi vẫn cố che chắn cho cây đàn mỏng manh.

Ba kẻ kia sáp lại.

- Mà giấu cái gì? Một tên cướp cúi xuống David.

- Chỉ có một cây vĩ cầm, David vội trả lời. Nó chẳng có giá trị gì với các ông.

- Đưa tao xem...

Tên cướp thứ hai vươn tay về phía cây đàn.

- Khoan đã, tên thứ ba nói. Ta nên lấy con ngựa. Lát sau, David nghe tiếng vó ngựa xa dần. Anh cố đứng lên nhưng cơn đau rất bỗng khiến anh bất tỉnh. Tỉnh dậy, anh lết đến một cái cây, cố ngồi tựa vào thân cây.

Anh quyết định nghỉ lại sức trước khi đi tiếp đến Jadov. Anh nâng vĩ cầm lên chơi. Âm nhạc làm anh dịu cơn đau. Những âm thanh trong rừng im bật, như thể chim chóc và thú rừng cũng đang lắng nghe giai điệu tuyệt vời, chất chứa đầy đam mê và nỗi nhớ quê hương.

Bản hôn thú đã được ký. Nathan, con trai người láng giềng, đã đứng trước mặt vị giáo trưởng. Đám phụ nữ vuốt lại áo cưới của Judith, chỉnh lại khăn voan và đứng dàn ra hai bên cô dâu trẻ. Judith ngoái ra cửa lần cuối. Đường như nàng hy vọng, phút cuối cùng David sẽ xuất hiện với cây vĩ cầm bọc trong vải trắng. Anh sẽ đặt nó lên trên mặt tủ, rồi xin lỗi với phong cách quyến rũ không thể bắt trước được của anh, như mười năm trước...

Đã từ lâu nay, Judith cố cưỡng lại áp lực của các bà mối và bố mẹ, họ hàng.

- Con không nên xem làm trọng lời hứa của một nhạc công lang thang!

- Giữ lời hứa là thiêng liêng, Judith phản bác lại.

- Điều đó còn tùy thuộc từng người, con trai người láng giềng nói.

Anh ta tin chắc rằng một nhạc công lang thang không có cơ may phá hỏng cuộc hôn nhân của mình với Judith: Anh ta là chàng trai giàu nhất Jadov! Vậy mà anh ta đã phải chờ đợi không ít. Tại sao cha của Judith không chấm dứt những thói thất thường của con gái nhỉ? Ông này quả thật không muốn bắt ép con gái, dù hàng ngày vẫn cố thuyết phục cô:

- Judith, con gái của ta, anh chàng David đó có hứa với con sẽ nói chuyện với bà mối không?

- Không ạ, nhưng anh ấy có hứa là sẽ trở lại.

- Vậy thì con còn chờ gì? Tại sao con không lấy chồng đi? Cha không nghĩ rằng chàng thanh niên chơi vĩ cầm xuất sắc đó không giữ lời hứa. Nhưng con sẽ đón anh ta như một phụ nữ có chồng có hơn không?

- Anh ấy đã hứa sẽ lấy con, Judith rụt rè trả lời.

- Anh ta có nói rõ ràng: “Anh sẽ kết hôn với em” không? Người cha nhấn mạnh.

- Không ạ, anh ấy chỉ nói anh sẽ trở lại...

- Còn con, con có hứa sẽ lấy người ta không?

- Không ạ, con chẳng hứa gì cả.

Cuộc nói chuyện đó lặp đi lặp lại hàng ngày. Kỷ niệm năm thứ mười cuộc gặp gỡ giữa Judith và David đã đến gần. Nhưng chàng nhạc công vĩ cầm chẳng thấy đâu. Cũng chẳng có thư từ gì của anh. Judith nghe nói anh đã biểu diễn ở Vienne, rồi ở Prague, nơi anh đã có dàn nhạc của mình và biểu diễn tại dinh thự của các gia đình quý tộc...

- Con tưởng anh ta sẽ từ bỏ các dinh thự lộng lẫy vì lời hứa xưa cũ với một đứa con gái nhỏ sao? Gia đình cô chế nhạo.

Nhưng Judith tin rằng David sẽ giữ lời hứa. Cô nghĩ: “Anh không phải loại người ngày nào cũng nuốt lời hứa. Anh không phải một ông vua, cũng chẳng phải một viên quan, hay một lái buôn. Anh là một nghệ sĩ. Tài năng của anh là do Đấng Tối cao ban tặng. Vì thế anh sẽ không bao giờ vi phạm luật của người.”

Judith chờ đợi. Nhưng David không trở lại. “Có lẽ anh đã chết,” cô tự nhủ. Cuối cùng, cô đành bằng lòng với cha mẹ, chuẩn bị hôn lễ...

Judith, rực rỡ trong tấm áo cưới, đứng cùng các cô phù dâu, không xa đó là người chồng tương lai của cô, con trai người láng giềng. Vị giáo trưởng đọc xong về quyền và bổn phận của cô dâu, chú rể. Lúc này, Judith phải đi bảy vòng quanh người chồng tương lai, sau đó chú rể sẽ đeo nhẫn vào ngón tay cô dâu. Rồi họ uống rượu vang trong cùng một cái ly. Tiếp đó chú rể sẽ ném cái ly xuống đất, tưởng nhớ Giáo đường bị tàn phá. Đến đó thì Judith sẽ thành vợ của chàng trai to lớn và kiêu ngạo kia...

Cô gái đi vòng lần thứ nhất quanh Natan, lần thứ hai, lần thứ ba...

Chợt, cô nghe thấy xa xa một giai điệu vĩ cầm. Cô đã đi hết vòng thứ tư. Tiếng vĩ cầm vang lên trong tim, trong đầu cô: Cô tin chắc chính là David đang chơi đàn. Cô bắt đầu đi vòng thứ năm... còn một bước nữa, bước thứ hai...

Phía trên đầu các khách mời, cô thoáng thấy một chiếc mũ lạ, những sợi tóc bạc dài, một bộ râu rậm. Chưa bao giờ cô thấy ông già cao lớn đó ở Jadov. Cô bước chậm lại, quay nhìn ông. Cô thấy hình như ông ra hiệu bằng tay cho cô.

Thình lình, cô bước sang bên một bước, một bước nữa, rồi cô hít thật sâu và chạy ra cửa.

Các vị khách mời lạng lẽ tránh đường cho cô. Judith chạy trong phố, theo hướng có tiếng đàn. Một lát sau, thêm vào điệu nhạc là tiếng lộp cộp của vó ngựa. Judith ngoái lại. Một con ngựa đen bắt kịp cô. Người kỵ sĩ mặc toàn đồ

đen lẫn vào màu của ngựa. Chỉ có mớ tóc dài và bộ râu bạc trắng như tuyết chứng tỏ đó là một con người.

- Lại đây, Judith, ông già nói. Ta sẽ đưa con đi.

Mặc dù tuổi cao, ông nâng bổng cô lên như một chiếc lông đặt trên yên phía trước. Judith có cảm tưởng vó ngựa không chạm đất. Giai điệu của cây vĩ cầm đã vang lên gần bên. Con ngựa dừng lại ở bìa rừng. Ông già giúp Judith xuống ngựa.

- Giờ gần lắm rồi, con hãy tiếp tục đi bộ, ông nói với cô.

- Cụ là ai? Cô gái hỏi.

- Kalonymos ben Kalonymos ben Méir, tức Maestro Calo, ông già trả lời.

Judith suy nghĩ một lát. Nhưng cái tên của nhà thi sĩ thời Trung cổ, ba trăm năm trước từng sống ở Arles, chẳng nói lên điều gì với cô cả. Ông già giục:

- Nhanh lên, con! Hãy đi tìm David. Ta chờ các con ở đây. Ta sẽ đưa các con sang Ý, đến Crémone, nơi Andrea Amati và con trai ông đang làm những cây vĩ cầm tốt nhất thế giới. Vậy là, ta đã làm tròn bốn phận của ta trong thế kỷ này và sẽ lại ngủ một trăm năm nữa trong mồ.

- Nhưng cụ nói gì thế? Bốn phận nào? Năm mồ nào?

- Với tư cách là thi sĩ và nghệ sĩ, ta có bốn phận giúp đỡ các nghệ sĩ Do Thái mà Đấng Tối cao đã ban cho một tài năng xuất chúng. Nhưng con, con cũng phải làm bốn phận của con. Hãy đến đó ngay đi! Con đã hứa với David là sẽ luôn ở bên anh ấy và nâng đỡ cho anh.

Judith chạy vào rừng. Nàng trông thấy David đang ngồi tựa vào một thân cây.

Nàng bọc cây vĩ cầm của anh lại và âu yếm giúp anh đứng lên.

Người ta kể rằng, trong số hàng nghìn người Do Thái bị đuổi khỏi Crémone theo lệnh của giáo hoàng, có gia đình David de Polock, với 16 đứa con của

họ. Tám trong số đó trở thành những nhạc công rất nổi tiếng, tám người khác trở thành những người làm đàn vĩ đại.

Bức vẽ bị gió mang đi

- HÀO ÔNG CHỦ, Jacob nói khi xin phép ông chủ cáo lui. Lễ shabbat bắt đầu đến nơi rồi. Tôi sẽ hoàn tất bức vẽ vào sáng chủ nhật.

Ông chủ Vladislav nhìn mảng tường ngay dưới trần nhà. Màu xanh da trời mà Jacob vừa vẽ dường như phả ra hơi ấm của buổi sáng tinh sương. Đôi chỗ, anh đã thêm vào một ít màu hồng ánh vàng. Sắc màu ấy chính ông chủ đã thấy vào lúc rạng đông trên bầu trời bên trên dòng sông. Không, cái Jacob vừa vẽ còn đẹp hơn.

Nếu Jacob không phải là người Do Thái, anh sẽ trở thành một họa sĩ nổi danh. Nhưng, ở thời đó, người Do Thái không có quyền vẽ mặt người. Tôn giáo của họ cấm kỵ điều đó. Khi họ cầm bút trên tay thì duy nhất là để trang trí các bức tường lâu đài.

Trong thực tế điều đó lại hoàn toàn hợp ý ông chủ Vladislav. Các họa sĩ Do Thái thường có tài, nhưng họ không bao giờ muốn ký tên dưới tranh. Họ vẫn vô danh và vinh quang thuộc về những ai thuê mướn họ làm việc như ông chủ Vladislav đây.

Dù đã mất hàng giờ, hàng ngày xem Jacob vẽ, pha màu, và phết chúng lên tường, Vladislav biết rõ rằng ông không bao giờ có thể làm được như thế. Ông không hiểu được làm thế nào mà anh chàng Do Thái này có thể sáng tạo được một khoảng trời trong vắt và những trang phục với màu sắc rực rỡ huy hoàng đến thế... Vải nhung trong trang phục của đức vua trông như thật, đến mức muốn sờ tay vào.

Chính Vladislav đã từng vẽ dung mạo của vua. Bất hạnh thay, bức họa chẳng đạt. Đường nét cứng đờ, không một chút tinh thần, đôi mắt thì lơ đãng.

- Hôm nay anh làm chẳng được bao nhiêu, ông chủ trách Jacob. Ông ta không bao giờ khen anh.

- Giá mà anh có thể vẽ mặt các thiên thần, Vladislav nói, nửa nài nỉ, nửa ra lệnh.

- Không, thưa ông chủ. Tôi đã nói ngay từ đầu rồi, tôi không thể vẽ mặt các thiên thần, cũng như mặt các thánh.

- Vậy thì ít nhất cũng vẽ cánh họ vậy.

- Đồng ý, tôi sẽ vẽ cánh, rốt cục Jacob nhận lời. Nhưng như thế tôi đã phạm vào các giới luật của chúng tôi. Tôi không được phép vẽ ngay cả các con vật.

- Ngay cả sư tử nữa sao? Tôi đã thấy hình những con sư tử trong sách của các anh, ông chủ nhận xét.

- Đúng, chúng tôi có thể vẽ sư tử. Jacob bắt đầu dĩ thừa nhận.

Anh không thích tranh luận về những gì anh có thể và không thể vẽ. Anh đã bắt đầu vẽ từ khi còn bé tí. Trước tiên là nhà cửa, rồi cây cối.

Một bữa, khi còn là một cậu bé, anh vẽ một con mèo ngồi trên hàng giậu. Anh chạy vào khoe cha.

- Ném cái này đi. Con không biết chúng ta không được quyền vẽ những sinh vật sống hay sao?

- Điều đó có được ghi ở đâu đó không? Jacob hỏi.

- Chắc chắn là có! Nếu không, tại sao lại bị cấm? Người cha nói, ngạc nhiên vì câu hỏi của con.

- Con sẽ hỏi thầy giáo của con xem sao, Jacob quyết định.

Thấy mặt cha sầm lại, anh lại nói thêm:

- Thầy vẫn thường khuyến khích chúng con đặt ra những câu hỏi.

Hôm sau anh hỏi thầy giáo tại sao anh không được vẽ con mèo.

- Vì việc đó làm mất thì giờ lẽ ra có thể dành cho việc đọc sách của các bậc thánh hiền.

Jacob không thỏa mãn với câu trả lời ấy.

- Nhưng nếu con vẽ con mèo, ngồi trên hàng giậu, đang rình chim chóc?

- Vì sao con muốn vẽ nó?

Jacob suy nghĩ, rồi trả lời:

- Để làm cho giây phút ấy hóa thành vĩnh cửu.

- Chỉ có Đấng Tối cao là vĩnh cửu. Người đã tạo ra thế giới này, nơi tất cả đều là phù du.

- Trừ lời nói, Efraêm, bạn đồng môn của Jacob nói. Lời nói cũng vĩnh cửu.

- Phải, đúng thế, thầy giáo vội vã thừa nhận.

Thật ra, thầy sợ Efraêm. Đó là cháu của Shabataê ben Meir, đại giáo trưởng một thành phố của xứ Morave. Ông thầy nghĩ cậu ta được thừa hưởng sự khôn ngoan của bác mình.

Một cậu học trò khác, Joseph, quay về phía Jacob.

- Cậu cần gì phải vẽ con mèo, cậu có thể mô tả nó.

“Nhưng làm sao thể hiện được bộ lông con mèo đang lấp lánh dưới ánh mặt trời, cặp mắt lim dim như ngái ngủ, bóng cây trên hàng giậu...,” Jacob tự nhủ.

- Nếu cậu vẽ con mèo, nó sẽ trở về trong giấc mơ của cậu, nó sẽ cào cậu, Efraêm tuyên bố. Với tư cách là cháu của vị giáo trưởng thông thái, cậu ta luôn luôn tin rằng mình biết nhiều hơn tất cả những người khác.

Ý tưởng ấy thu hút sự chú ý của Jacob. Phải chăng điều đó có nghĩa là: Nếu anh vẽ các thiên thần thì họ sẽ trở về trong những giấc mơ của anh? Khuôn mặt họ thế nào? Có lẽ giống gương mặt mẹ anh chăng?

Anh thôi không vẽ cây với súc vật nữa mà bí mật vẽ người.

Một bận, Jacob vẽ mẹ, đang bế trên đầu gối em gái nhỏ của anh. Chính anh cũng ngạc nhiên là mình đã nắm bắt được vẻ đẹp của khuôn mặt mẹ, nét mặt nhân từ, đang âu yếm nhìn cô con gái nhỏ bú bầm trên đầu gối. Anh vội vã khoe với cha mẹ.

- Đẹp làm sao! Bà mẹ hào hứng kêu khẽ.

Trái lại, người cha sững sờ.

- Ôi, Chúa tội! Chúa trừng người phạt con vì tội gì? Vì đâu con trai con lại vô tình đến nỗi đánh cắp cả linh hồn của mẹ nó và em nó?

- Nhưng, thưa cha, con chỉ muốn gương mặt đẹp đẻ của mẹ và em gái được trường tồn mãi mãi.

- Không có gì có thể còn mãi! Ông bố tuyệt vọng kêu lên.

- Thưa cha, con đã được trông thấy các bức tranh... Jacob chưa nói hết câu.

Anh không thể thú nhận với cha mẹ anh đã nhiều lần rời ghetto, tới thăm các nhà thờ của những người vô đạo. Những bức tranh trông thấy ở đấy đã khắc sâu vào tâm trí anh.

- Hãy vứt ngay bức vẽ này vào trong lò! Người cha ra lệnh.

- Khoan đã, bà mẹ ngăn lại. Trước tiên ta hãy xin lời khuyên của giáo trưởng.

Tim Jacob thất lại vì một linh cảm u ám. Giáo trưởng không ưa gì anh. Jacob hay đặt cho ông những câu hỏi quá phức tạp.

Một giờ sau, người cha trở về.

- Giáo trưởng bảo không nên đốt bức vẽ để không làm tổn hại đến các linh hồn. Jacob phải chôn nó xuống đất, như thế linh hồn sẽ còn quay về với những người sống. Hãy chôn bức vẽ của con, ông ra lệnh cho Jacob.

Jacob cầm bức vẽ, đi ra vườn sau nhà. Anh đào một cái hố, nhìn tác phẩm của mình lần cuối trước khi chôn. Bỗng chốc, anh không thể tiếp tục được nữa. Bàn tay không tuân theo ý anh. Cổ họng thắt lại. Anh tự nhủ: Người đàn bà bị người ta chôn con mình chắc cũng cảm thấy như thế.

Anh đứng sững trên miệng hố. Dần dần, sức lực trở lại. Anh cúi xuống, đặt bức vẽ xuống hố. Bỗng, một trận cuồng phong giạt lấy bức vẽ trên tay anh. Trong một lúc, bụi bịt chặt mồm, mũi, mắt, khiến anh không trông thấy gì hết.

Cuối cùng, sau khi dụi mắt, Jacob nhìn vào đáy hố, nhưng bức tranh không có ở đó. Khắp nơi trong vườn cũng không. Nhìn lên trời cũng không nốt. Bức tranh đã biến mất.

Jacob vào nhà, kể lại chuyện này với cha.

- Con kể cho ta nghe chuyện gì vậy? Người cha nổi cáu. Gió nào? Ta không thấy đến một chiếc lá động đập trên cây cối trước nhà.

- Cha ơi, cha không tin con sao? Jacob hỏi, bối rối.

- Xung quanh lặng ngắt, không có gió. Con nói dối!

- Có lẽ con nó không nói dối đâu, bà mẹ bênh con. Có thể có một lúc nó bị chìm vào một giấc mơ và...

- Cái đó cũng không tha thứ được. Sách vở của các bậc hiền triết đã dạy: Mơ mộng lắm chỉ đem đến cho ta những ảo ảnh phù du và những lời nói trống rỗng.

Jacob mở miệng định giải thích: Chính vì lẽ đó mà anh vẽ, để thách thức cái phù du và những lời trống rỗng. Nhưng ánh mắt anh gặp cái nhìn van xin của mẹ. Vì thế anh đành cúi đầu, im lặng.

- Tốt nhất cho chúng ta là con hãy đi khỏi nhà, người cha chậm rãi nói, sau một lúc im lặng.

- Cha đuổi con sao?

- Không, ta không đuổi. Giáo trưởng đã khuyên ta như thế.

Jacob nhìn mẹ.

- Cả cha lẫn mẹ đều rất yêu con, bà mẹ nói, nuốt nước mắt. Nhưng con khác người quá. Chúa ban cho con tài năng để làm những việc mà luật của Người đã cấm. Trong ghetto, chẳng ai hiểu ra sao cả. Có thể ở nơi khác con sẽ khám phá ra tại sao lại như thế.

Jacob không thể hiểu được: Bà mẹ rất mực yêu quý của anh cũng muốn anh đi sao?

Như đọc được ý nghĩ của anh, bà mẹ nói:

- Bây giờ ai cũng sợ con. Thậm chí cả giáo trưởng.

- Giáo trưởng sợ con ư? Tại sao?

- Ông ấy sợ con vẽ ông. Ông tin rằng nếu sau đó con vút bức vẽ đi thì ông sẽ gặp điều chẳng lành.

- Mẹ ơi, cha ơi, đó chỉ là những điều mê tí dị đoan cổ lỗ! Jacob kêu lên. Làm sao mà một người thông thái như giáo trưởng có thể...

- Đúng là giáo trưởng đã học trong trường dành cho các giáo trưởng, nhưng như thế không có nghĩa là ông thông thái, bà mẹ thở dài.

- Đó là giáo trưởng của chúng ta và chúng ta không có ai khác, người cha nói khô khan.

Jacob nhận thấy anh có thể trở thành nguồn cơn của những cãi cọ của cha mẹ. Anh không thể chịu nổi nếu cha mẹ vì anh mà buồn khổ.

- Được, cha ạ, con sẽ đi, anh nghiêng răng nói.

Anh cảm thấy cô độc và bị ruồng bỏ, chỉ vì anh biết vẽ thứ mà Đấng Tối cao đã tạo ra.

Jacob không muốn mang theo gì cả. Anh vừa đến hàng rào thì người đầy tớ gái đuổi kịp.

- Cậu hãy cầm lấy cái này, của bà gửi cho cậu đấy. Cô ta đưa cho anh một gói nhỏ rồi chạy vào nhà.

Ra khỏi thành phố, Jacob ngồi xuống cỏ, mở cái gói ra. Trong gói là một quyển sách in những bốn kinh cầu nguyện trong các ngày lễ hội, gọi là Mahzor. Trang nào cũng đầy những hình minh họa màu sắc về cây cối, súc vật và cả những hình phụ nữ hở hang.

Làm thế nào mà quyển Mahzor này lại rơi vào tay mẹ. Tại sao bà không bao giờ đả động tới nó? Jacob hiểu sẽ chẳng bao giờ anh biết được điều đó.

Trong hai năm, anh đi dọc ngang từ thành phố này đến thành phố nọ. Anh thường phải giấu mình, phải nhịn đói đi ngủ. Anh sống bằng cách vẽ lật vật và sửa tranh.

Một hôm, trong một nhà thờ, anh có dịp hoàn tất bức tranh của một họa sĩ đã say xỉn đến nỗi không đứng được nữa. Nhà thờ này ở trong một thành phố Tiệp, nơi Vladislav có xưởng vẽ. Người họa sĩ kia làm công cho ông ta. Vladislav sợ rằng bức tranh không thể hoàn thành đúng thời hạn. Jacob đã giúp ông một việc quan trọng, thêm nữa, anh tỏ ra rất có năng khiếu. Vladislav đề nghị anh ở lại làm việc cho ông ta. Jacob nhận lời với điều kiện anh vẫn được tuân thủ những quy tắc và luật lệ Do Thái. Họ ký một thỏa ước. Chính xác là Jacob thảo ra bản hợp đồng vì Vladislav không biết đọc, biết viết. Ông ta chỉ biết đọc có hai chữ cái đầu tên mình nhưng không bao giờ quên áp triện phía dưới những bức tranh do những người làm công vẽ.

- Tôi muốn nhắc anh là toàn bộ bức tường phải xong vào thứ hai, kể cả các thiên thần. Phải vẽ cả mặt các thiên thần... Vladislav nói nghiêm khắc.

- Nhưng thưa ông chủ, theo thỏa thuận của chúng ta... Jacob bắt đầu.

- Tôi biết. Nhưng, ngày thứ hai tôi có một cuộc hẹn quan trọng và tôi muốn mọi thứ phải xong.

- Ai sẽ đến?

- Những người lạ. Rất giàu.

- Nhưng, về mặt các thiên thần...

- Anh phải chọn: Hoặc thứ hai anh phải làm cho xong toàn bộ bức tường với các thiên thần cùng khuôn mặt họ, hoặc anh đừng quay lại nữa. Anh có thể mừng lễ shabbat của anh bất kể ngày nào, miễn là phải cách xa, rất xa nơi này. Nếu ta lại trông thấy anh, nếu ta phát hiện ra anh ở cái xó xỉnh nào đấy, ta sẽ tố cáo anh là Do Thái, hơn nữa còn thông đồng với những lực lượng thần bí. Mọi người sẽ tin ta: Anh không thể vẽ đẹp như thế nếu không được quý giúp.

- Ngày nay người ta không còn nhiều thành kiến như trước, không còn tin con người có thể liên kết với quý. Những giàn thiêu không còn nữa, Jacob nói.

- Với một tên Do Thái thì người ta luôn luôn tìm được một giàn thiêu, lão chủ trả lời lạnh tanh.

Trong suốt thời gian của lễ shabbat, Jacob suy nghĩ đến cái sẽ chờ anh vào ngày chủ nhật tiếp theo. Anh giở đi giở lại quyển Mahzor, ngắm nghía gương mặt những người đàn bà hở hang. Người nào vẽ minh họa cho quyển sách này? Một người Do Thái chăng? Làm sao anh ta dám vẽ những người đàn bà hở hang trong một cuốn sách kinh cầu nguyện?

Lễ shabbat gần kết thúc. Jacob càng lúc càng thấy sức nặng của quyết định: Anh sẽ vẽ mặt người hay không?

Jacob ra khỏi nhà trọ, nơi anh thuê phòng.

- Lạy Chúa, hãy giúp con. Con biết làm gì với cái tài mà người đã ban cho con? Anh nói với trời đêm.

Anh xin các vì sao cho anh một tín hiệu. Nếu một vì sao chột tắt đi, anh biết sẽ phải ngừng vẽ. Nếu một vì sao bắt đầu lung linh, anh có thể vẽ mặt người.

Nhưng các vì sao lấp lánh trên bầu trời không một chút đổi thay. Chúng

không muốn cho anh lời khuyên. Đấng Tạo hoá không muốn giải thoát cho anh trách nhiệm với quyết định của mình.

Jacob quay về phòng, nằm dài trên giường. Một mỗi, anh ngủ thiếp đi. Anh mơ có ai gõ cửa và đâm sợ: Có lẽ Vladislav đã tố giác và người ta đang đến tìm anh. Anh không có quyền sống ngoài ghetto, cũng như không có quyền làm việc nếu không được cho phép đặc biệt.

- Jacob, mở cửa ra! Ta đây! Tiếng Vladislav vang lên.

Anh ngồi dậy và vội vã ra mở cửa. Sau lưng Vladislav là hai người đàn ông Jacob chưa từng trông thấy.

- Xin chào. Cho phép tôi tự giới thiệu: Tôi là Franois Van Bijlert, một người nói. Đó là một người điển trai, có giọng nói lạ lùng. Tôi là bà con xa của ông chủ Rembrandt, anh ta nói thêm.

Jacob tròn mắt kinh ngạc.

- Anh biết Rembrandt ư? Vladislav hỏi.

Jacob đã nghe người Do Thái ở Amsterdam nói nhiều đến Rembrandt, nhưng anh chưa bao giờ được thấy tác phẩm của ông.

- Và đây là một người bạn và người hâm mộ Rembrandt, người kia giới thiệu bạn đồng hành, vốn nhiều tuổi hơn, dáng vẻ đỉnh đạc.

- Rembrandt đang ốm nặng, người nhiều tuổi tuyên bố. Cuộc sống của ông tính từng ngày. Nhưng, trước khi chết, ông muốn biết ai là tác giả bức họa gió đã mang đến phòng ông qua cửa sổ mở rộng. Ông nghĩ người họa sĩ nhút nhát đó vào một ngày nào đó đã ra hiệu cho ông và ông vui mừng được làm quen với anh ta. Nhưng không có ai từng tiếp xúc với anh ta và không ai biết tác giả của bức họa tuyệt đẹp đó. Tôi quyết định sẽ cố thỏa mãn nguyện vọng của ông.

Người ấy thận trọng lấy trong túi ra một bức tranh. Franois Van Bijlert cầm cây đèn nến trên bàn, soi lại gần. Đúng là bức tranh mà lẽ ra Jacob đã phải đem chôn trong vườn mấy năm trước.

- Đây là mẹ tôi... Jacob lắp bắp. Và em gái nhỏ của tôi.

- Anh đã ở Hà Lan à? Vladislav giật nảy người. Anh chẳng bao giờ nói với ta về chuyện này.

- Không, tôi chưa bao giờ đến đó. Gió đã mang bức vẽ đến.

Vladislav cười khẩy châm biếm. Hai người lạ nhìn nhau.

- Tôi đã nói với các ông rồi, đừng mất công đến đây. Anh ta không bao giờ vẽ mặt người. Hưộm đã...

Ông ta nhìn lại bức tranh rồi vỗ trán:

- Phải rồi! Đúng rồi! Tôi nhớ ra rồi. Chính tôi đã vẽ bức họa ấy. Tôi quên khuấy đi mất. Lâu quá rồi...

- Được, người đứng tuổi ngắt lời ông ta. Chúng tôi sẽ còn ở lại đây một hai ngày nữa.

Ông quay về phía Jacob.

- Hãy cho chúng tôi xem những bức tranh của anh. Chúng tôi sẽ thấy ngay bức tranh kia có phải do chính tay anh vẽ không.

- Tôi không có gì ở đây cả, Jacob nói nhẹ nhàng. Chỉ có những tranh tường trong lâu đài.

- Nhưng các ông đã xem chúng rồi mà, Vladislav vội xen vào. Anh ta không biết vẽ ngay cả mặt thiên thần. Làm sao anh ta có thể vẽ được một người đàn bà đẹp đến thế, sinh động đến thế? Còn tôi...

- Chúng tôi đã xem tranh của ông rồi, người lạ mặt nói với Vladislav, hơi sốt ruột.

- Tôi có thể đưa các ông xem những bức khác. Tôi đã vẽ nhiều mặt người trên tường lâu đài...

- Đồng ý, chúng tôi sẽ xem lại tất cả, vào thứ hai, Francois Van Bijlert nói dần hòa.

“Một giấc mơ lạ lùng,” Jacob nghĩ, khi tỉnh dậy vào ngày hôm sau.

Rồi anh tự nhủ, đó là tín hiệu từ Chúa mà anh đang chờ đợi. Anh đến lâu đài và làm việc suốt ngày, không có một lúc nào ngừng. Anh không nhìn gì cả, không thấy ai quanh mình, trừ gương mặt dễ thương của các thiên thần với đôi mắt ngây thơ và tinh nghịch mà anh đang vẽ trên tường.

Anh làm việc đến khuya, ngủ ngay tại chỗ và dậy rất sớm để sáng sớm hôm sau hoàn thành tác phẩm.

- Anh đã thuyết phục được chúng tôi, Jacob, một tiếng nói cất lên sau anh, vào lúc chập tối đúng lúc anh vừa vẽ xong những nét cuối cùng.

Anh ngoái lại, thấy hai người lạ trong giấc mộng.

- Các ông là người thực ư? Các ông không phải là sứ giả của Chúa trong giấc mơ của tôi sao? Các ông không phải đã đến để cho tôi biết tôi có thể vẽ mặt các thiên thần sao?

- Không, chúng tôi là người thực. Chúng tôi đến đây để hỏi xem anh có muốn trở thành học trò của thầy Rembrandt không.

Cho đến tận ngày nay, chúng ta vẫn có dịp trông thấy trong các bảo tàng và phòng tranh nghệ thuật các bức họa tuyệt đẹp, ký tên đơn giản: Vô danh, thuộc trường phái Rembrandt. Trong số đó có những bức họa do Jacob vẽ.

Đến nay, các chuyên gia về nghệ thuật tạo hình đã nghiên cứu bức tranh “Chân dung gia đình” của Rembrandt. Không ai có thể biết nguyên mẫu của người đàn bà tuyệt đẹp với đứa con gái nhỏ trên đầu gối. Và người ta còn kể lại một chuyện thật là khó tin: Hình như nguyên mẫu của tác phẩm này là một bức họa nhỏ, một hôm được gió mang đến qua cửa sổ để mở tại nhà một trong những danh họa vĩ đại nhất trong lịch sử.

Mặc cả với thần chết

NĂM ẤY, THÁNG BA MANG ĐẾN PRAGUE luồng gió ẩm và lạnh. Phố xá Do Thái vắng ngắt. Đã quá nửa đêm. Qua cửa sổ nhà giáo trưởng Lôw, đã 80 tuổi, ngọn nến lung linh. Giáo trưởng thích làm việc vào ban đêm, thời điểm ông có thể tập trung vào những trang viết và suy tư của mình. Ông chuẩn bị bút, viết dòng đầu tiên, chợt ánh lửa rung rinh và ngọn nến tắt.

- Có ai đó chẳng? Giáo trưởng hỏi và quay về phía cửa. Từ bóng đêm một giọng nói lạ cất lên:

- Ta đây, thần chết đây. Ta đến tìm ông.

- Đến mà không báo trước, chẳng lịch sự chút nào. Hơn nữa, người đã làm tắt nến của ta, giáo trưởng trả lời điềm tĩnh.

- Ta không nghĩ một người vào tuổi ông và uyên bác như thế lại cần phải báo trước. Ông không đợi ta sao? Ông không bao giờ nghĩ ta có thể đến tìm ông ư?

- Chắc chắn là có. Nhưng việc người đến chẳng có gì liên quan gì đến tuổi tác và sự thông tuệ. Còn chuyện đôi khi nghĩ đến cái chết là thông thường đối với mọi người. Tuy nhiên, ta nghĩ rằng người phải báo trước cho người ta. Để tránh cho họ những dự án không thực hiện được, hay những bốn phận phải gác lại sau. Ta chẳng hạn, người đến chớp lấy ta bất thần giữa lúc ta đang làm việc.

- Ông cần bao nhiêu thời gian để hoàn thành công việc, thần chết do dự.

- Một hay hai năm. Ta đang tập hợp những nghiên cứu cho cuốn sách thứ ba của ta về mối liên hệ giữa kỷ hà học, thần bí học, nghi lễ học và triết học... Ta định viết sáu cuốn sách, như sáu mặt của một hình lập phương tượng trưng cho sự toàn vẹn. Sáu cuốn sách đó dành cho sáu lễ hội quan trọng nhất trong năm của lịch Do Thái. Ta muốn rằng...

Thần chết ngắt lời:

- Ông nghĩ hai năm có đủ không?

- Ta không thể nói chính xác bây giờ. Ta chỉ yêu cầu người đừng quấy rầy ta. Người đã làm đứt đoạn dòng suy nghĩ của ta. Người có thể lùi cuộc thăm viếng của người lại sau được không?

- Về nguyên tắc thì có thể được. Nhưng ta phải đem đi một người khác thay thế ông. Ông có thể giới thiệu cho ta ai đó không?

- Không, giáo trưởng trả lời cương quyết. Ta chỉ muốn có đủ thì giờ hoàn tất tác phẩm.

- Ông nói chuyện với ai thế, ông nội? Jaêra mở cửa, hỏi.

Jaêra là cháu gái nhỏ của giáo trưởng Lôw. Cô bé sống với ông để chăm sóc ông.

- Ôi, ở đây lạnh quá. Cháu sẽ nhóm lửa và thắp lại nến nhé. Ông còn muốn làm việc nữa phải không? Jaêra nói trước khi đi ra.

Dọc tường, cái bóng động đậy.

- Thấy cháu gái của ông, ta quyết định...

- Không được đụng đến Jaêra! Giáo trưởng Lôw kêu lên.

- Ông ơi, sao ông phải kêu như thế? Jaêra bắn khoản lại hiện ra trong khung cửa. Không có việc gì chứ ạ? Ông phải đi ngủ đi chứ?

- Không, không, ông không thể đi ngủ bây giờ.

- Tại sao ạ? Khuya rồi.

- Nếu đi ngủ thì có thể ông sẽ không dậy được nữa, giáo trưởng mỉm cười.

Jaêra thắp nến, quay về phía ông.

- Ông đừng nói thế, cô bé cần nhân, như thế ông là một đứa trẻ chứ không phải là một nhà bác học danh tiếng. Ông còn cả một công trình lớn trước mắt. Ông phải hoàn thành nó vì tất cả chúng cháu.

Giáo trưởng nhìn về bức phía tường, chỗ thần chết vừa đứng. Ông muốn biết hẳn ta có nghe thấy lời cô cháu gái không. Ngay một đứa bé gái cũng hiểu là giáo trưởng chưa thể đi vào giấc ngủ ngàn năm.

Cái bóng động đậy, tiến lại gần giáo trưởng. Ngọn nến rung lên một lần nữa.

- Hôm nay ở đây xảy ra chuyện gì thế nhỉ? Jaëra ngạc nhiên. Luồng gió này từ đâu ra?

- Đừng sợ, cháu gái ông ta không quan tâm, thần chết thì thầm bên tai giáo trưởng. Ta đã nói, hôm nay ta phải mang đi một người quan trọng, người đó không thể là một phụ nữ, càng không thể là một đứa bé gái!

- Người nhầm đấy. Trong những năm nghiên cứu và suy ngẫm, ta đã hiểu ra rằng người đàn bà tầm thường nhất cũng quan trọng đối với cuộc sống hơn một người đàn ông. Không thể tại sao Chúa lại ban cho họ tặng phẩm chủ yếu nhất, thứ người đã từ chối không ban tặng cho đàn ông chúng ta. Đàn bà biết cái bí mật lớn nhất của vũ trụ: Tạo ra con người. Tiếc rằng ta hiểu điều này quá trễ.

- Ông không nên báng bổ, thần chết khuyên can. Không được quên cảm ơn Chúa đã không sinh ra làm giống cái. Đó là lời cầu nguyện hàng ngày của người đàn ông.

- Ta không quên. Nhưng ta thích nói đến cái mâu thuẫn đó với người đã viết ra những lời cầu nguyện của chúng ta, giáo trưởng thú nhận.

- Vậy hãy đi với tôi. Ông sẽ được gặp người ấy, thần chết đáp trả.

- Ta đã bảo với người ta còn phải làm xong việc của mình nữa. Sau đó, còn nhiều vấn đề khác. Người không biết mỗi vấn đề lại kéo theo hàng nghìn vấn đề khác sao? Mỗi khám phá lại dẫn đến những bí mật khác. Nhìn kia, bà vợ Perle của ta đã sinh ra đời năm đứa con. Ta, mù quáng vì lòng kiêu hãnh của một nhà thông thái, ta cũng cố gắng tạo ra một con người. Kết quả ra

sao? Một golem. Dù với tất cả sức mạnh của đất sét, làm sao có thể so sánh nó với một con người thật, do vợ ta sinh ra? Người giàu nhất trong tất cả những người đàn ông phải chăng còn nghèo hơn người mẹ nghèo nhất? Hãy xem Meisl kia. Ông ta có rất nhiều cửa cải nhưng không bao giờ có cơ hội có được những đứa con. Có đáng phàn nàn không?

- Đó là một ý hay, thần chết khoái chí. Cảm ơn về lời khuyên. Ta sẽ mang đi bạn ông Mordechaê Meisl.

- Khoan đã, giáo trưởng phản bác. Người không thể...

- Hãy bình tĩnh nào, ta có thể...

Thần chết không hiểu giáo trưởng muốn nói gì. Các thần không hiểu rằng một từ thường có nhiều nghĩa.

- Ta sẽ đợi ông thêm bốn năm nữa. Cái bóng lấm bầm trước khi tan biến đi.

- Tốt, không khí ấm lên rồi, Jaêra nói trong lúc thối bếp lò.

Giáo trưởng lại làm việc. Nhưng ông không thể tập trung tư tưởng. Ông chỉ viết được mấy dòng, rồi ghi ngày tháng: 15 adar 5361. Ông tự nhủ rằng phải đi ngủ thôi.

Lát sau, ông thức giấc vì có ai gõ cửa.

- Ông ơi, ông ngủ đấy à? Jaêra hỏi, nhẹ nhàng bước vào phòng.

Giáo trưởng Lôw thấy mắt cô bé đỏ quạch. Ông cảm thấy mình có lỗi. Vì ông mà cô cháu gái gần như không ngủ.

Chợt một giọt nước mắt của Jaêra trào ra.

- Ông ơi, rạng sáng nay, ông Mordechaê Meisl đã chết rồi.

Giáo trưởng Lôw đang chọn lựa các bản thảo và sách. Việc này chiếm của ông cả ngày. Mặt trời lặn đúng lúc ông ngồi vào bàn làm việc. Ông bắt đầu viết ngày tháng: 25 nisan 5365.

Thình lình, ông cảm thấy một luồng không khí lạnh giá khó chịu.

- Thế nào, giáo trưởng, ông sẵn sàng chưa? Một tiếng nói cất lên trong phòng.

- Sao sớm thế?

- Sao, sớm quá à? Bốn năm đã qua.

Một lần nữa, thần chết không hiểu giáo trưởng nghĩ gì trong đầu. Giáo trưởng giải thích:

- Ta tưởng các thiên thần sẽ đến thăm người ta vào ban đêm, trong bóng tối.

- Ta là thần chết. Ta đến thăm người ta bất kể lúc nào ta muốn. Đúng là ta thường đến vào ban đêm. Nhưng với ông thì hơi khác: Ta nghĩ trước khi ra đi về nơi vĩnh hằng, ông muốn nói một đôi lời.

- Để lần khác, giáo trưởng Lôw trả lời không nề nang. Ta còn làm việc.

- Xin lỗi? Ông quên mất thỏa thuận của chúng ta rồi à?

- Người diễn đạt không chính xác, giáo trưởng nhận xét. Chúng ta chưa hề thỏa thuận gì với nhau. Người chỉ nói với ta đơn giản là người sẽ quay lại tìm ta bốn năm sau. Người không hỏi xem ta có đồng ý không, về việc đó cũng như việc người mang đi ông bạn Mordechaê Meisl của ta.

- Chúng ta sẽ không tranh luận về chuyện của bốn năm trước, thần chết phản bác khô khan. Ông sẽ đi với ta, chấm hết.

- Người không thể lùi ngày ra đi của ta một chút được sao? Giáo trưởng điềm tĩnh hỏi.

- Nếu ta tìm được một người cũng quan trọng như ông, ông có thể tiếp tục công việc một thời gian nữa.

- Không, dựa trên kinh nghiệm với Meisl, người sẽ không nghe thấy một cái tên nào từ miệng của ta, giáo trưởng nói, kiên quyết.

- Vậy thì thân kệ. Ta đã cho ông bốn năm để hoàn tất công việc, bây giờ ông phải đi với ta.

- Nhưng ta chưa thể làm xong việc! Người biết rất rõ rằng khu Do Thái đã trải qua những thời kỳ vô cùng khó khăn. Nguy cơ bị đuổi ám ảnh dân chúng của ghetto hơn bao giờ hết. Ta không thể tập trung vào công việc. Ta phải tập hợp các đồng đạo trong nhà thờ, nói chuyện để trả lại cho họ lòng can đảm. Ta đấu tranh để xuất bản tác phẩm của nhà thơ nữ Rébecca Tiktiner, một phụ nữ kỳ lạ, đã giúp ta trấn an cơn hoảng loạn và tuyệt vọng của dân chúng. Ít nhà văn biết mô tả một cách đúng đắn và sáng suốt đến thế lòng dũng cảm và nhân cách chúng ta cần phải tỏ rõ để chịu đựng bất hạnh của chúng ta và để không cho nỗi tủi nhục đánh gục, giáo trưởng nói tiếp, chìm đắm trong phiền muộn.

- Ông có thêm bốn năm nữa, thần chết kêu lên, cười khẩy khó chịu và biến mất.

Giáo trưởng kinh sợ nhận ra điều mình vừa phạm phải. Không chậm trễ, ông chạy đến nhà của giáo trưởng Meir Tiktiner. Vợ giáo trưởng, mẹ của nữ thi sĩ trẻ Rébecca Tiktiner, đón ông, nước mắt giàn giụa.

- Ôi, giáo trưởng, con gái chúng tôi, con bé Rébecca dũng cảm, vừa mới qua đời!

Giáo trưởng thở dài tuyệt vọng. Ông càng nỗ lực để xuất bản tác phẩm của Rébecca Tiktiner. Các nhà xuất bản của ghetto chống lại điều đó vì Rébecca là phụ nữ, nhưng, cuối cùng, giáo trưởng cũng thuyết phục được họ. Trong cuốn sách suy ngẫm về phụ nữ, ông dành những lời bày tỏ lòng khâm phục đối với Rébecca. Giáo trưởng đã làm việc cật lực.

Một ngày, ngày 18 elul 5369, tức 15 tháng 9 năm 1609 theo lịch của những người Thiên chúa, một luồng khí lạnh ào vào trong phòng, thổi bay giấy tờ trên bàn của ông.

- Người đến tìm ta? Giáo trưởng hỏi ngay. Ta đợi người đã ba tháng rồi, kể từ hôm người ta làm lễ kỷ niệm lần thứ tư ngày mất của nữ thi sĩ Rébecca Tiktiner.

- Ta biết ông sẽ lại yêu cầu ta cho lùi ngày ra đi của ông, vì ta hiểu tất cả những khó khăn, vất vả ông khoác vào mình để lưu hành cho được tác phẩm của Rébecca Tiktiner. Nhưng ông không nên nghĩ rằng cái kiểu mặc cả ấy là cái gì thông thường trong công việc của ta. Trái lại, ông sẽ ngạc nhiên về con số những người gọi ta, những người muốn và sẵn sàng ra đi. Và ta không thể cho bất kỳ ai những gia hạn rất hiếm hoi, chỉ có trong những trường hợp cá biệt như của ông. Ta biết ông còn rất nhiều công việc và bốn phận, vì thế ta đã suy nghĩ xem sẽ mang ai đi thay ông.

- Người có thể cho ta biết là ai không?

- Sao không... Nếu ông muốn ta đẩy lùi ngày ra đi của ông, ta sẽ mang theo hoàng đế Rodolphe II.

Giáo trưởng không trả lời ngay. Im lặng nặng nề.

- Tại sao ông không trả lời ngay? Thần chết ngạc nhiên. Điều này không hợp ý ông sao? Rodolphe II chẳng phải bạn ông, chẳng phải nhà thơ, cũng chẳng phải nữ sĩ có tài, hay đồng đạo của ông. Những quan lại thối nát của ông ta còn không ngừng làm nhục dân tộc ông và lạm dụng uy quyền của ông ta. Đã nghĩ ông sẽ đồng ý và tán dương quyết định của ta. Ta nhầm chăng?

- Phải, sự lựa chọn của người không hợp ý ta lắm, vì, khác với nhiều lãnh chúa khác, hoàng đế Rodolphe II không giống một chiến binh hay một kẻ xâm lược hòng mở rộng bờ cõi vương quốc. Ông có tâm hồn của một nghệ sĩ. Ông không muốn chiếm đoạt những lãnh thổ khác, mà chỉ mong phát triển khoa học. Ông không muốn chứng tỏ sự hùng mạnh và cường thịnh của mình bằng cách áp bức kẻ yếu, cũng không muốn tàn sát dân lành không có khả năng tự vệ.

- Giáo trưởng, có chắc chắn là ông không muốn ta mang hoàng đế đi thế chỗ của ông không?

- Ta tuyệt đối tin rằng ngày nào Rodolphe II còn sống thì dân tộc ta, các nhà bác học, các nghệ sĩ còn có hy vọng được sống.

Thần chết hoang mang vì thái độ của giáo trưởng.

- Ông thực sự không muốn lui lại ngày ra đi của ông sao?

- Để tổn hại đến một người còn có thể làm được nhiều việc cho nghệ thuật và khoa học ư? Con người ta đi qua cuộc đời, có gì còn lại ngoài tư tưởng, nghệ thuật và văn chương của họ? Ta không bao giờ mong lui ngày ra đi của ta đến nơi chốn vĩnh hằng để mà gây tổn hại tới người khác.

- Giáo trưởng, có thể ông sẽ thay đổi ý kiến nếu ta tiết lộ cho ông hay, theo danh sách của ta, sáu tháng nữa, bằng giá nào ta cũng sẽ mang hoàng đế Rodolphe II đi, thần chết nói, rất tự tin.

- Trong trường hợp đó, ta sẽ đề nghị một thời hạn hoãn...

- Ông thấy đấy, thần chết khoái chí, hẳn đã quen với những vụ trì hoãn của giáo trưởng rồi. Ông đã đồng ý với quyết định của ta. Giờ ta có thể đi tìm hoàng đế. Hẳn vội vã định đi.

- Khoan, giáo trưởng mỉm cười nói. Ta không yêu cầu người gia hạn cho ta, mà cho Rodolphe II. Bốn năm, như ta đã được hưởng.

- Một sự gia hạn cho hoàng đế? À, không, không thể được. Ông không thể hiểu những người kế vị ông ta nôn nóng đến thế nào! Điều đó có thể kết thúc bằng một cuộc mưu sát. Trên thế giới đã có nhiều cuộc mưu sát vua. Ta chẳng thích kiểu đó chút nào.

- Vậy thì, ba năm...

- Hai năm, không thêm một tháng.

- Hai năm rưỡi. Đồng ý đi!

Cuối cùng thần chết ưng thuận.

Hắn thở dài:

- Mặc cả gì mà kỳ lạ! Cứ như ở ngoài chợ. Được, đồng ý. Hai năm rưỡi nữa, ta sẽ trở lại tìm hoàng đế Rodolphe II. Ông bằng lòng chưa?

- Phải, ta bằng lòng, giáo trưởng trả lời, nhếch mép cười.

Rồi ông đứng lên.

- Ta đã sẵn sàng, ông tuyên bố.

- Ông phải nằm dài ra, thần chết buồn bã nói.

Nhiều năm tiếp xúc với người trần, hắn đã biết đến lòng trắc ẩn.

Đại giáo trưởng Lôw 89 tuổi, nằm dài trên giường, lặng lẽ nguyện cầu.

- Ông ơi, ông không được khoẻ à? Cô cháu Jaêra, đứng trên bậu cửa, lo ngại hỏi.

- Không, không, cháu yêu quý a, ông khỏe hơn bao giờ hết. Đừng lo lắng gì cả. Ông chỉ ngã lưng một chút thôi, giáo trưởng nói để cô cháu yên lòng.

Jaêra vỗ lại gối cho ông và nhón chân đi ra.

Thần chết khẽ mở miệng ông, nhẹ nhàng rút lấy hơi thở của sự sống. Linh hồn giáo trưởng lìa khỏi thân xác và khiêm nhường bay theo thần chết lên trời.

Những người bạn học bí ẩn

SIMON ĐANG CỐ HẾT SỨC TẬP TRUNG TƯ TƯỞNG vào bài học nhưng không được. Như thể những lời lẽ khôn ngoan, đầy chất thơ trong sách cứ bật ra khỏi cái đầu đang đầy những ý nghĩ khác: Léo, em của Joseph, giờ đang ở đâu? Vì sao cậu ấy không đến trường?

Lẽ ra Simon có thể hỏi Joseph, nhưng anh không dám. Anh nhìn quanh lớp, về phía chỗ trống cạnh Joseph. Joseph, cảm thấy cái nhìn của Simon, liền ngẩng đầu lên, cái nhìn chăm chăm không mấy khích lệ.

Simon cảm thấy có lỗi. Sáng nay, khi tới lớp, Joseph chào anh hờ hững. Cậu ta không giấu rằng mình đang giận dữ. Simon sẵn sàng xin lỗi, nếu anh có thể hiểu tại sao. Phải chăng vì Simon cuối cùng đã biết hôm trước các bạn đồng học của mình đã ở đâu?

Nhưng vì lẽ gì họ phải giữ bí mật như vậy? Vì sao họ xử sự kỳ quặc đến thế? Vì sao họ tránh tiếp xúc với các bạn học của mình?

Joseph và Léo nhập trường sau những buổi lễ lớn của người Do Thái.

- Tên tôi là Joseph ben Natan, anh thanh niên cao lớn có bộ râu dày tự giới thiệu. Đây là Léo, em tôi. Anh ra hiệu về phía cậu thiếu niên đi theo.

Léo hoàn toàn trái ngược với anh: Rất mảnh dẻ, không có râu trên má, mặt nhẵn và trắng như sữa. Cậu chẳng có vẻ gì là một sinh viên mà chỉ vài năm sau sẽ trở thành giáo trưởng, chỉ như một cậu bé mười ba tuổi vậy.

Chắc chắn mọi người đều tò mò muốn biết thêm về những bạn đồng học mới đó.

- Các bạn từ đâu đến? Bạn bè hỏi họ.

- Từ một nơi không xa lắm, Joseph đáp mơ hồ như thể không muốn trả lời câu hỏi.

Câu trả lời thiếu tôn trọng khiến các sinh viên đồng học tự ái.

- Ở cái nơi không xa ấy có nhiều tên non choẹt như Léo không? Họ cười khẩy, châm biếm.

Nhưng mọi nụ cười đều đông cứng trên môi họ khi Joseph sẵn đến trước mặt họ đe dọa.

- Không một ai, hãy nhớ lấy, không một ai được động chạm đến em tôi bằng một câu nói, một cử chỉ hay một cái nhìn. Anh ta không cao giọng nhưng kiên quyết đến mức các cậu bạn hiểu ngay rằng không dại gì mà chọc giận anh ta.

Từ đó, trừ Simon, tất cả sinh viên đều tránh mặt hai anh em, họ chỉ nói chuyện khi thật cần thiết.

Cuối cùng, thời điểm quan trọng nhất của khoá học đã đến: Giáo trưởng mời các học trò đặt câu hỏi cho ông. Dần dần Simon không còn là người sinh viên xuất sắc nhất, được giáo trưởng mến mộ nhất nữa, vì Joseph và Léo đã đặt ra cho thầy những câu hỏi mà các sinh viên khác không bao giờ tưởng tượng ra. Nhất là các câu hỏi của Léo, chúng chứng tỏ một sự uyên bác sâu rộng và một trí thông minh nổi bật.

Một hôm, Simon, vì muốn hiểu từ đâu mà hai anh em đạt được sự thông thái đó, liền hỏi Joseph:

- Trước đây các bạn học ở đâu?

- Tại một trường bình thường như tất cả các cậu, Joseph trả lời, không nói gì hơn.

- Mọi người kể rằng các cậu xuất thân từ một gia đình có các nhà bác học lớn và cha các cậu chắc là giáo trưởng.

Joseph cười buồn:

- Chúng tôi không có cha, chẳng có mẹ.

Simon còn nhiều câu hỏi muốn đặt cho hai người bạn trẻ, nhưng anh quyết định kìm lại, hy vọng với thời gian, Joseph và Léo sẽ thôi không giữ bí mật của họ nữa.

Có thể một ngày kia họ sẽ trở thành bạn hữu. Simon rất mong điều ấy vì, trái với các bạn học khác, anh đánh giá rất cao hai anh em. Anh cảm thấy rất thanh thản khi ở bên cạnh họ! Anh mong mình cũng được giỏi giang như Joseph và thông tuệ như Léo.

Một hôm Léo không đến trường. Simon cảm thấy bồn chồn suốt ngày. Ngày thứ ba Léo vắng mặt, Simon lấy hết can đảm hỏi Joseph:

- Léo đâu rồi? Cậu ấy không đi học đã ba ngày rồi. Có chuyện gì xảy ra cho cậu ấy chẳng?

- Chú ấy không được khỏe, Joseph trả lời khô khan.

- Cậu ấy ốm à? Simon tiếp tục hỏi.

- Ừ, hơi ốm.

Rõ là Joseph không muốn nói về sự vắng mặt của em mình với Simon hay với bất kỳ ai.

- Xin lỗi, Simon mềm mỏng, nhưng nếu Léo cần một thầy thuốc, tôi sẽ nói với cha tôi. Chắc chắn ông sẽ không từ chối chữa trị cho cậu ấy.

Joseph do dự một chút, rõ ràng không thoải mái:

- Cảm ơn Simon, nhưng...

Anh nhìn Simon cái nhìn thăm thẳm. Cặp mắt to đen láy của anh cũng đẹp và sâu như mắt Léo.

- Cha tôi là thầy thuốc giỏi nhất thành phố, Simon nói thêm, cố thuyết phục Joseph. Các vị quý tộc không phải người Do Thái cũng đều đến nhờ ông khám bệnh. Ông đã có một giấy phép đặc biệt của chính nhà vua để...

- Cảm ơn đề nghị của anh, Simon ạ, Joseph nhắc lại. Tôi biết anh là con của thầy thuốc danh tiếng Joseph ben Moêse. Khắp nơi người ta kể rằng ông làm được những điều kỳ diệu. Nhưng may là điều đó không cần thiết, Léo không bị gì nghiêm trọng.

Mấy tuần sau, Léo lại nghỉ học nhiều ngày.

- Bệnh của em anh chắc khá nặng nên mỗi tháng lại phải nghỉ học, Simon lo ngại.

- Anh yên tâm đi, Joseph mỉm cười nói, chú ấy chẳng bỏ phí một phút nào đâu. Léo học ở nhà rất chăm chỉ. Học ở nơi yên tĩnh đôi khi lại có kết quả hơn ở đây.

Anh gật đầu nhanh với các bạn đồng học đang reo hò vui vẻ ầm ĩ bên cạnh họ. Simon lợi dụng lúc Joseph đang vui liền hỏi:

- Nhưng nói tôi nghe, thực tế là các anh sống ở đâu?

- Cách đây khoảng mười lăm phút đi đường, Joseph nói và cúi nhanh xuống trang sách để tỏ cho Simon hay anh muốn cuộc nói chuyện chấm dứt ngay tức khắc.

Chưa đầy một tháng sau, Léo lại vắng mặt mấy ngày.

- Bệnh này cứ trở đi trở lại đều đặn, Simon lo ngại nhận xét. Hãy tin tôi Joseph, tôi thực sự nghĩ rằng Léo phải đi khám thầy thuốc.

- Không, Simon, không một thầy thuốc nào có thể chữa khỏi được bệnh này, Joseph trả lời, giọng vô tư một cách đáng ngạc nhiên.

Simon tiếp tục đặt ra cho mình nhiều câu hỏi. Làm thế nào để giúp được hai anh em? Tại sao Joseph không mấy quan tâm đến sức khoẻ của em? Cái bệnh kỳ quặc này là gì?

Một hôm, khi Léo lại đi học, Simon kín đáo theo dõi hai anh em từ xa sau giờ học. Vậy nhưng anh vẫn ngại Joseph và Léo trông thấy mình và biết anh theo dõi họ.

Cùng lúc đó, anh thấy một nhóm trẻ con đang chơi bên đường. Anh hỏi chúng:

- Này các em, em nào muốn kiếm được mấy xu nào?

Mấy đứa con trai vội đứng lên, cổ kêu to hơn những đứa khác:

- Em! Em! Em xin anh đấy.

Bỗng chúng bị một đứa lớn huých bằng khuỷu tay. Chú bé này ăn mặc tươm tất, trông rõ là không bị đói và túng thiếu như các em khác.

Chú hỏi Simon, giọng nghiêm trang, đĩnh đạc:

- Anh muốn trả tiền cho việc gì?

Simon nhìn chú, tự nhủ: Nó có vẻ tháo vát và thích hợp nhất với nhiệm vụ anh muốn giao cho một đứa trong bọn.

- Được rồi, anh chọn em, anh nói dứt khoát.

- Vâng, nhưng em còn chưa biết có thể nhận việc anh giao không, cũng như không biết có thích việc ấy không. Anh nói đi, em nghe đây.

- Anh cần biết hai người bạn của anh đang sống ở đâu?

- Tại sao anh không hỏi thẳng họ? Chú bé lớn muốn biết chuyện.

- Anh đã hỏi họ nhiều lần, nhưng họ không trả lời thật.

- Có lẽ họ không muốn anh biết họ ở đâu, một bé trai rất gầy gò, ăn mặc nhếch nhác rụt rè chen vào.

- Có thể, Simon công nhận.

- Em thì em không nhận làm một việc như thế, chú bé gầy nói thẳng thừng. Bên trong chuyện này có cái gì đó rất lạ...

- Được thôi vì anh không đề nghị việc này với em, Simon cắt ngang. Anh quay sang đứa trẻ lớn. Còn em, em sẽ được trọng thưởng nếu làm được.

- Không một phần thưởng nào có thể khiến một người trung thực, ngay thẳng nhận làm một việc người ấy cho là không đúng. Một lần nữa chú bé gầy lại chống đối.

Simon ngạc nhiên:

- Tại sao em nghĩ rằng đi tìm chỗ ở của các bạn anh lại là không đúng?

- Cố tìm ra một điều bí mật của ai đó ngoài ý muốn của họ là không công bằng. Đó là một tội lớn ngang như ăn cắp của người khác, chú bé rách rưới đáp.

- Nhưng hãy nói cho anh nghe, em có khôn quá so với tuổi của em không? Simon châm biếm.

- Sự khôn ngoan là một thứ vô cùng, không bao giờ quá thừa, chú bé kiêu hãnh đáp lại, chú tưởng sự châm biếm của Simon là một lời khen ngợi.

- Đủ rồi, Iono, không ai yêu cầu mày đâu. Chú bé lớn bảo với chú bé gầy.

Simon sốt ruột nói:

- Các em nghe đây, anh sẽ giải thích với các em tất cả lý do của sự tò mò của anh. Anh muốn tìm ra nơi ở của hai người bạn vì một trong hai anh đó luôn luôn ốm đau. Anh sợ rằng anh ta cần đến sự giúp đỡ của một thầy thuốc. Anh nghĩ rằng họ không muốn cho anh biết nơi ở của họ vì khiếm tốn, vì không muốn làm phiền, không muốn nhờ đến sự giúp đỡ của người khác.

Simon nhận thấy mối nghi ngại trên khuôn mặt của cậu bé gầy dần nhường chỗ cho sự quan tâm.

- Lẽ ra anh phải nói ngay cho bọn em biết điều đó, cậu ta nói.

Chú bé lớn lại dùng khuỷu tay huých chú bé gầy.

- Được, em sẽ giúp anh, nhưng mấy xu thì không bỏ đâu. Anh phải cho em một đồng vàng.

- Đồng ý, Simon nói.

Rồi anh mô tả chính xác hai anh em Joseph cho chú bé lớn, cả tên của họ.

Anh nói thêm là cha anh là một thầy thuốc rất giỏi. Ông có thể giúp đỡ Léo nếu cậu ta lại ốm. Điều quan trọng là xem xem có phải cùng một căn bệnh cứ trở đi trở lại không.

- Như ở đàn bà, chú bé lớn nói một cách khinh thị. Tháng nào họ cũng không trong sạch và khi mắc bệnh ấy, họ không thể động đến cái gì, không được ăn cùng bàn với người khác.

Cả bọn con trai, trừ cậu bé gầy Iono, đều nhăn mặt khinh bỉ.

- Na ná như vậy, Simon nói ngập ngừng. Trừ cái bệnh hàng tháng của tất cả những người đàn bà mà Chúa đã bắt họ phải gánh, không chữa được. Vậy em có thể đi tìm xem hai bạn anh ở đâu không?

- Hừm... cậu bé lớn nói, không quá hào hứng. Em tự hỏi liệu một đồng vàng có đáng không?

- Còn em? Simon hỏi Iono.

Chú bé cụp mắt xuống rất nhanh, nhìn mũi giày lúng túng. Simon nhìn đũa này qua đũa khác. Không đũa nào muốn nhận lời đề nghị của anh. Iono quay đi, thông thả bước về phía khối nhà gần đó. Simon thất vọng, thần thờ bước đi.

Khi anh đi vòng quanh khối nhà, một bé gái chừng mười tuổi đuổi kịp anh:

- Anh cho em đồng tiền vàng chứ, nếu em chỉ cho anh nhà Joseph ở đâu? Cô bé yêu cầu, giọng ngập ngừng.

- Vì sao em biết chuyện?

- Anh Iono bảo em. Anh ấy không muốn tự mình dẫn anh đến, nhưng không

phản đối nếu em làm việc ấy. Em muốn cho mẹ em đồng tiền vàng của anh. Mẹ em rất cần, bé gái có cặp mắt to, đen láy nói thêm.

- Đồng ý, dẫn anh đến nhà Joseph đi, Simon nói, đưa tay cho cô bé.

Họ đi khoảng mười phút thì cô bé dừng lại trước một căn nhà rách nát. Bên trong vang lên tiếng trẻ con.

- Nó đây.

- Nhưng đó là ngôi nhà mà Jonathan ben Luria đã mua để làm nhà trông giữ trẻ mồ côi, Simon ngạc nhiên kêu lên.

- Đúng, bé gái trả lời. Joseph giúp chăm sóc bọn trẻ. Anh ấy sống ở đây với...

Đúng lúc ấy, cánh cửa cô nhi viện mở ra nhẹ nhàng. Dù ngạc nhiên, Simon phản ứng rất nhanh. Anh vội trốn sau căn nhà đối diện, ở đó anh có thể kín đáo quan sát tất cả những gì xảy ra. Anh thấy Joseph bình tĩnh đi ra phố.

- Này, Esther, em làm gì thế? Joseph hỏi cô bé gái đang đứng ngay trước mặt anh.

- Không làm gì cả, cô bé đưa mắt nhìn về phía Simon gần ngay. Em chỉ đến để nói với anh em đã đọc xong cuốn sách anh cho mượn bữa trước. Hiện nay anh Iono của em đang đọc, dù anh ấy bảo rằng sách này chỉ viết cho phụ nữ.

- Hồi còn bé, khi chưa biết tiếng hê-bơ, anh đã đọc quyển này bằng tiếng I-dit, Joseph mỉm cười trả lời. Khi nào Iono đọc xong, nếu em muốn cả hai anh em hãy đến chỗ anh rồi chúng ta sẽ thảo luận với em gái anh.

- Đồng ý, Esther vui vẻ nói. Em rất muốn học tiếng hê-bơ để có thể đọc và nghiên cứu. Anh nghĩ em có thể học được không? Cô bé hỏi Joseph.

- Tại sao không? Em là một cô gái thông minh...

Esther nở một nụ cười đắc thắng hướng về phía Simon đang nấp.

- Nhưng ai đang nấp ở đó? Joseph hỏi, Iono à?

- Không, không phải anh em, Esther nói chậm rãi. Joseph bước lên mấy bước, nhìn về sau nhà. Trông thấy Simon, anh tái mặt, rồi đỏ mặt lên.

- Simon hả? Cậu làm gì ở đây?

- À phải... Esther... tớ đang muốn tìm một cuốn sách, Esther nói cậu có thể có.

Simon cảm thấy cái nhìn ngạc nhiên của cô bé. Anh không hiểu tại sao mình lại nói dối Joseph. Tại sao lại không nói thật với bạn? Anh hít một hơi thật sâu, quay về phía cô bé và bạn, rồi nói thật nhanh:

- Tha lỗi cho tôi, Joseph, tôi không nói thật. Xin lỗi cả em nữa, Esther, anh đã nói dối anh của em và những cậu bé khác. Anh chỉ muốn biết Joseph và em anh ấy ở đâu.

Anh im lặng một lát, bối rối, rồi nói thêm:

- Nếu anh không tạo ra một bí mật như thế, thì tôi đã không bị bắt buộc phải nói dối ngốc nghếch như vậy.

Chưa nói hết lời anh đã cảm thấy rất xấu hổ. Anh chẳng phải là người đầu tiên hay khinh bỉ những kẻ cứ tìm cách trút bỏ trách nhiệm khi phạm lỗi đó sao?

- Vậy thì, bây giờ anh đã thấy tôi và Léo ở đâu, Joseph cúi đầu. Tôi nghĩ không cần thiết khi để cho mọi người biết chúng tôi sống và làm việc trong một cô nhi viện.

Rồi, không cáo lui, Joseph biến vào trong nhà. Simon lặng lẽ cho Esther đồng tiền vàng anh đã hứa.

- Nói anh nghe, em đã nói chuyện với Joseph về em gái anh ấy à?

- Vâng, bé gái trả lời. Họ đã lớn lên trong cô nhi viện và không bao giờ rời nhau. Trừ những ngày em gái anh Joseph ốm.

- Joseph còn có một em trai. Em có biết anh ấy không?

- Không. Em chỉ biết em gái anh ấy thôi.
- Em gái anh ấy như thế nào? Simon hỏi, rõ là cảm động.
- Rất xinh và hiền, cô bé nói, vẻ ngưỡng mộ thực sự.

Cô đưa tay lên miệng.

- Ồ! Lẽ ra em không được nói ra. Joseph không muốn ai nói đến em gái anh ấy với những người lạ. Anh có thể hứa với em là anh sẽ giữ bí mật không?

- Chắc chắn rồi, Simon trả lời, xoa đầu cô bé.

- Joseph nói rằng em gái anh ấy rất thông minh. Khổ nỗi con gái chỉ có thể học một cách giấu giếm nên họ không thể biểu lộ hết trí thông minh của họ. Ngay một nữ sĩ lớn như Rebecca Tiktiner cũng không thể đi học!

- Joseph đã kể cho em nghe tất cả như thế à?

- Vâng. Em gái anh ấy còn khuyên em rằng khi lớn em cũng không được bộc lộ những gì em biết, nếu không sẽ không ai muốn lấy em. Rebecca Tiktiner cũng không bao giờ lấy chồng, cô ấy cũng thế...

Simon đi bên cô bé, nghe cô nói, đắm chìm trong suy nghĩ. Esther dừng lại, nắm lấy tay áo anh. Cô bé rụt rè:

- Em có một yêu cầu muốn xin anh. Anh đừng đi cùng em thêm nữa. Không nên để bố em và hàng xóm biết em thường đến thăm Joseph và em gái anh ấy, và em có học hành. Đó là điều cấm kỵ đối với một bé gái.

- Anh hiểu, Esther ạ, anh sẽ không bao giờ cho ai biết, Simon nói cho cô bé yên lòng và anh từ biệt cô.

Anh cảm thấy chìm ngập trong một nỗi buồn bất chợt. Dường như anh đã mở một cánh cửa bí mật, nhưng lại thấy một cánh cửa khác, rồi lại một cánh cửa khác, mỗi lúc một bí ẩn hơn...

Simon lê bước về nhà. Anh có tâm trạng không vui suốt buổi tối và đêm hôm đó. Anh ngủ không yên giấc. Anh mơ một giấc mơ lạ lùng: Anh vào

trong một căn phòng lớn, trong đó có một nhóm phụ nữ đang cúi mình trên một cuốn sách chép tay. Anh nhận ra một người trong số họ.

Đó là Rébecca Tikliner. Dù nhà thơ nữ nổi danh đã chết từ rất lâu, Simon không hề ngạc nhiên khi thấy bà ở đây. Anh chào các bà và để ý tới cuốn sách viết tay các bà đang nghiên cứu.

- Đây là tiểu sử của giáo trưởng Natan ha-Lewi Heller, Rébecca nói với anh.

Simon rất ngạc nhiên. Toàn thể dân chúng trong khu Do Thái ở Prague đã quên người học trò nổi tiếng của giáo trưởng Lôw và không ai đọc hồi ký của ông. Khi ông trở thành đại giáo trưởng ở Prague, Natan ha-Lewi Heller có mở một trường tư ở nhà ông. Ông dạy ở đó. Những học trò con nhà nghèo được có bữa ăn miễn phí tại đây. Nhiều gia đình giàu có trong khu oán giận ông vì đã không phân biệt học trò giàu và học trò nghèo. Họ tố giác những tác phẩm của ông, bảo rằng chúng mạt sát con chiên Thiên chúa giáo. Giáo trưởng bị bắt, giải đi, tay bị còng. Đến Vienne, một tòa án ra lệnh cấm sách của ông và tuyên án tử hình ông. Hoàng đế đổi án tử hình thành án phạt mười ngàn đồng tiền vàng. Natan ha-Lewi Heller đi Cracovie, ở đó ông viết tiểu sử của mình. Nhưng bản thảo không bao giờ được xuất bản.

- Phụ nữ không nên đọc những sách viết tay quan trọng như thế này, Simon nói với Rébecca Tikliner. Theo luật, họ phải học cầu kinh và nuôi nấng con cái.

Đúng lúc đó, trong giấc mơ của Simon hiện ra hai anh em Joseph và Léo. Người em mặc quần áo của phụ nữ.

- Chào Simon, Joseph nói.

Người con gái trông giống Léo, nấp sau lưng anh.

- Em gái anh đấy à? Simon hỏi.

Anh không rời mắt khỏi người con gái.

- Cô ấy rất giống em trai anh. Tôi rất mến cô ấy. Tôi sẽ cử một bà mối đến nhà anh. Tôi hy vọng anh và em trai anh sẽ thuận tình cho tôi được kết hôn với cô ấy.

- Tôi không có em trai. Tôi chỉ có một cô em gái này thôi, Joseph đáp.

- Sao lại như thế? Vậy ai đến trường với anh?

- Em gái tôi, giả trang làm con trai.

- Nhưng phụ nữ không có quyền ăn mặc như đàn ông và học tập. Các bạn đã vi phạm lề luật! Simon kêu lên.

- Không, Simon ạ. Chúng tôi không vi phạm luật của Chúa, mà những quy tắc do các giáo trưởng đặt ra. Joseph phản bác. Cái nào quan trọng hơn: Luật hay lệ? Anh hãy cho tôi hay luật nào cấm phụ nữ học tập?

Simon cứng họng trước câu hỏi. Anh suy nghĩ căng thẳng đến nỗi tỉnh giấc luôn. Đến tận sáng, anh cũng không thể ngủ lại được nữa. Anh chạy đến trường mong kể cho hai anh em Joseph nghe về giấc mơ lạ lùng nhưng cả hai đều không có ở đó.

Sau giờ học, Simon đến thẳng cô nhi viện. Đến trước cửa, anh ngập ngừng vài phút rồi đập mạnh cửa. Anh nín thở. Cửa từ từ mở ra. Anh nhận ra cô gái trong giấc mơ. Simon không một chút ngạc nhiên, như thể giấc mơ của anh vẫn đang tiếp diễn. Cô gái thoáng hoảng sợ khi thấy anh, rồi cô trấn tĩnh lại, dịu dàng nói:

- Chào anh Simon.

- Xin chào. Tôi đã mơ thấy em.

- Em cũng thế, cô nói, nhìn thẳng vào mắt anh.

- Đến tên em tôi cũng chưa biết, nhưng tôi muốn gửi một bà mối đến chỗ Joseph để định ngày cưới của chúng ta, Simon mỉm cười tuyên bố. Nhưng chắc chắn là tôi sẽ đợi đến khi nào chúng ta kết thúc khóa học, kể cả Léo...

- Anh muốn nói rằng... Cô gái cắt lời, cặp mắt to, đen láy của cô chan chứa những giọt nước mắt xúc động.

- Tôi muốn nói rằng tôi mong ước em hoàn thành việc học tập của em. Chỉ có bốn người biết bí mật của em đó là em, Joseph, Chúa và tôi. Em không

nghĩ rằng Đấng Tối cao cũng vui mừng vì có một người phụ nữ, mà Người đã ban cho trí thông minh và lòng ham hiểu biết, được học giới luật của Người và khám phá thế giới Người đã tạo ra sao?

Lửa và các nữ thủy thần

BUỔI SÁNG một ngày thứ sáu tháng năm năm 1754, khu Do Thái ở Prague nhẹ nhàng tỉnh giấc. Những con phố nhỏ quanh co, những căn nhà gỗ bên trong chen chúc hơn chục nghìn gia đình, tiếng ồn ào quen thuộc của ngày cuối cùng của tuần lễ Do Thái.

Simon vào bếp, đứng sững nơi khuôn cửa. Anh ngắm nhìn cô vợ Ève. Dù đã đứng tuổi và có bốn con gái, chị vẫn giữ dáng một cô gái trẻ. Đang làm bếp nhưng chị ăn mặc cẩn thận và sạch sẽ.

“Phần đông phụ nữ trong khu không có được dáng vẻ đó, ngay cả khi họ đi nhà thờ dự lễ trọng shabbat, Simon nghĩ. Trên thực tế, trong suốt hai mươi tám năm chung sống, chưa bao giờ cô ấy có vẻ chệnh mảng.”

Ève đã học chăm sóc vẻ ngoài của mình ở Ba Lan, nơi nàng lớn lên trong gia đình giàu có của người quản lý một sản nghiệp lãnh chúa. Mọi người nghĩ rằng Simon lấy nàng vì món hồi môn béo bở của nàng. Đó chỉ là một phần sự thật. Bà mỗi người Ba Lan đã bỏ rất nhiều công để thuyết phục cha Ève gả con gái cho một sinh viên Tiệp nghèo. Cuối cùng ông bố nhận lời vì bà mỗi khôn ngoan đã dùng đến một con bài quan trọng: Đối với người Do Thái, sống ở Bohême ít nguy hiểm hơn ở Ba Lan, nơi chiến tranh xảy ra liên miên. Bà mỗi dẫn ra những ví dụ về sự khoan dung dưới thời Rodolphe II. Bà nói đến giáo trưởng Lôw và ông Meisl. Nghe lời bà, người ta tưởng đâu trong ghetto của Prague chỉ có những nhà bác học lớn như giáo trưởng Lôw và những nhà cự phú như Mordechaê Meisl.

Do ảnh hưởng của bà mỗi, cha của Ève đã bỏ quên cái đức thận trọng của người Do Thái, vốn đã phát triển qua nhiều thế kỷ nhờ kinh qua vô số những cuộc tàn sát. Ông đã quên rằng thời hoàng kim của người Do Thái ở Prague chỉ tồn tại ngắn ngủi và nó đã kết thúc từ hơn 100 năm.

Simon kết hôn với Ève, đưa nàng vào ghetto ở Prague năm 1726, chỉ vài

tháng trước khi đạo luật phân biệt đối xử với các gia đình Do Thái có hiệu lực. Trong mỗi gia đình, chỉ có người con trai cả được coi là một công dân có đầy đủ tư cách. Những đứa con khác bị xem là người xa lạ, không có quyền hạn gì. Ève kinh hoàng, nhưng Simon trấn an nàng. Anh là con cả: Anh sẽ dễ dàng xin được phép cư trú ở Bohême.

- Chúng mình còn trẻ, anh nói với Ève. Ai mà biết vài năm nữa những đạo luật nào sẽ có hiệu lực? Lúc đó chúng mình đã có con. Tại sao lại lo lắng cho tương lai khi hiện tại đang sung sướng?

Đứa con đầu của họ là con gái.

Ève van xin chồng:

- Chúng mình phải chuyển sang sống ở Ba Lan.

Có lẽ nàng linh cảm mình chỉ để con gái. Những dòng tộc không có con trai khi đó nghiễm nhiên bị coi như đã lụi tàn.

Simon trả lời:

- Anh không muốn giúp cha em cai quản những nông dân Ba Lan, cưỡng đoạt mùa màng của họ.

Anh không thích sống ở nông thôn. Tổ tiên anh từ bao đời đã sống bên bờ sông Vltava. Thoạt đầu trên bờ trái, rồi trên bờ phải, khi người Do Thái phải nhường đất cho lãnh chúa xây dựng lâu đài. Nhiều thế hệ tổ tiên của Simon đã chết trong các trận tàn sát, nhưng gia đình anh không tàn lụi. Đó là một gia đình lâu đời của những người thợ in, những người Guersonide, vào năm 1527 đã được Ferdinand Đệ Nhất ban đặc quyền được in sách bằng tiếng hê-brơ.

Tất cả những điều đó hiện lên trong óc Simon khi anh ngẩng nhìn vợ. Ève ngược mắt lên nhìn anh. Thoáng một chút băn khoăn trong cái nhìn của chị.

- Đeo tất cả nữ trang của em vào, Ève à.

- Tại sao vậy? Chị ngạc nhiên. Lễ shabbat tối nay mới bắt đầu, tại sao em phải trang điểm từ sáng?

- Anh xin em, Ève, cứ làm như anh bảo. Sau đó, em có thể bỏ tất cả ra, nếu muốn. Nhưng, lúc này, đừng quên một chiếc nhẫn, một cái hoa tai nào, cả vòng kiềng, vòng tay và vòng đầu nữa. Hãy chọn chiếc áo đẹp nhất. Hãy choàng lên đầu và quanh cổ những khăn quàng quý nhất của em.

- Nhưng Simon...

- Anh van em, Ève. Hãy mang những thứ có giá trị vào. Như thế... em đang phải chạy trốn trước một trận lụt hay một đám cháy. Anh sẽ chờ ở phòng bên.

Ève nhìn chồng một lát, rồi chị gật đầu: Đàn ông đôi khi có những ý tưởng kỳ quặc chẳng nên tìm hiểu. Chị thôi thái rau, rửa tay và gấp tạp dề lại.

Một lần nữa, Simon nhận ra rằng bốn mươi sáu tuổi rồi mà vợ anh vẫn rất đẹp. Trải qua gần 30 năm, chị vẫn là người vợ chung thủy, người khuyên bảo, người bạn thân thương, mẹ của bốn đứa con gái và bà của sáu đứa cháu anh.

Bây giờ, anh phải đuổi chị ra khỏi nhà, ra khỏi cuộc đời anh. Anh không thể đẩy lùi cái quyết định ấy lâu hơn. Tờ giấy ly hôn đã được thảo và được giáo trưởng xác nhận. Trên thực tế, giờ anh đang sống với một người đàn bà xa lạ, đó là tội lỗi, vì Ève không còn là người vợ chính thức của anh nữa. Mới hôm qua, giáo trưởng còn trách cứ anh là đã giữ nàng lại trong nhà.

Những ý nghĩ nặng nề đó quấy đảo đầu Simon trong khi đợi Ève. Anh đang ngồi trước chiếc bàn gỗ trạm chỗ thừa hưởng của cha.

Sau một giờ, Ève bước ra. Simon làm một cử chỉ mời nàng ngồi trước mặt. Một lần nữa anh nhận ra nàng mới đẹp làm sao. Không một nếp nhăn có thể làm hỏng khuôn mặt đẹp đẽ của nàng, vì khuôn mặt ấy cứ ngời lên thứ ánh sáng tỏa ra từ bên trong tâm hồn.

- Em không quên gì chứ? Một món nữ trang nào đó chẳng hạn?

- Không.

- Em đã mang tất cả các vòng kiềng chưa? Vòng đầu của em đâu?

- Đây, Ève trả lời dịu dàng, chỉ chiếc vòng đầu nàng cầm nơi tay trái.

- Đặt lên đầu đi.

Ève nhắc chiếc khăn quàng đăng-ten, đội vòng đầu rồi choàng khăn quàng lên trên. Khăn bị siết hơi chặt, nhưng Simon vừa ý.

- Ève, anh có điều này muốn nói với em...

- Như thế là thật sao? Nàng ngắt lời anh.

- Cái gì?

- Vợ giáo trưởng đã cho em biết, anh sắp đuổi em. Em không tin. Thời gian gần đây, anh rất tử tế với em, anh đã tặng em nhiều nữ trang...

Simon đỏ mặt. Với những món đồ có giá đó, anh mới chỉ giảm nhẹ được tí chút cái thiệt hại kinh khủng anh sắp giáng xuống đầu vợ. Chính giáo trưởng đã gợi ý cho anh về quà tặng và đồ nữ trang. Ông nói rằng cần phải xua tan những sợ hãi bất chợt của Ève. Đôi khi, phụ nữ có những linh cảm khi một nỗi bất hạnh lớn rình rập họ. Theo giáo trưởng thì phải tránh những cảnh đau lòng, làm sao để Ève có thể có một số phương tiện để bắt đầu lại cuộc sống ở nơi khác bằng cách bán những nữ trang và quà tặng của Simon. Tờ giấy ly hôn đã ghi rõ trên giấy trắng mực đen: Vợ Simon chỉ được mang theo những thứ đeo trên người.

- Ève, đây là bản ly hôn, Simon cúi đầu, nói. Giáo trưởng đã ký.

Ève nhìn vào tờ giấy một lúc mà không chạm tới nó.

- Cái này không căn cứ vào lẽ luật, Ève nói khẽ, đến mức Simon khó khăn lắm mới nghe được.

- Giáo trưởng nói ông đã căn cứ vào quyền hạn. Điều này được ghi rõ trong giới luật.

- Nhưng chẳng ai nói gì với em cả.

- Hình như việc đó không cần thiết. Chỉ cần phó thị trưởng...

Simon im bật. Anh sắp bảo Ève rằng phó thị trưởng là người đầu tiên nói với anh khả năng có thể ly dị, sau đó giáo trưởng bắt tay vào thuyết phục anh. Liệu anh có thể thú nhận với Ève rằng anh đã xử sự như một đứa trẻ, để cho người khác định đoạt số phận của mình? Anh kết thúc câu bằng cách nói lảng sang ý khác:

- Chỉ cần người chồng quyết định chia tay và giáo trưởng thừa nhận lý do của anh ta.

Simon cảm thấy khó chịu. Anh không dám nói ra sự thật. Anh sợ Ève sẽ hỏi: Lý do của anh là gì. Anh không thể nói thẳng ra với nàng. Anh hy vọng tự nàng sẽ đoán ra: Nàng đã không để cho anh một đứa con trai. Trong khu Do Thái có nhiều cô gái trẻ và phụ nữ góa trẻ muốn lấy chồng. Giáo trưởng khuyến khích anh bỏ Ève và tục huyền với một trong các bà góa để có một cậu con trai. Thêm nữa, với tư cách là con trưởng, Simon được phép cư ngụ ở Bohême. Anh có thể cứu một cô gái trẻ nếu lấy cô ta: Như thế, cô ta sẽ không bị buộc phải ra nước ngoài.

Ba trong bốn đứa con gái của Simon cũng phải ra đi, chúng sẽ lấy chồng ở nước ngoài. Riêng Myriam, cô gái út, là có cái may có thể ở lại gần Prague vì bà mối đã gả cô cho một ông lão góa vợ ở ngoại ô. Cô đã có với ông này hai cậu con trai.

Dẫu sao, Simon cũng không quen được với ý nghĩ rằng anh sắp mãi mãi đưa nàng ra khỏi nhà và ra khỏi cuộc đời mình. Nàng đã dùng cảm biết bao trong suốt những năm ấy! Nàng đã chịu đựng những gian khổ và những bất ngờ trong cuộc sống hàng ngày của họ với một phẩm giá cao thượng xiết bao! Nàng là một người mẹ đầy yêu thương, một người vợ dịu dàng và thông minh...

- Làm sao tôi có thể bỏ vợ tôi sau bao nhiêu năm chung sống? Một hôm Simon đã kêu lên trước giáo trưởng.

- Cô ta là một người đàn bà thông minh và độ lượng. Cô ta ưa giúp đỡ người khác: Cô ta sẽ hiểu rằng đó là cách duy nhất giúp cho một cô gái có thể ở lại Prague. Giáo trưởng trả lời không một chút cảm thông.

- Vì ông đã chọn người vợ cho tôi chẳng? Simon ngạc nhiên hỏi.

- Phải, Rivka bat Natan.

- Con gái ông chủ kho bạc? Simon tròn mắt kêu lên.

- Phải, anh xem Natan ben Jacob đã làm vinh hạnh cho anh biết bao nhiêu...

- Từ bao giờ các giáo trưởng lại đóng vai trò mối lái như thế này? Simon hỏi, hoài nghi.

- Vẫn luôn như thế, giáo trưởng đáp, cười buồn. Các giáo trưởng làm tất cả những gì không đi ngược lại lẽ luật và giúp được cho các đồng đạo.

Sự tuyệt vọng lớn vồn trong tâm trí Simon. Anh cảm thấy mình bị mắc bẫy. Nhưng tức giận chỉ làm cho anh kiệt sức và sự tuyệt vọng tiêu diệt anh. Anh phải hành động. Anh mua cho vợ những nữ trang đẹp nhất do những thợ kim hoàn trong ghetto làm ra. Bố của Rivka muốn mọi thứ trong nhà Simon phải được nguyên như trước: đồ đạc, bát đĩa, khăn các loại. Như thế con rể ông ta có thể mở xưởng riêng bằng tiền hồi môn của Rivka.

Từ lâu Simon đã mơ có một xưởng in. Ý nghĩ rằng cuối cùng sẽ thực hiện được dự định của mình đã xóa hết mọi ngần ngại của anh. Anh bàn với giáo trưởng nội dung của tờ giấy ly hôn, khi nó được thảo ra, anh bắt đầu thấy vui sướng về cuộc hôn nhân sắp tới.

Rivka là một cô gái khá hấp dẫn. “Nếu cô ta không sinh ra với một chân dài, một chân ngắn thì có thể nói cô rất đẹp, anh nhủ thầm. Trên thực tế, chỉ gần đây người chồng mới quan tâm đến vóc dáng và sắc đẹp của vợ. Bố mẹ mình chỉ trông thấy nhau lần đầu vào ngày cưới. Người ta bảo đàn ông không lấy vợ vì sắc đẹp của vợ mà vì chị ta đảm đang công việc nội trợ và để cho chồng những đứa con... những đứa con trai. Từ khi lấy nhau, Ève không cho ta đứa con trai nào. Cuối cùng thì giáo trưởng có lý. Ève phải hiểu.”

Nhưng bây giờ, nhìn vào mắt vợ, Simon thấy hết tin tưởng. Anh có phạm phải lỗi lầm không khi nhanh chóng nhượng bộ giáo trưởng và phó thị trưởng? Nếu anh từ chối thì họ sẽ tìm ra một người đàn ông khác được phép ở lại mà muốn kết hôn với Rivka.

Ève nói:

- Từ thế kỷ thứ XI, thời kỳ giáo trưởng Gershom ben Juda thảo ra những luật về ly hôn, người chồng không thể đuổi vợ mình, nếu không được vợ thuận tình.

Simon thấy lúng túng. Đã nhiều năm rồi anh vẫn xin Ève đừng tỏ ra cho mọi người biết là trên bình diện học vấn thì nàng có thể sánh ngang giáo trưởng. Sự uyên bác của nàng là một trong những lý do khiến phụ nữ không chấp nhận nàng trong cộng đồng của họ. Ngay trong nhà thờ họ cũng phần nào xa lánh nàng.

- Giáo trưởng Gershom ben Juda không thể lường trước được rằng đến thế kỷ ánh sáng, một vị quốc vương còn cho thi hành một đạo luật sỉ nhục các gia đình Do Thái đến thế, Simon khẽ trả lời.

- Khi nào em phải đi? Ève hỏi.

- Chủ nhật. Hôm nay là thứ sáu, tối nay bắt đầu lễ shabbat. Em không đủ thì giờ đến nhà Myriam ở ngoại ô trước khi lễ shabbat bắt đầu... Simon cúi đầu, nói.

- Em có thể mang theo cái gì? Ève ngắt lời anh.

- Đã được ghi rõ ở đây.

Simon cho nàng xem tờ giấy ly hôn.

- Em muốn chính anh nói em nghe. Ève nói, mắt không rời anh.

Simon bực mình. Tại sao nàng lại hành hạ anh? Chẳng lẽ nàng không hiểu rằng rất khó khăn cho anh khi phải nói với nàng điều đó?

- Em có thể mang theo cái gì? Nàng nhắc lại, giọng lạnh lẽo.

- Tất cả những gì em mang trên người lúc anh đưa tờ giấy ly hôn cho em. Simon cúi gằm mặt xuống đất.

- Còn quần áo của em? Và những đồ đạc riêng của em?

Simon toát mồ hôi vì xấu hổ.

- Không, không có gì khác nữa, trừ những gì em mang trên người lúc này.

Làm sao anh có thể nói với nàng rằng người vợ tương lai của anh cũng có tầm vóc như nàng? Rằng bố của Rivka nghĩ rằng những áo đẹp của Ève rất hợp với con gái ông? Rằng ông ta vui mừng với ý nghĩ những áo ngủ đẹp dễ lột lông thú của nàng sẽ sưởi ấm cho cô con gái yêu của ông ta?

- Chỉ duy nhất những thứ em có trên người... Simon nhắc lại. Trong thâm tâm, anh rên rỉ: “Tại sao ta lại yếu đuối đến thế? Tại sao ta không cưỡng lại ông chủ kho bạc, cha của Rivka?”

Anh tự trả lời: “Vì ta sợ ông ta. Vì ông ta, đến lượt mình, lại sợ các vị chức sắc. Và các vị chức sắc thì sợ các quan lại của hoàng đế. Tất cả bọn ta đều sợ những kẻ có tiền và có quyền. Chỉ cần cha của Rivka nói nhỏ với các vị chức sắc rằng ta đóng sách cấm. Lập tức, họ sẽ tước giấy phép lưu trú của ta. Các viên quan sẽ vui mừng bán giấy phép đó cho một người khác. Sau đó, ta sẽ bị lưu đầy. Ta sẽ đi đâu? Sang Ba Lan ư? Từ khi đạo luật về các gia đình Do Thái thực thi ở Bohême, ba mươi nghìn người Do Thái đã bị đẩy sang đấy. Các ghetto ở Ba Lan đã chật cứng.”

- Tha lỗi cho anh, Ève, Simon van xin khe khẽ.

Nàng đứng lên. Những chiếc vòng tay kêu leng keng trên cổ tay mảnh mai của nàng.

- Cầu xin Đấng Tối cao giúp anh mang nổi gánh nặng này. Đó là những lời cuối cùng của nàng.

Ève đi trên con đường hẹp, bên bờ sông Vltava, con đường do những người đánh cá và một số người hành hương hiếm hoi vạch ra. Nàng biết rằng theo đường này nàng sẽ mất gấp đôi thời gian mới đến được nhà cô con gái út Myriam ở ngoại ô Prague. Nhưng nàng sợ những con đường lớn đầy du khách. Nàng có thể đi nhờ một trong vô số xe bò đi qua đó, nhưng nàng sợ bọn cướp đường. Một phụ nữ yếu đuối, một thân một mình, nữ trang đầy mình rất có thể là một miếng mồi dễ dàng cho chúng. Mặt trời lặn, ngôi sao đầu tiên lung linh và lễ shabbat bắt đầu. Ève đã vượt được một quãng đường khá khá, nhưng phần đường xa hơn còn đợi nàng phía trước. Nàng

đã kiệt sức. Xuyên và kiềng đè nặng lên nàng. Tấm áo vũ hội làm cho nàng bị vướng víu. Nàng ngồi trên một thân cây bên bờ sông.

Đấng Tối cao tỏ ra nhân từ với nàng: Nàng không cảm thấy điều gì. Không buồn, không đau, không luyến tiếc. Nàng bình thản, đứng vững và hoàn toàn khuất phục số phận. Nàng nhìn dòng sông xám xịt, đang chảy lên phương Bắc.

Chợt, nàng nghe thấy có tiếng khóa nước nhè nhẹ. Như thể một con cá nhô đầu lên mặt nước. Một tia nước vọt lên giữa sông. Một tiếng khóa nước khác và một chùm tia nước nữa xuất hiện. Rồi một chùm khác và một chùm khác nữa, và cứ như thế... vô số chùm tia nước. Lớn và nhỏ, mảnh và mạnh, chúng vọt lên từ phía. Chúng lấp lánh dưới ánh trăng, sắp lại gần như muốn nhảy lên bờ. Rồi chùm tia nước đầu tiên vào sát gần bờ và thành lình...

Ève kêu lên ngạc nhiên: Chùm tia nước biến thành một cô gái trẻ. Cô mặc một chiếc áo ánh bạc. Lẹ làng, cô đặt bàn chân trần lên bờ. Lại một chùm tia nữa biến thành một người đàn bà mặc áo ánh bạc. Và một chùm nữa...

Một cô gái đến bên Ève.

- Xin chào mừng người em gái, cô ta nói thân thiện.

- Các chị là ai? Ève hỏi, rất sững sốt.

- Các thủy thần.

- Thủy thần?

Từ nhỏ, Ève đã nhiều lần nghe nói về các nữ thần sông. Nhưng nàng nghĩ đó chỉ là những huyền thoại. Người ta kể đó là hồn những người đàn bà chết đuối, không tìm thấy xác và không được chôn. Người ta còn nói thủy thần không phải là những ác thần. Thủy thần chỉ xuất hiện khi có những đám cháy lớn để giúp người ta dập lửa.

- Đừng sợ chúng tôi. Chúng tôi không làm điều gì xấu cho ai.

- Tại sao các chị đông đến thế? Ève hỏi, nhìn bờ sông. Đã có hàng chục thủy thần nhảy ra khỏi mặt nước.

- Thời gian gần đây chúng tôi đông lên nhiều ở sông Vltava, nữ thủy thần điềm tĩnh trả lời. Trong chúng tôi có nhiều cô gái không thể lấy chồng vì đạo luật về các gia đình Do Thái. Các cô ấy thà kết liễu đời mình còn hơn là sống để trở thành gánh nặng cho bố mẹ già. Một số cô khác đã bí mật kết hôn với những người đàn ông không được phép cư trú. Chồng họ bị cầm tù và con họ bị tuyên bố là con hoang. Thay vì chịu đựng một cuộc sống khổn khổ, họ đã chọn cái chết trong dòng nước của Vltava. Cô gái em vừa trông thấy cũng phải chịu một số phận như em: Chồng cô có giấy phép cư trú, đã đuổi cô để lấy một cô gái khác và như thế tránh cho cô này khỏi bị lưu đày ra nước ngoài. Còn chồng cô gái đứng cạnh em đã giết bố mình để thừa hưởng giấy phép lưu trú của bố và để lấy vợ, nhưng...

Một nàng thủy thần nhỏ đến gần và ngắt lời cô trước:

- Lại đây chị, bắt đầu rồi.

- Cái gì bắt đầu? Ève hỏi.

- Lửa, nữ thủy thần hay nói bình thản đáp. Em không biết các chị xuất hiện khi có những đám cháy lớn sao? Cô chỉ tay về phía thượng lưu của con sông, phía thành phố.

- Khu Do Thái của Prague đang bốc cháy. Sẽ là một đám cháy rất lớn. Như đám cháy chị đã trải qua. Đó là mùa hè năm 1689, đúng sau đám cưới của chị với Moshe, chồng chị. Bọn chị muốn cứu được ít ra là những quà cưới, nhưng bọn lưu manh đột nhập vào ghetto. Chúng đã giết vợ chồng chị, vất xác xuống sông. Sau đó người nhà đã vớt được xác của Moshe lên, đem chôn, còn chị thì mãi mãi phải ở lại đáy sông. Vào những dịp lụt lội, chị thường lên được mộ của Moshe, để lại đấy những hòn cuội...

Mắt của nữ thủy thần sáng lên như áo cô. Ève tự hỏi không biết các thủy thần có khóc không? Rồi nàng đứng dậy, lao về phía trước.

- Em chạy đi đâu đấy? Thủy thần hỏi.

- Đi giúp họ dập lửa! Ève kêu lên, không dừng lại.

Nàng quên một nhọc, quên sức nặng của các món nữ trang, quên cả quần áo vương vãi. Nàng chạy về phía thành phố đang bốc cháy.

- Chờ đã! Nàng nghe thấy tiếng kêu phía sau.

Đúng lúc ấy, một tia nước mạnh suýt làm nàng ngã sấp xuống đất. Nữ thủy thần chặn đường nàng.

- Em là một người đàn bà yếu đuối, em sẽ chẳng giúp được ai đâu. Hãy nhảy xuống sông. Em sẽ thành một người trong chúng ta!

Ève do dự một lát. Phía chân trời, nơi có ghetto thành Prague, một vầng sáng hồng bốc lên. Ève lấy đà và nhảy. Nàng cảm thấy mình chìm dần xuống một cái đáy tối đen. Nhưng, bất thành linh, có cái gì đó nâng nàng lên. Một chùm tia nước mạnh đẩy nàng lên mặt nước, đưa nàng tới ghetto đang bốc lửa với một tốc độ không tưởng tượng nổi.

Lưỡi lửa lan nhanh. Lần lượt, những căn nhà gỗ nhỏ biến thành tro. Trại lính cứu hỏa thì lại ở ngoài ghetto, cạnh những ngôi nhà của các con chiên Thiên chúa giáo.

Simon tóm được mấy cuốn sách và bản thảo chép tay quý, chạy ra khỏi nhà, nhưng lửa đã điên cuồng lan ra khắp phố. Anh lao về phía vòi phun nước nhỏ. Đến nơi, anh thấy mọi người đang chạy về phía dòng sông.

- Họ đã cắt nước của chúng ta rồi! Một người kêu lên báo cho anh biết.

Một phụ nữ tay ôm con lao về phía anh.

- Cứu với! Giúp tôi với! Còn có hai đứa nhỏ!

Chị chỉ nhà mình đang cháy, bên kia phố. Simon quăng mấy quyển sách, chạy vào ngôi nhà đang cháy. Qua đám khói, anh chẳng trông thấy gì. Anh cảm thấy quần áo mình bắt lửa. Chợt, ai đó dội nước vào anh. Không có thì giờ quay lại nhìn, anh lao vào một gian phòng và thoáng thấy hai đứa trẻ. Chúng ôm lấy nhau trên nền nhà, xung quanh là nước. Đám cháy bốc lên điên cuồng. Nước tạo thành một cù lao nhỏ che chở cho hai đứa trẻ. Simon

vồ lấy chúng. Lại một lần nữa, ai đó dội cả một xô nước vào anh. Anh chạy ra ngoài với hai đứa nhỏ trên tay. Vừa ra bên ngoài thì mái nhà đổ sập.

Không phải lúc để nghĩ ngợi về những điều kỳ diệu, Simon giúp mọi người chạy những của cải quý giá ra khỏi nhà. Anh giúp một ông già thoát ra khỏi căn nhà đang cháy. Thoáng một lần, anh tưởng như trông thấy Ève. Từ lòng bàn tay nàng vọt ra những tia nước.

“Mình mệt quá, mình bắt đầu có ảo ảnh,” anh nghĩ.

Anh tiếp tục cứu những gì còn cứu được. Trí não mệt mỏi của anh ghi nhận như từ xa vọng tới những mẫu đối thoại của bà con đang bận rộn quanh anh. Họ nói về những phép màu. Ai đó nói đã tận mắt trông thấy những xô nước lơ lửng trong không trung. Một người khác nói có nhìn thấy một người phụ nữ biến không khí thành nước, nhờ đó đã dập tắt được đám cháy của một ngôi nhà trong đó một đứa trẻ vừa mới chào đời...

Simon không biết anh đã chiến đấu chống lại lửa bao lâu. Mệt lả anh ngã lăn ra bãi cỏ cháy.

Khi vừa hồi tỉnh, anh nghe có tiếng người:

- Simon đấy ư? Ta tìm anh khắp nơi.

Anh mở mắt ra. Giáo trưởng đang cúi mình nhìn anh. Râu và lông mày ông ta bị sém vì lửa.

- Chúng ta muốn gửi ở nhà anh bọn trẻ của trại mồ côi bị cháy và mấy bà mẹ với con nhỏ đang còn bú, hiện không có chỗ nương thân.

- Nhà tôi? Simon sững sốt, nói. Nhưng cả phố, tất cả nhà cửa đã cháy mất rồi...

- Trừ nhà anh. Lửa không hề động đến. Đó là một phép màu!

Simon đứng lên.

- Ta muốn cho anh xem cái này, giáo trưởng nói. Ông lấy trong túi ra một chiếc xuyên vàng. Của vợ anh phải không?

- Ông muốn nói là của vợ cũ của tôi? Simon thở dài buồn bã.

Anh ngắm nghía chiếc xuyên, xác nhận, rất kinh ngạc:

- Đúng, đây là chiếc xuyên của Ève!

- Người mẹ của mấy đứa con anh đã cứu tìm thấy chiếc xuyên này trong quần áo của chúng.

- Vậy nghĩa là Ève không đi! Nàng đã giúp chúng ta dập tắt lửa! Simon kêu lên.

- Chúng ta đã tìm Ève khắp chốn, giáo trưởng tuyên bố.

Thấy Simon muốn nói gì đó, ông nói trước:

- Tờ giấy ly hôn chắc chắn đã cháy. Và ta thì ta chẳng còn nhớ gì đến vấn đề ly hôn cả.

Một điều ngạc nhiên nữa đang chờ Simon trước nhà anh. Sách và những tập viết tay anh đã ném cạnh căn nhà đang cháy vẫn ở đó, nguyên vẹn, trong lúc xung quanh tất cả chỉ còn lại tro tàn. Nhà của Simon cũng được chữa ra như có một phép màu.

Tòa thị chính của khu Do Thái, nhà thờ và bệnh viện hai mươi năm sau mới được xây dựng lại. Nhưng Simon đợi Ève còn lâu hơn nữa. Những năm ấy anh hy vọng có thể nói với nàng rằng bản ly hôn đã cháy và giáo trưởng đã bằng mọi giá hủy bỏ thủ tục ly hôn. Simon không nhượng bộ áp lực của các nhà chức trách muốn anh bán giấy phép cư trú và kết hôn, dù bất cứ giá nào. Anh âm thầm hy vọng một ngày nào đó Ève sẽ trở về.

Nhiều người nghèo có nhà bị cháy đã tìm được những nữ trang của Ève trong đồng đồ nát.

Simon chỉ thấy lại vợ trước khi anh qua đời. Nàng đứng bên giường anh, mặc một tấm áo lụa lòng màu xanh xám, gợi nhớ màu nước sông Vltava. Simon hiểu rằng Ève đã trở thành nữ thủy thần và cố tình ném nữ trang của

nàng vào nhà những người nghèo nhất, hôm xảy ra đám cháy, để giúp đỡ những ai phải sống trong khốn cùng.

Người ta nói không có dòng sông nào ở Châu Âu có nhiều thủy thần như sông Vltava. Điều đó chẳng có gì đáng ngạc nhiên nếu như người ta biết rằng đạo luật ô nhục về các gia đình Do Thái vẫn còn có hiệu lực hơn một trăm hai mươi năm sau...

Tuy nhiên, dần dần các thủy thần biến mất trong dòng sông Vltava. Một số cho đó là vì người ta ít xây dựng những căn nhà bằng gỗ, thay cho chúng là những ngôi nhà bằng đá. Chính bởi vậy, có ít đám cháy hơn và dân chúng ở ghetto không còn cần đến các thủy thần để dập lửa. Một số khác thì nghĩ rằng các thủy thần biến mất vì một lý do khác: Thật may, càng ngày càng ít phụ nữ vì thất vọng mà phải nhảy xuống sông trẫm mình.

Người lạ mặt bí ẩn

KHỞI ĐẦU CỦA LỄ SHABBAT ĐANG ĐẾN GẦN. NGƯỜI DO THÁI của thành phố nhỏ miền Nam xứ Provence lần lượt đến trước nhà thờ.

- Aaron đâu? Mẹ của Naomi nhìn mọi người hỏi.

- Chắc em nó đang mê mải đọc sách trong phòng học mới, Naomi bao biện cho em.

Cô nắm tay em gái nhỏ bốn tuổi của mình.

- Em có nói với con rằng em thích đọc khi phòng không có người. Em ấy không bắt buộc phải dự lễ cầu kinh vì mới mười hai tuổi, phải thế không mẹ?

- Ý mẹ là muốn thấy nó ngay trước mặt đây hơn, bà mẹ thở dài.

Bà bồng trên tay con gái út một tuổi, nói với hai con trai, một lên ba, một lên năm.

- Các con sẽ vào với cậu nhé. Anh Aaron thích học hơn là đến lễ cầu kinh. Điều đó được phép, ngay cả trong lễ shabbat.

Hai cậu bé nhập vào nhóm nam giới. Phụ nữ đi vào phòng bày tranh của nhà thờ. Naomi đẩy em gái nhỏ lên trước những người phụ nữ khác để có thể nhìn rõ hơn sân khấu trước nhà thờ.

Cô dõi mắt tìm bóng dáng dong dỏng cao của người lạ mặt trẻ tuổi. Khi nhìn thấy anh, cô cảm thấy lo sợ. Có thể kế hoạch của Aaron đã thất bại? Có thể người lạ mặt, nhận ra mình bị Aaron theo dõi, đã giết cậu bé thì sao?

Từ mấy tháng nay, lễ shabbat bắt đầu trong các gia đình Do Thái với niềm phấn khích. Nguyên nhân không phải bởi sự chào đón quen thuộc dành cho

nữ hoàng Shabbat, mà là mỗi xúc động mang dáng vẻ ham muốn của các cô gái chưa chồng. Đối tượng của sự kích động là một người lạ mặt bí ẩn xuất hiện trong lễ shabbat. Sự có mặt của anh ta khiến gương mặt những người phụ nữ trẻ ngời lên. Trước mỗi lễ shabbat, anh ta trao cho vị phó thị trưởng những quà biếu có giá trị lớn dành cho cô nhi viện và dưỡng đường, làm hồi môn cho các cô gái trẻ nghèo, chi phí cho việc sửa nhà thờ, cho tang lễ dân nghèo hay những lễ hội làng xã. Ngày shabbat, anh ta ăn tối với phó thị trưởng, ngủ đêm tại nhà ông. Hôm sau, anh ta có mặt trong lễ chiều buổi sáng, buổi chiều, chập tối, rồi biến mất một cách bí ẩn.

- Chị có biết anh ta là ai không? Mọi người nhiều lần hỏi cô vợ trẻ của phó thị trưởng.

- Không, chị ta đỏ mặt, trả lời.

Mọi người lại quay sang mẹ của phó thị trưởng. Bà này liền làm ra vẻ uy nghi của một nữ hoàng cùng vẻ thông hiểu như một đại giáo trưởng.

- Đó là một người lạ mặt, bà trả lời tự tin.

- Nhưng anh ta từ đâu tới?

- Từ xa.

Bà muốn gây ấn tượng cái gì cũng biết, nhưng vẫn muốn giữ bí mật.

Bà rất tự hào về con trai mình, trẻ tuổi nhưng đã được bầu làm phó thị trưởng, khi người tiền nhiệm của ông bắt đầu ra khơi trên một chiếc thuyền caraven của Christophe Colomb. Đàn ông cũng tò mò không kém gì đàn bà. Trước những câu hỏi bóng gió, người lạ mặt đáp lại mơ hồ. Thỉnh thoảng, anh ta làm cho mọi người hiểu rằng không nên ép buộc anh ta, nếu không sẽ không ai thấy anh ta trong những lễ shabbat nữa. Không có ai lại muốn điều đó. Riêng Naomi có vẻ biết người lạ mặt đó là ai. Cô tâm sự với em trai Aaron.

- Em sẽ kiểm tra xem, em cô hứa.

Một tuần sau, Aaron biến mất. Trừ Naomi, trong nhà không ai nhận ra rằng cậu không về nhà vào ban đêm. Ông bố còn mãi đọc sách trước khi ngủ, bà

mẹ thì chăm sóc bốn đứa con nhỏ, trai có, gái có. Aaron về nhà lúc sáng sớm. Gặp Naomi, cậu kể:

- Em đã đi theo anh ta trên một con đường rừng trong nhiều giờ. Cuối cùng, anh ta đến một đồng cỏ nhỏ, nơi đó có một con tuần mã đang chờ anh ta. Anh ta bỏ cái Talith ra, cởi chiếc áo vét xoàng xĩnh và chiếc quần thường mặc, cho tất cả vào một cái túi da to, lấy ra một bộ quần áo nhung và xatanh, một cái mũ có cắm lông. Anh ta mặc vào, giấu chiếc túi có quần áo cũ. Rồi anh ta lên ngựa.

- Chị biết mà, đó là một marrane, Naomi nói.

- Chị có lý, Aaron trả lời. Hình như anh ta rất giàu.

- Càng nguy hiểm hơn cho anh ta. Nếu có kẻ tố giác, anh ta sẽ bị hỏa thiêu, Naomi nói, cứng người vì khiếp sợ. Anh ta có nhận ra em không?

- Không. Lúc ấy trời tối và em nấp sau một cái cây.

- Làm thế nào em thấy được anh ta?

- Anh ta ở giữa đồng cỏ, có ánh trăng soi, Aaron trả lời. Thêm nữa, em tin chắc rằng nếu anh ta trông thấy em thì anh ta đã giết vì sợ em sẽ tố cáo bí mật của anh ta.

- Có thể như thế, Naomi thừa nhận. Khi em thấy anh ta trong nhà thờ, tuyệt đối không để anh ta đoán được em biết anh ta là ai.

- Chị không cần phải nhắc, em đâu còn là một đứa trẻ!

Bỗng, Aaron nói với chị gái:

- Sáng thứ sáu em sẽ vào rừng đợi anh ta. Em sẽ về nhà trước lễ shabbat.

Những hồi ức đó cứ nhảy nhót trong đầu Naomi. Cô đang đứng ở hàng đầu hành lang bày tranh của nhà thờ. Lại một lần nữa cô nhìn người lạ mặt. Chắc anh ta cảm thấy cái nhìn của cô, nên hướng mắt nhìn về phía phòng tranh. Phần lớn các cô gái thở dồn. Cô nào cũng nghĩ rằng anh chàng đang nhìn mình.

Ngược lại, Naomi cúi đầu. Nỗi sợ của cô càng tăng. Cô tự nhủ sau buổi lễ, cô phải đi tìm Aaron. Vừa kịp nghĩ đến đây thì cánh cửa nhà thờ hé mở và Aaron lách vào trong. Cậu liếc nhìn về phía phòng tranh và chỉnh đốn lại “Kippa”. Đó là một dấu hiệu đã thỏa thuận: Mọi việc đều tốt. Sau buổi lễ, Aaron đến chỗ ông cậu đón em, dắt tay em ra trước nhà thờ, nhập đoàn với Naomi đang đi cùng em gái nhỏ. Đi đầu là ông bố họ, tiếp sau là bà mẹ bế đứa bé nhất trong tay và một em trai nhỏ khác.

- Khi em đến chỗ nấp sau cái cây thì người lạ mặt cũng vừa đến. Anh ta mặc quần áo truyền thống của ta và đi vào thành phố, Aaron thầm thì tâm sự với chị. Anh ta không trông thấy em. Nhưng con ngựa của anh ta suýt nữa làm em bị lộ. Nó đánh hơi thấy em và hý lên.

- Hãy ngừng theo dõi người lạ mặt đi, Naomi xin.

- Đồng ý, Aaron hứa.

- Nay, hôm nay con đọc gì trong phòng học đấy? Ông bố hỏi.

- Con đọc những bài nói về những người marrane, Aaron trả lời.

Naomi lừ mắt không tán thành.

- Tại sao con lại quan tâm đến những người buộc phải cải đạo? Ông bố hỏi.

Và ông nói thêm, giọng đùa bỡn:

- Bố hy vọng con không muốn trở thành một marrane đấy chứ?

- Không ạ. Nhưng con biết ngày càng có nhiều người marrane đến nổi ra khỏi khu Do Thái hay ra khỏi thành phố là ta có thể gặp họ.

- Đúng thế, ông bố nói.

Rồi ông thở dài, quay lại nhìn toàn thể gia đình.

- Thương thay cho họ. Các người có biết giáo trưởng nói thế nào về họ không? Một phần ba bị chết thiêu, một phần ba khác phải trốn chui trốn lủi, những người còn lại phải sống trong nỗi lo sợ thường trực... Một hôm, cha

nghe thấy giáo trưởng cảnh cáo những người muốn cải đạo: “Các người sẽ không bao giờ tìm thấy sự an lành giữa những kẻ không Do Thái. Mạng sống của các người lúc nào cũng ngàn cân treo sợi tóc.” Bất hạnh thay, họ không nghe lời ông và những người lái buôn đã kể lại với cha rằng lời tiên đoán của giáo trưởng đã thành sự thật.

Ông bố nhìn Naomi.

- Bà mỗi đã sẵn sàng nói chuyện với người lạ mặt, đề nghị với anh ta hãy chọn trong các con gái của chúng ta người vợ tương lai của anh.

Naomi đỏ chín cả mặt. Bà mẹ phản ứng:

- Nhưng chúng ta không biết anh ta là ai, từ đâu đến.

- Bà mỗi có trách nhiệm tìm hiểu, ông bố điềm tĩnh nói. Tất nhiên là trong trường hợp anh ta chọn con Naomi của chúng ta.

- Nếu anh ta là một marrane, chúng ta sẽ không gả con gái cho đâu, bà mẹ tuyên bố kiên quyết.

Khi có chuyện gì liên quan đến con cái, bà không nhất nhất tuân theo đúng từng câu những quy tắc tuân phục và hạ mình vẫn áp đặt cho các bà vợ.

Lễ shabbat kết thúc, Aaron bị kích động mạnh, liền chạy đi tìm chị gái Naomi.

- Em đã nói chuyện với anh ta!

Cậu không nhận ra mẹ mình đang ở đó.

- Với ai? Bà mẹ lo ngại hỏi.

- Với người lạ mặt.

- Con đã nói chuyện với người lạ mặt hả? Bà mẹ hỏi, càng bắn khoăn hơn.

- Không mẹ ạ. Con không bắt chuyện với một người lớn tuổi đâu. Con biết những phép lịch sự chứ. Chính anh ấy nói chuyện với con trước. Anh ấy bảo: “Tuần sau nhé và cầu Chúa phù hộ cho chị gái cậu!”

Trần ngập hạnh phúc, Naomi giấu mặt vào lòng bàn tay. Bà mẹ tái mặt, rồi bà nhìn con trai nghiêm khắc.

- Aaron, không được nói với bất cứ ai. Ngay cả với bố con. Thanh danh của Naomi có thể sẽ bị người ta nghi ngờ, vì đã bện lòng trước thái độ của một người lạ mặt.

- Dù thế nào, mẹ cũng nghĩ rằng đó là một kẻ cải đạo đã quên hết những quy tắc Do Thái về cách cư xử đúng đắn, bà mẹ dịu giọng nói thêm.

Naomi nôn nóng chờ ngày shabbat. Có thể người lạ mặt sẽ lại nói chuyện với em cô và bộc lộ thêm một chút về bản thân? Qua Aaron, cô có thể gửi cho anh ta một lời nhắn gián tiếp được không? Nhưng nhắn gì đây? Có thể cô sẽ nghĩ ra một cái gì đó thật thông minh và thỏa đáng... Nhưng, đến thứ sáu, cô phải chịu nỗi thất vọng lớn: Người lạ mặt không đến buổi lễ. Tất cả các cô gái ử rữ đến nỗi các ông bố phải trách mắng họ: Thật là không phải nếu tỏ ra buồn trong ngày shabbat. Lễ shabbat sau, sau nữa, người lạ mặt đẹp trai cũng không đến. Suốt một tháng trời, anh ta không xuất hiện.

Các cô gái thầm thì với nhau: “Anh ấy ra sao nhỉ? Đi rồi chẳng?”

Các cô quay sang vợ của phó thị trưởng. Cô ta có thể biết vị khách thường xuyên của mình đã ra sao. Nhưng cô vợ trẻ cũng chẳng biết gì hơn người khác, lại còn có vẻ lo lắng. Một hôm, trong khu phố Do Thái vang lên tiếng trống, tiếng sáo, cùng tiếng móng ngựa. Trong nhà, dân chúng cứng người vì sợ. Những tiếng ấy báo hiệu một điều bất hạnh lớn. Lính của tòa án xử bọn dị giáo xông vào các nhà, đuổi hết cư dân ra ngoài.

Chúng vợ vét tất cả mọi thứ, ăn cắp những đồ đạc có giá trị. Dân chúng tụ tập tại quảng trường. Họ chăm chú nhìn một chiếc xe bò, trên xe dựng một cây cột có một người bị trói chặt. Đó chính là người lạ mặt bí ẩn.

Kẻ đại diện cho quyền lực leo lên xe, gào to:

- Ai biết người này, hãy lại gần đây!

Không ai lại gần.

- Ai làm chứng rằng cái tên căn bã Joseph Zatsouto này đã tham dự vào các cuộc hành lễ Do Thái của các người sẽ được trọng thưởng! Vẫn cái giọng đã quen diễn thuyết đó vang lên.

Im lặng hoàn toàn. Kẻ đại diện cho chính quyền ra hiệu cho bọn lính. Chúng đi quanh những người Do Thái đang tập trung ở quảng trường. Thỉnh thoảng chúng dừng lại, căn vặn.

- Ê này, người có trông thấy Zatsouto ở đây không?

Một tên lính hỏi cha của Naomi, lấy mũi kiếm nâng mũ của ông già lên. Mũi kiếm chạm vào mặt ông.

- Không, tôi không thấy gã, ông trả lời nhẹ nhàng. Tên lính bước hai bước, dừng lại cạnh Aaron. Gã kéo ngược tai chú.

- Còn mày, thằng nhãi Do Thái, mày phải trông thấy chứ.

- Á, Aaron kêu lên. Tôi thề trên danh dự của ông, trên mạng sống của đức vua, và trên sự thanh thiên của giáo hoàng Alexandre VI rằng tôi chưa hề trông thấy anh ta!

Lời thề của cậu thiếu niên có học làm cho tên lính sửng sốt. Gã buông tai cậu ra, đi lại phía chiếc xe. Naomi liếc mắt, trông thấy những người dân khác đều lắc đầu khi trả lời chúng.

Tên chỉ huy bọn lính nhìn viên đại diện chính quyền trên xe. Chúng trao đổi nhanh vài câu với nhau. Lão chánh án tuyên bố nhạt nhẽo:

- Lũ Do Thái, ta để cho các người đến sáng mai! Hãy nghĩ kỹ đi! Nếu từ giờ đến sáng mai, không có ai đến làm chứng rằng Zatsouto đã bí mật dự lễ Do Thái, các người sẽ bị tổng ra khỏi xứ, của cải sẽ bị tịch thu. Ngược lại, nếu một trong bọn người tỏ lòng biết ơn đối với Đức thánh Cha của chúng ta, giáo hoàng Alexandre VI, vì lòng tôn kính với Tòa án thiêng liêng xử bọn dị giáo, lòng tận tụy đối với đức vua, bằng cách làm chứng đã thấy Joseph Zatsouto trong đám người, tất cả các người sẽ được phép ở lại đây, hơn nữa còn được hưởng một phần của cải của Zatsouto.

Lập tức hội đồng các hiền giả nhóm họp tại nhà phó thị trưởng. Dân chúng của khu Do Thái, đàn ông, đàn bà, trẻ con, xúm đông trước cửa ra vào, cửa sổ, trước các hành lang.

Lần này, không ai đuổi họ. Vấn đề mà hội đồng phải giải quyết liên quan đến tất cả mọi người.

Giáo trưởng tuyên bố:

- Trên bàn cân, ta có một bên là mạng sống của một kẻ lạ mặt, không còn là người Do Thái nữa, một bên là hạnh phúc của toàn thể cộng đồng của chúng ta.

Các bậc hiền giả nín thinh. Từ các cửa ra vào, cửa sổ, quần chúng cầu nhàu không tán thành. Giáo trưởng nói tiếp:

- Tôi đề nghị chọn trong chúng ta một người mang nhiệm vụ khó khăn là đi làm chứng.

- Đi phản bội! Từ cửa sổ, một giọng nói thiếu niên vang lên.

Naomi lấy tay bịt miệng Aaron và đẩy em ra xa cửa sổ.

- Chính Joseph Zatsouto mới là kẻ phản bội, một trong những vị hiền giả hướng về phía cửa sổ nói. Anh ta đã chối bỏ tôn giáo của chúng ta.

Chợt phó thị trưởng, từ nãy đến giờ vẫn im lặng, lên tiếng:

- Ta phải biết ưu ái những ai đã dao động, biết tìm đường quay về, so với những ai không bị bắt buộc phải khôi phục lại xác tín, lòng tin, niềm hy vọng vào sự công bằng của Đấng Toàn năng của họ.

Phó thị trưởng quay về phía giáo trưởng, cung kính nói:

- Thưa giáo trưởng, tôi hy vọng đã dẫn đúng sách Torah, đoạn nói về những người đã quay về sau khi chịu hình phạt?

Giáo trưởng gật đầu tán thành, hăm hở đến nỗi Naomi thoáng nghĩ ông ta

chưa hề đọc đoạn đó trong sách Torah. Nhưng cô không có thì giờ nghĩ xa hơn nữa. Cô chú ý nghe phó thị trưởng nói.

- Chúng ta không có sự lựa chọn, phó thị trưởng tuyên bố.

- Thế là thế nào? Nếu một người trong chúng ta đi làm chứng... một vị hiền giả phản ứng.

- Nếu một trong chúng ta đến làm chứng, Joseph Zatsouto sẽ bị hỏa thiêu. Và người làm chứng cũng thế, vì người đó đã không làm chứng ngay. Cuối cùng tất cả chúng ta sẽ bị đuổi đi và sẽ là may mắn nếu còn được sống sót.

- Bất hạnh thay cho chúng ta! Một vài người đàn bà rên rỉ. Quý tha ma bắt bọn bội giáo!

- Kẻ nào kêu gọi đẩy dọa người vô tội đáng thương, chính kẻ đó sẽ bị đẩy dọa! Phó thị trưởng tức giận quay về phía cửa sổ, gào lên.

- Ý ông thế nào? Các hiền giả hỏi.

- Cái tôi đề nghị phải được đám phụ nữ nghe thấy. Hãy cho họ lại gần cửa sổ.

- Đám phụ nữ ư? Những người đàn ông phản đối. Vị phó thị trưởng trẻ này không biết ông ta đang làm gì... Đã ai nghe nói đàn bà quyết định vấn đề gì chưa?

- Điều tôi đề nghị với các vị có được nhanh chóng quyết định hay không phụ thuộc vào ý kiến của những người phụ nữ của chúng ta, phó thị trưởng nhấn mạnh.

Ông chờ một lát để những người đàn ông nhường chỗ cho đám phụ nữ lên lên trước mặt họ, rồi nói tiếp:

- Tôi đề nghị với các vị là nhanh chóng thu xếp hành trang, chỉ mang những thứ cần thiết thôi và đi khỏi đây ngay.

Sự im lặng đè nặng lên cử tọa.

Aaron phá vỡ im lặng trước tiên.

- Và chúng ta sẽ đi đâu? Cậu hỏi với một sự tò mò thích thú. Tiếng của cậu làm thức tỉnh những người khác.

- Chúng ta sẽ đi đâu? Họ kêu lên, không sợ hãi.

- Chúng ta sẽ ra cảng, lên một con tàu và đi sang Tây Ấn Độ. Các thủy thủ nhiều kinh nghiệm và các đồng đạo của chúng ta sẽ dẫn đường cho chúng ta, Joseph Zatsouto là một người trong bọn họ. Chú của anh ta là Abraham Zatsouto đã gom góp nhiều dụng cụ lái tàu cho người đồng đạo của chúng ta, Christophe Colomb, sử dụng trong các chuyến thám hiểm của ông.

- Nhưng giờ Joseph sẽ ra sao? Naomi thắc mắc, không kìm được câu hỏi.

- Tôi sẽ đảm nhiệm chuyện này, phó thị trưởng nói, kiên quyết. Chúng ta có đủ tiền để mua chuộc bọn quan tòa và lính gác, cũng đủ can đảm để bắt cóc Zatsouto.

Trưa hôm sau, viên chánh án và tên chỉ huy lính gác làm bộ ngạc nhiên: Làm thế nào mà tên tù có thể trốn thoát? Chúng đổ trách nhiệm cho bọn lính bảo vệ. Bọn này lập tức bị cầm tù. Nhưng hai kẻ biến chất bất ngờ phát hiện ra khu Do Thái vắng ngắt, gió thổi lộng qua các phố không người và các ngôi nhà không cửa ra vào, không cửa sổ.

Viên chánh án ra lệnh:

- Đuổi theo chúng! Bắt lại tất cả và giết hết!

- Đuổi theo chúng! Viên chỉ huy nhắc lại. Một chiến lợi phẩm béo bở đang chờ các anh.

Lời hứa đó tăng thêm lòng hăng hái cho bọn lính. Chúng đuổi kịp những người đang chạy trốn trong rừng, gần đồng cỏ.

- Ngài hãy dẫn mọi người đi về phía Nam, Zatsouto nói với phó thị trưởng.

Cả hai đi phía sau đoàn người chạy trốn.

Naomi và Aaron đi cạnh nhau. Zatsouto lao vào những tên lính đi đầu, trong tay độc một con dao găm.

- Em biết thanh gươm của anh giấu ở đâu, Aaron kêu lên với anh và chạy về phía bụi rậm rìa đồng cỏ.

Naomi theo sát em trai. Họ lôi thanh gươm nặng ra khỏi chỗ cất giấu, mang lại cho Zatsouto đang chiến đấu như một con sư tử. Anh bắt lấy thanh kiếm. Bọn lính lập tức lùi lại một khoảng cách đáng kể. Nhưng rồi những tên khác kéo đến. Aaron liền nhảy lên lưng một tên, cắn vào tai hắn. Tên lính rú lên đau đớn, đánh rơi cây giáo. Cậu thiếu niên khéo léo bắt lấy giáo và chiếm lĩnh vị trí bên cạnh Zatsouto. Cho đến lúc đó, không một tên lính nào lên được ra phía sau họ để đuổi theo những người trốn chạy. Nhưng rõ là Zatsouto và Aaron sẽ không thể cầm cự nổi vì bọn chúng kéo đến mỗi phút một đông.

- Chạy đi, cả hai người. Em sẽ tìm chân chúng! Naomi kêu lên.

Bọn lính quay sang cô: Cô bỏ khăn quàng. Mái tóc đen dài của cô bay trong gió. Mắt cô long lên như cục than hồng. Hai bàn tay không, cô tiến lên chống lại bọn lính.

- Một con phù thủy!

Chúng lùi lại. Naomi tiến lên, cánh tay vươn ra phía trước, miệng cầu kinh.

Thốt nhiên, có tiếng rìu rít lên trong không khí.

- Chú ý, Naomi! Aaron kêu lên.

Naomi nhảy sang bên cạnh. Lưỡi rìu cắm ngập vào một thân cây, ngay cạnh cô.

- Bắt lấy nó! Viên chỉ huy hô, chỉ là một con Do Thái bình thường.

Bọn lính vây tròn Naomi. Chúng nâng kiếm lên trước cô gái không vũ khí... và chém xuống. Có tiếng kim khí vang lên như thể một thanh thép vừa đụng một thanh thép hay hai thanh kiếm giao nhau. Chỗ Naomi vừa đứng lúc trước không có ai cả... Bọn lính chưng hửng nhìn nhau, rồi kinh hoàng, vắt giò lên cổ chạy.

Zatsouto và Aaron nhìn chúng chạy trốn, rồi gọi Naomi nhưng vô hiệu. Hai người đi quanh chỗ Naomi vừa đứng. Họ không thể đợi được vì còn phải đuổi kịp những người khác. Naomi không để lại dấu tích nào.

Năm 1654, không xa vùng Amsterdam Mới, thuộc địa của Hà Lan, một chiếc tàu tên gọi Sainte-Catherine cập bến, trên tàu có hai mươi ba người Do Thái. Họ trốn khỏi thành phố cảng Recife, ở Brésil, nơi tòa án chống dị giáo lan đến.

Họ kể họ là hậu duệ của những người Do Thái đầu tiên đến cư trú ở vùng này. Thêm nữa, họ còn nói họ được cứu thoát bởi một người phụ nữ Do Thái rất dũng cảm.

Giống như tổ tiên họ xưa đã rời bỏ Thế Giới Cũ nhân một chuyến thám hiểm của Christophe Colomb, gần 150 năm trước.

HẾT

Chia sẻ Ebook: <http://www.downloadsach.com>

Follow us on Facebook: <https://www.facebook.com/caphebuoitoi>